

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

ĐÔNG 2019

32

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2019

NXB HỒNG ĐỨC

SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN

ISBN: 978-604-89-3105-6



9 786048 931056



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2019

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 32

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2019

NỘI DUNG

Giao Cảm – Ban Ấn Tổng 3

THÁNH GIÁO

... Để Khỏi Bán Đồ Nhi Phế – Đức Bảo Thọ Thánh Nương 4

Chỉ Có Lễ Xuất Gia Là Hơn Cả – Đức Vô Cực Từ Tôn 8

KHẢO CỨU | SÁNG TÁC | TRAO ĐỔI

Ba Bài Bản Thảo Giáo Khoa: 1. Sơ Lược Về Đạo Chúa – Huệ Khải 15

2. Sơ Lược Về Bốn Đề Mục Trong Giáo Lý Đạo Chúa – Huệ Khải 27

3. Sơ Lược Về Công Đồng Vatican II – Huệ Khải 46

Tròn Mười Năm Ấy Biết Bao Nhiêu Tình – Huệ Khải 62

Quá Trình Tiếp Biến Tín Ngưỡng Quan Thánh ... – Nguyễn Anh Huy 73

Chuyện “Giáo Khoa Thư” Của Tôi – Trần Huiển Ân 109

Phiếm Luận Về Chữ *Prince* – Nguyễn Minh 129

Viếng Trúc Lâm Thiền Viện ... , Cạn, *thơ* – Nguyễn Quốc Huân 103, 128

Lại Nghĩ Về Mưa / Ngày Mai Nếu Đi / Khổ Qua, *thơ* – Trần Dã Sơn 104

Thơ Trích Ngang, *thơ* – Phan Thành Minh 107

Buổi sáng / Mưa Trên Phố, *thơ* – Vĩnh An 107, 108

Khép Lại, *thơ* – Đỗ Thị Kết 108

Chuyến Đi Dài, *thơ* – Trần Huiển Ân 120

Bến Quê, *thơ* – Võ Văn Pho / Có Không, *thơ* – Kha Nguyệt 136

Gió Bốn Phương – Huệ Khải 137

Kinh Sách Mới In 141

Phương Danh Ấn Tổng 142

Bìa 1: Ngọc và Thượng Lễ Sanh Cao Đài (Tòa Thánh Tây Ninh).
Ảnh tài liệu.

Bìa 4: Đường về thánh tịnh Thanh Long Cung (Rạch Cốc, Tân An
Luông, Vũng Liêm, Vĩnh Long). *Nguồn ảnh*: FB Phan Ngọc Lợi

Bìa 4 tập Đạo Uyển này cho thấy:
Trên con đường quê quang đăng, một
đoàn tín hữu đạo phục trắng tinh
tươi, đi thành hàng trật tự. Cái đẹp
của đạo Cao Đài đang được phô bày
bên ngoài thánh sở, giữa lòng đời. Đoàn người trên đường đi
dự lễ hẳn nhiên không cố ý, chẳng chủ tâm để được chụp
ảnh. Tất cả vốn là tự nhiên. Thế mà người chụp ảnh tinh mắt
đã giữ gìn giúp cho chúng ta một góc ảnh đẹp của bạn đạo
Cao Đài. Xin tán thán. Xin tri ân.

GIAO
CẨM

Tấm ảnh chúng ta đang nói đây chụp ngày 16-6-2019 (14-
5 Kỷ Hợi), mượn từ FB Phan Ngọc Lợi (nguyên của cố hiền
huynh Thanh Căn). Người chụp ảnh là một hiền hữu ẩn danh,
môn sanh Cao Đài Tiên Thiên. Liên lạc với hiền hữu này thì
được biết thêm rằng cùng với trưởng đoàn là Phối Sư
Thượng Phương Thanh, các đạo hữu đang trên đường đến
thánh tịnh Thanh Long Cung (ấp Rạch Cốc, xã Tân An Luông,
huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long), thuộc Hội Thánh Cao Đài
Tiên Thiên, để viếng bữa tháp Anh Lớn Thượng Kính Thanh
là vị tiền bối sáng lập thánh tịnh Thanh Long Cung.

Tìm ảnh thích hợp để làm bìa sách cho Chương Trình
Chung Tay Ấn Tống nói chung, hay bìa Đạo Uyển nói riêng,
hoàn toàn không dễ chút nào. Ban Ấn Tống đâu có sẵn các
nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp cộng tác để “săn” ảnh giúp
mình; do đó, chúng tôi thường xuyên phải bỏ nhiều thời gian
“lang thang” trên Internet để lọc ảnh tìm bìa, chẳng khác
những người lặn lội gian nan tìm quặng vàng giấu mình
trong đất cát. Kết quả đều tùy thuộc may rủi mà thôi. Cười...

BAN ẤN TỐNG

ĐẠO UYỂN 32 – 3

Thánh giáo

PHẦN CHÍ KHỞI TÂM ĐỂ KHỞI BÁN ĐỒ NHI PHỄ

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 06-02 Kỷ Hợi
(Thứ Bảy 14-3-1959)

Chào chư Thánh ân Thiên mạng. Chào quý đạo muội.

THI

BẢO toàn ⁽¹⁾ *quyền pháp phải vô tư* ⁽²⁾
THỌ nhiệm ⁽³⁾ *ân oai* ⁽⁴⁾ *giữ thuận từ* ⁽⁵⁾
THÁNH lệnh ban ra đừng sửa đổi
NƯƠng nhau trở lại cảnh thanh hư. ⁽⁶⁾

Giờ này Bản Nương ⁽⁷⁾ đến báo đàn. Chư Thánh ân và toàn

-
- (1) **bảo toàn** 保全 (*preserving*): Giữ gìn cho trọn vẹn, không để sút
mẻ hay hư hỏng.
- (2) **vô tư** 無私 (*unbiased, impartial*): Không có lòng riêng, không
thiên vị, không thành kiến.
- (3) **thọ nhiệm** (nhậm) 授任 (*accepting an appointment*): Nhận lãnh
một chức vụ.
- (4) **ân oai** (*grace and power; favour and authority*): Ân uy 恩威; ơn
đức và uy quyền.
- (5) **thuận từ** 順慈 (*harmony and love*): Hòa thuận và yêu thương.
Tđ: Thọ nhiệm ân oai giữ thuận từ.
- (6) **thanh hư** 清虛 (*purity and emptiness*): Trong sạch và rỗng rang.
cảnh thanh hư 清虛景 (*the scenery of purity and emptiness*):
Cảnh Tiên (*the scenery of Immortals*).

liệt quý nữ thành tâm nghinh giá.⁽⁸⁾

Lòng Bản Nương lúc nào cũng ưu tư⁽⁹⁾ cho chư hiền muội trên đường hành công lập hạnh. Chư hiền muội còn phải vượt qua nhiều khó khăn. Nếu không **phấn chí khởi tâm**⁽¹⁰⁾ thì đành phải **bán đồ nhi phế**.⁽¹¹⁾⁽¹²⁾ Cơ hội nào mới được hội hiệp cùng Thầy, mới về quê xưa vị cũ? Bản Nương rất mừng là năm xuân thánh đức hồng ân cáo chọn,⁽¹³⁾ phân phàm lọc thánh sắp xếp thứ tự Thiên ân, chư muội được tiếp

⁽⁷⁾ **Bản Nương** 本娘: (*a formal form of addressing oneself*): Bản cũng nói là *Bổn*. Một vị Thánh Nương thì xưng *Bản/Bổn Nương* 本娘. Đức Tiếp Văn Pháp Quân tự xưng *Bản/Bổn Quân*. Một vị Thánh thì xưng *Bản/Bổn Thánh* 本聖. Một vị Thần thì xưng *Bản/Bổn Thần* 本神. Một vị vương thì xưng *Bản/Bổn Vương* 本王. Một vị quan chức thì xưng *Bản/Bổn Chức* 本職. Đời Tống (Trung Hoa) ông Bao Công cai quản phủ Khai Phong nên thường tự xưng là *Bản/Bổn Phủ* 本府. Ngày xưa, một sứ thần nói với người nước khác thì gọi nước mình là *Bản/Bổn Quốc* 本國 (nước của tôi). Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn khi giáng cơ, nói với đàn em thì xưng *Bản/Bổn Huynh* 本兄.

⁽⁸⁾ **nghinh giá** 迎駕 (*welcoming the Golden Mother of the Jade Lake*): Đón tiếp Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

⁽⁹⁾ **ưu tư** 憂思 (*anxious and worried*): Lo nghĩ.

⁽¹⁰⁾ **phấn chí khởi tâm** 奮志起心 (*ardently doing something with strong will*): Hăng hái trong lòng và mạnh mẽ ý chí.

⁽¹¹⁾ **bán đồ nhi phế** 半途而廢 (*giving up halfway; leaving something unfinished*): Nửa đường bỏ cuộc; bỏ dở nửa chừng công việc đang làm.

⁽¹²⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽¹³⁾ **cáo chọn** (khảo tuyển 考選 / *selecting by examining*): Xem xét để chọn lựa.

kỳ đại xá, mở tu viện, lập học đường, đào tạo công năng đáng người đạo hạnh. Chư vị an tọa.

Tại tu xá⁽¹⁴⁾ Tam Kỳ được Đức Ngô Tiên Ông ban giáo đường⁽¹⁵⁾ huấn học⁽¹⁶⁾ cho chị em, thì từ nay cố gắng một lòng tiến lên, một lòng vì mục đích cao cả, để trọn ân thánh đức. Chư chị em bây giờ cần chọn lọc ba mươi sáu người vào tu xá này tu học. [Sau] thời gian hai năm sẽ ra hành đạo. Nếu cơ hội này bỏ qua thì không còn thời buổi nào tổ chức lại được.

(...)

Đây Bản Nương nói về chị em xuất gia vào cơ sở Đoàn⁽¹⁷⁾ để cùng sống mà tu. Điều ấy là một ý tốt. Bản Nương hằng cầu nguyện. Nhưng sự xuất gia đây chị em còn ham vui chạy theo phong trào, chưa phải nhận chân⁽¹⁸⁾ được con đường cứu cánh⁽¹⁹⁾ trọn vẹn. Chị em còn nặng tình cảm, nên lòng



Bảo Thọ Thánh Nương
(Trần Doãn Cơ 1912-1944)

⁽¹⁴⁾ **tu xá** 修舍: Nhà tu cho nam (*monastery*) hay nữ (*convent*). **tu xá Tam Kỳ**: Nhà tu Phước Huệ Đàn của dòng tu Bảo Thọ ở Tam Kỳ (tỉnh Quảng Nam), dành cho nữ tu.

⁽¹⁵⁾ **giáo đường** 教堂 (*hall for teaching the dao*): Nhà để dạy đạo.

⁽¹⁶⁾ **huấn học** 訓學 (*training*): Hiểu như huấn luyện 訓練, đào tạo.

⁽¹⁷⁾ **Đoàn**: Ý nói Nữ Đoàn Giải Thoát.

⁽¹⁸⁾ **nhận chân** 認真 (*realising the truth*): Nhận rõ được sự thật.

⁽¹⁹⁾ **cứu cánh** 究竟 (*saving humans from samsara*): Người Hoa dịch **ba la mật đa** 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Hán là **đạo bí ngạn**

CHỈ CÓ LỄ XUẤT GIA LÀ HƠN CẢ

Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 06-02 Kỷ Hợi (Thứ Bảy 14-3-1959)

TÁI CẦU

Mẹ mừng các con.

THI

*Vô vi thanh tịnh nhẹ lòng con
Cực nhọc quả công gắng chí bòn⁽⁷⁾
Từ thuở khai thiên nay một hội
Tôn ty⁽⁸⁾ em chị giới quy tròn.*

Mẹ lấy làm vui, được trông vào lòng mỗi con thấy nhiệt thành nên hôm nay đông đủ xa gần đều có mặt. Còn gì tốt đẹp hơn. Đó là của lễ⁽⁹⁾ dâng cho Thầy rất nên quý trọng.

Ngày này cũng như bao ngày về sau, nếu được mỗi lần Mẹ đến, các con có những buổi lễ long trọng này đón tiếp, thì lo gì ân phước không đến, quyền pháp không trao.

Các lễ long trọng **chỉ có lễ xuất gia là hơn cả**.⁽¹⁰⁾ Xuất gia

⁽⁷⁾ **bòn** (*picking every smallest bit*): Bòn mót, nhặt nhạnh từng chút mảy mún, không bỏ sót.

⁽⁸⁾ **tôn ty** 尊卑 (*the order of rank or seniority*): Trật tự có trên có dưới, có lớn có nhỏ.

⁽⁹⁾ **của lễ** (*tế phẩm 祭品 / offerings*): Lễ phẩm, những thức dâng lên các Đấng thiêng liêng.

⁽¹⁰⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

mình chưa được vô tư. Nếu không cân đi nhắc lại⁽¹⁾ thì để tiếng⁽²⁾ cho sau này không ít. Vì vậy mà phải có một hình thức cảo chọn trong thời gian ba năm học và hành đạo.⁽³⁾ Đáng ra⁽⁴⁾ vào tu thì phải có một hồng thệ, nhưng vì thấy các hiền chưa thông lễ đạo, chưa biết được mình, nên để từ từ mở lần căn trí⁽⁵⁾ và tự phát tâm.

(. . .)

Thôi, chư hiền nghiêm đàn tái cầu.⁽⁶⁾ Bản Nương chào.

到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác), cũng dịch là **cứu cánh**. Thế nên **cứu cánh** còn có nghĩa là cứu độ, cứu rỗi, giải thoát luân hồi sanh tử.

(1) **cân đi nhắc lại** (*considering something carefully*): Cân nhắc tới lui; cân nhắc đi cân nhắc lại, suy xét rất cẩn thận.

(2) **để tiếng** (*leaving notoriety behind*): Để lại tiếng xấu.

(3) **ba năm học và hành đạo**: Gồm hai năm học và thêm một năm hành đạo.

(4) **đáng ra vào tu phải có một hồng thệ** (*You should have taken a solemn pledge when entering the convent*): Lễ ra phải có lời thề rất nặng khi vào nhà tu.

(5) **căn trí** 根智 (*capabilities*): Năng lực hay khả năng bản thân, nhờ đó có thể lãnh hội hay thực hiện được việc gì.

tiểu căn trí 小根智 (*limited capabilities*), **hạ căn trí** 下根智 (*inferior capabilities*): Năng lực hay khả năng bản thân ít ỏi, hạn chế nên khó lãnh hội hay khó thực hiện được việc gì.

đại căn trí 大根智 (*great capabilities*), **thượng căn trí** 上根智 (*superior capabilities*): Năng lực hay khả năng bản thân dồi dào, phong phú nên dễ lãnh hội hay dễ thực hiện được việc gì.

(6) Tái cầu Đức Mẹ.

HUỆ KHẢI chú thích, **LÊ ANH MINH** hiệu đính

để tìm lấy một nguồn sống êm đềm, một cảnh đời vinh quang, chân hạnh phúc, rồi đưa nhân sanh đến cùng chung hưởng cái lạc thú vô sinh bình đẳng ấy. Loài người thoát khỏi oan trái khổ đau.

Không phải xuất gia để tránh cái bốn phận làm người trong xã hội, làm con trong gia đình, làm dân của một nước, mà cũng không phải bị tình duyên bạc đãi, thất vọng với nỗi nợ điều kia. Mà xuất gia với một trách nhiệm tương lai giải phóng nhân quần ra ngoài ảo vọng cạnh tranh khổ đau trong trường thế sự. Thế thì xuất gia đầy thơ mộng yêu đương, đầy nhiệt tâm độ thế. Có xuất gia mới được lẽ đạo bao hàm, xô thành kiến chật hẹp, dẹp bản ngã thấp hèn, bỏ tự tư⁽¹¹⁾ tham dục, ngoài ái ân tình cảm nhỏ nhen, để lòng mình không một chướng ngại ngăn che, một mối trái oan nào ràng buộc. Thân được tự do, tâm được sáng suốt, thì làm việc mới minh chính,⁽¹²⁾ lời nói mới chân thật, phán đoán được công bình.

Người giải thoát chưa nói là Thần Thánh đi nữa, lòng cũng chứng đến cao đẳng linh thông. Vì vậy mà phần thưởng trên Thiên Đình chỉ dành cho người giải thoát hơn cả.

Người giải thoát là đại hùng⁽¹³⁾ chiến thắng ma nghiệp, can đảm hơn cả, mãnh lực vô cùng. Thật thế, chỉ có hàng giải

⁽¹¹⁾ **tự tư**: Nói đủ là *tự tư tự lợi* 自私自利 (*everything for self and selfish profit; with no regard for others; selfish*). Chỉ mưu đồ lợi ích của riêng mình.

⁽¹²⁾ **minh chính** 明正 (*straightforward*): Trong sáng và ngay thẳng.

⁽¹³⁾ **đại hùng** 大雄 (*great hero*): Bậc anh hùng vĩ đại (vì đã chiến thắng chính mình). Điện thờ Đức Thích Ca được gọi là *Đại Hùng Bửu Điện* 大雄寶殿 (*Hall of Great Hero*).

thoát mới không bị nô lệ cho ma danh quý lợi, ái ân yêu tà. Người giải thoát không hẹp chật tình thương, không nhỏ nhen sự sống, không ích kỷ hạnh phúc riêng mình, mà đứng ngoài thế gian, lo cho thế gian những phần hy vọng, không con ràng chông buộc, không lợi khiến danh sai. Ở trần muôn kẻ mất tự do mà chỉ mình thông dong tiêu nhân,⁽¹⁴⁾ không bị một vật gì ngăn trở, thì người giải thoát không hơn sao được?

Thử hỏi, ai dưới thế này không đắm sắc mê duyên, say tình luyến lợi? Con con cháu cháu, lắm phải tồi tàn. Con mình sanh, công mình nuôi, dạy khôn chỉ khéo, đổ sức trút thần vào xây đắp nó. Lẽ ra nó phải hết phận đền bù. Thế mà dưới trần mấy ai ngưỡng lên, mà bao nhiêu đều trút xuống. Bởi thương xuống mà phạm tội bất hiếu bất nhân. Cha mẹ đâu bằng con. Ông bà đâu hơn cháu.

Ôi, loạn nghịch đạo lý nên gây biết bao nhiêu oan trái trả vay. Nợ ấy cấu hợp⁽¹⁵⁾ còn nhiều thì tử sanh luân hồi mãi mãi. Đời nay nói nhơn đạo,⁽¹⁶⁾ chưa mấy người biết trung biết hiếu. Vì thế mà luân thường⁽¹⁷⁾ sụp đổ. Đã sụp đổ, con

⁽¹⁴⁾ **tiêu nhân** 蕭閒 (*free and at ease*): Tiêu sái 蕭灑 (không bị trói buộc) và nhàn nhã.

⁽¹⁵⁾ **cấu hợp** 構合 (*making up together*): Kết hợp với nhau.

⁽¹⁶⁾ **nhơn đạo** 人道 (*the way of man*): Đạo làm người.

⁽¹⁷⁾ **luân thường** 倫常 (*proper human relationships; both the five relationships [i.e., government-citizens, parents-children, sibling-sibling, husband-wife, friend-friend] and the five constant virtues [i.e., benevolence, righteousness, propriety, wisdom, sincerity]*): Những mối quan hệ đúng đắn con người phải luôn noi theo, gồm có *ngũ luân* 五倫 (năm mối quan hệ giữa: nhà nước và công dân,

người vụ lợi⁽¹⁸⁾ quên nghĩa, nên cần phải xây dựng đời, lập nên thể đạo lành mạnh.

Muốn có nền thể đạo lành mạnh thì ai là người phải lo đóng góp, đương đầu việc này? Ai cũng bận lo cho thân mình, con cháu mình, vợ chồng mình, thì việc đời tới đâu hay đó. Suy đổ rồi. Nguy cấp đến rồi. Nên gánh nợ quần sinh⁽¹⁹⁾ thì chỉ có người rảnh thân mới làm được, không nhà mới lo được. Vì vậy mà nền đạo cứu đời đòi hỏi kẻ giáo sĩ là người xuất gia.

Người xuất gia có hai hạng. Hạng có gia đình rồi, vợ con rồi, mà đành đoạn cắt mối thân ái, phứt cả lợi danh vì tiền đồ⁽²⁰⁾ nhân loại mà lên đường hành đạo. Hạng này cũng anh hùng có gan. Nhưng hạng đồng chơn⁽²¹⁾ chưa nhuốm mùi đời là xứng đáng. Vì ai đến đây mà không nhiễm? Kẻ bị nhiễm mà biết cởi mở cũng ít người. Vì vậy, trong nền đạo hai hạng này làm quân khu (?) tiền phong⁽²²⁾ an bang tế thế. Đã được danh dự nhất trong đời, dù chưa có công đức với chánh pháp, nhơn sanh, lúc chung liễu cũng chứng được ngũ

cha mẹ và con cái, vợ chồng, anh chị em, bạn bè) và *ngũ thường* 五常 (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).

⁽¹⁸⁾ **vụ lợi** 務利 (*just seeking benefits for oneself*): Chỉ mưu cầu lợi ích cho bản thân.

⁽¹⁹⁾ **quần sinh** 群生 (*humans*): Nhân sinh, loài người.

⁽²⁰⁾ **tiền đồ** 前途 (*prospects, future*): Con đường phía trước, tương lai.

⁽²¹⁾ **đồng chơn** 童真 (*unmarried, virgin*): Chưa kết hôn, còn trinh bạch.

⁽²²⁾ **tiền phong** 前鋒 (*vanguard*): Người đi đầu trong một lãnh vực hoạt động.

đăng linh thần, hướng là mang một sứ mạng có một trách nhiệm, lòng lại giác ngộ, về ngôi trên cửu phẩm cũng được dự phần.

Có một điều Mẹ lo: Nguyên chưa quyết, chí chưa lập, tình ý còn ngóng đó trông kia, ngoài thì lành lẽ trơn tru, mà trong lòng bần hoi chất chứa. Nếu không dốc tình đoạn tuyệt, thì lâu mau nó cũng kéo tới tri lui, đời con mãi luẩn quẩn không ra khỏi vòng oan khiên nghiệp chướng, tối tăm phiền não. Con phải có gan. Tuy đau nhưng chỉ đau một hồi, chứ để mãi thì liên tiếp chập chồng khổ khổ. Về Đoàn,⁽²³⁾ sống tập đoàn, các con nên bỏ hẳn cái thói nữ nhi thường tình,⁽²⁴⁾ phụ nhơn nan hóa⁽²⁵⁾ mà lấy lòng vô tư⁽²⁶⁾ ăn ở với nhau. Đừng hẹp hẹp,⁽²⁷⁾ ganh tương⁽²⁸⁾ rồi đi đến ngày tan vỡ.

Mẹ cũng cho các con biết rằng số đã xuất gia này một ngày kia không phải được tròn vẹn. Nhưng lòng từ bi độ được bước nào mừng bước nấy. Các con cố gắng và cẩn thận giữ mình, nên luôn luôn cầu nguyện.

Mẹ cầu xin Lý Bạch lập cho con một nhà tu, vừa luyện trí

⁽²³⁾ **về Đoàn**: Về sống chung trong Nữ Đoàn Giải Thoát.

⁽²⁴⁾ **nữ nhi thường tình** 女兒常情 (*women's common feelings*): Lòng dạ hay tình cảm thường có của phần đông phụ nữ.

⁽²⁵⁾ **phụ nhơn nan hóa** 婦人難化 (*women's transformation difficulty*): Sự khó sửa đổi của đàn bà.

⁽²⁶⁾ **vô tư** 無私 (*unbiased, impartial*): Không có lòng riêng, không thiên vị, không thành kiến.

⁽²⁷⁾ **hẹp hẹp**: Hẹp hòi.

⁽²⁸⁾ **ganh tương** (*envious*): Tranh cạnh, so bì, ghen tỵ.

Bản thảo giáo khoa

quy thần, vừa chế ngự cảm tình, ngăn phần tư dục.⁽¹⁾ Nên tại tu xá cần đòi hỏi có được một số giáo sĩ để xây dựng Hội Thánh Nữ Phái. Nên mở một kỳ học tập đủ các khoa học,⁽²⁾ chính trị học... để mở đường trí thức cho các con, ổn định phần tâm linh, chế kiềm bớt tư dục. Rồi đây con lên đường hành đạo lập công, lượm lặt ít nhiều nhơn duyên trong quần chúng.

(...)

*Phê y tâm nguyện trẻ mong cầu
Chuẩn tắc⁽³⁾ nơi đây chớ nhầm đầu
Nữ hạnh quyết tâm lo lánh tục
Đoàn viên⁽⁴⁾ dốc chí sự đương đầu
Giải mê sanh chúng toan tu học
Thoát khỏi trần hồng phải tựa nhau
Thành bại đứng ngoài toan giải quyết
Lập nền phước huệ⁽⁵⁾ nhớ cho sâu.*

(...)

Thôi, Mẹ ban ơn lành mỗi con. Mẹ thăng.

(1) **tư dục** 私欲 (*selfish desire*): Ham muốn ích kỷ, riêng tư.

(2) **khoa học** (khoa 科 / *branch of study*): Môn học, ngành học.

(3) **chuẩn tắc** 準則 (*criterion, norm, standard*): Nguyên tắc chuẩn mực.

(4) **đoàn viên** 團員 (*member*): Thành viên Nữ Đoàn Giải Thoát.

(5) **nền phước huệ**: Nền móng tạo lập bằng cách vừa làm công quả để giải nghiệp (tu phước) và vừa tịnh luyện (tu huệ).

HUỆ KHẢI chú thích, **LÊ ANH MINH** hiệu đính

Trong đạo Cao Đài hiện nay đang có nhu cầu biên soạn một số bài giảng về tôn giáo bạn, với những nét căn bản và khái quát ngõ hầu bổ sung vào hành trang lớp người hướng đạo Kỳ Ba, thi hành theo thánh ngôn chỉ dạy từ xưa. Đơn cử:

Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 15-4 Bính Ngọ (Thứ Sáu 03-6-1966), Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt ban trao cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam⁽⁶⁾ một bản đồ tu học và hành đạo với tên gọi *Lịch Trình Hành Đạo*. Trong các cấp chức vụ của Cơ Quan, về phần Phó Ban, Đức Lê Đại Tiên minh định: Phó Ban có cùng phương vị⁽⁷⁾ hành đạo với giáo sĩ; Phó Ban sẽ cầm pháp Thầy mà gieo rải đến nhơn sanh. Để trang bị cho Phó Ban một “vốn liếng” khả dụng ngõ hầu thực thi chức năng đã được minh định như thế, Đức Lê Đại Tiên dạy Phó Ban phải nghiên cứu, tìm hiểu Thánh Đạo (gồm chung Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Hồi Hồi Giáo [Islam]) cho thông suốt.

Mục BẢN THẢO GIÁO KHOA quý Bốn này trình bày giản lược về *Đạo Chúa* (tách làm ba buổi giảng), nhằm đáp ứng chút ít tài liệu tham khảo, ước mong góp phần bé mọn để quý đạo hữu giảng viên có thể nhẹ bớt phần nào “gánh nặng” trong muôn một. Biển học vô bờ. Chúng tôi kính mong và tin tưởng quý đạo hữu luôn hoan hỷ lượng thứ mọi nhầm lẫn, thiếu sót nếu chúng tôi vướng phải, và sẽ vui lòng chỉ giáo để chúng tôi kịp thời sửa chữa chỗ sai lầm, bổ túc chỗ thiếu sót. Gọi mục này là “Bản thảo giáo khoa” cũng vì lẽ ấy. (H.Kh.)

(6) Từ năm 1985 gọi là *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo*.

(7) **phương vị** 方位 (*position*): Vị trí, vị thế, tư cách để làm việc gì.

Bài 1. SƠ LƯỢC VỀ ĐẠO CHÚA

1. VÀI DANH XƯNG CẦN BIẾT

Đạo (tôn giáo, *religion*) trong chữ Nho là *giáo*. Do đó, nói *đạo Thiên Chúa* tức là *Thiên Chúa Giáo*, có thể gọi tắt là *đạo Chúa*.

“Người Việt mình dùng chữ *đạo* theo nghĩa chữ *giáo* 教 (tôn giáo). *Đạo* nghĩa là đường đi. Con đường rộng lớn được gọi là *đại đạo*. Đức Giê-su dạy: *Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy.* (Gio-an 14:6)

Ngoài ra, người Việt chúng ta xưa nay vẫn quen gọi tên một đạo theo tên hay danh hiệu của Đấng khai sáng (giáo chủ); do đó, ta hay nói đạo Khổng (do Đức Khổng Tử khai sáng), đạo Lão (do Đức Lão Tử khai sáng), đạo Phật (do Đức Phật Thích Ca khai sáng), đạo Cao Đài (do Đức Cao Đài Tiên Ông khai sáng)... Đức Chúa Giê-su là giáo chủ khai sáng một nền đạo đưa con người đến với Chúa Cha, vậy thì tôn giáo do Chúa Giê-su khai sáng gọi là đạo Chúa.”⁽⁸⁾

Như nói trên, đạo Chúa do Đức **Giê-su Ki-tô**⁽⁹⁾ khai sáng.

⁽⁸⁾ Huệ Khải giải thích trong bài “Một Tập Sách Liên Tôn Công Giáo Và Cao Đài”, in trong tuần san *Công Giáo Và Dân Tộc*, số 2195, tuần lễ từ 01-3 đến 07-3-2019, tr. 38.

⁽⁹⁾ Ngày nay kinh sách Công Giáo thường viết là *Giêsu Kitô*, bỏ các dấu gạch nối. Tuy nhiên, trong bài này vẫn giữ dấu gạch nối giữa các âm tiết (*syllables*) để thống nhất với cách viết tên người, tên đất dẫn theo bản dịch Kinh Thánh 2011 của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, và cũng giúp chúng ta dễ đọc các tên

1.1. Giê-su là tên riêng (*name*), do người Việt dịch âm (*transliterating*) từ tiếng Latin là *Iesus* (tiếng Anh: *Jesus*; tiếng Pháp: *Jésus*).

Iesus được người Hoa dịch âm và viết là 耶穌, từ Hán-Việt là *Da Tô* hay *Gia Tô*. Chữ *Da/Gia* có nghĩa là *cha*.

Do cách dịch âm của người Hoa, đạo Chúa còn gọi là **Da/Gia Tô Giáo**, tức là *đạo Giê-su*. Trong đạo Cao Đài, Chúa giảng cơ xưng là **Gia Tô Giáo Chủ**. Khi đọc sớ, tín đồ Cao Đài khấn: *Nam mô Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn*.

1.2. Ki-tô là danh hiệu (*title*), do người Việt dịch âm từ tiếng Bồ Đào Nha là *Cristo* (tiếng Latin là *Christus*, tiếng Anh và Pháp là *Christ*). Người Hoa dịch âm *Cristo* và viết là 基督, từ Hán-Việt là **Cơ Đốc**.

Cristo (Christ) nghĩa là Đấng được xức dầu (*the Anointed One*), cũng gọi là Đấng Mê-si-a (*Messiah*) theo tiếng Hi-bơ (Hebrew). Chúa Giê-su là Đấng được Thiên Chúa xức dầu để thi hành sứ mạng cứu thế, do đó Chúa được gọi là **Giê-su Ki-tô** (ghép tên riêng với danh hiệu).

Do cách dịch âm danh hiệu *Cristo* là Ki-tô hay Cơ Đốc, đạo Chúa còn gọi là **Ki-tô Giáo, Cơ Đốc Giáo**, tức là đạo của Đấng được xức dầu. Các môn đồ của Chúa được Công Giáo gọi là **Ki-tô hữu** (bạn của Đấng được xức dầu) và được Tin Lành gọi là **Cơ Đốc nhân** (người của Đấng được xức dầu).

1.3. Khi truyền đạo sang Trung Hoa, các giáo sĩ phương

riêng được tách rời từng âm tiết. Các đoạn Kinh Thánh dẫn trong ba bài này đều trích từ bản dịch 2011 của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ.

Tây gọi tôn giáo của mình là 天主教 (*Thiên Chủ Giáo*), nhưng người Việt hay đọc chữ *Chủ* thành *Chúa*, nên gọi đạo Chúa là **Thiên Chúa Giáo** (tôn giáo của Đức Chúa Trời).

1.4. Khi nói **Thiên Chúa Giáo**, phần đông người Việt muốn nói tới *Giáo Hội Công Giáo Rô-ma (Roman Catholic Church)*, thường gọi tắt là **Công Giáo (Catholicism)**, với trung tâm là thành phố Vatican nằm trong lòng thủ đô Rô-ma của nước Ý. Vatican cũng gọi là vương quốc Vatican, đứng đầu là *Giáo Tông (Pope)*, về sau người Việt gọi là *Giáo Hoàng (Hoàng 皇 là vua)*. Bộ máy hành chánh trung ương của Vatican vì vậy còn được gọi là *giáo triều Rô-ma (the Roman Curia)*. *Triều 朝* tức là triều đình (*royal court*).

1.4.1. Ở miền Nam, thời chánh phủ Ngô Đình Diệm (1955-1963), một số người không theo đạo Chúa không ưng gọi ngày *Chủ Nhật* là *Chúa Nhật*, và cũng không tán thành cách gọi đạo Chúa là *Công Giáo*. Họ cho rằng gia đình Ngô Tổng Thống theo đạo Thiên Chúa, mà anh ruột ông Gio-an Bao-ti-xi-ta Ngô Đình Diệm là Giám Mục Phê-rô Mác-ti-nô Ngô Đình Thục (1897-1984), và gia đình họ Ngô muốn biến đạo Thiên Chúa thành quốc đạo, nên đã tạo ra hai chữ Công Giáo (!).

1.4.2. Bởi lẽ từng có sự ngộ nhận về hai chữ Công Giáo nên sau này Giáo Sư Trần Văn Toàn (1931-2014), giảng dạy tại Viện Đại Học Công Giáo Lille (nước Pháp), giải thích:

(*Từ thế kỷ XVII cho đến hết thế kỷ XIX, chưa bao giờ dùng hai chữ “Công Giáo”. Mãi đến thế kỷ XX mới dùng, nhưng tôi chưa biết đích xác ai đã bắt đầu dùng ở Việt Nam, dùng từ bao giờ và trong văn kiện nào.*

Theo Giáo Sư Toàn, chữ *công* có nghĩa là *chung*; vậy, Công

Giáo tức là đạo chung cho mọi người.⁽¹⁰⁾

Tiếng Anh cũng giải thích *catholic* là *universal* (chung, phổ quát); *of interest or use to everyone* (có ích cho mọi người).⁽¹¹⁾

1.5. Bài này nói về Thiên Chúa Giáo, tức là Công Giáo Rô-ma hay nói gọn là Công Giáo. Tôn giáo này đặt nền tảng trên sự giảng sinh, đời sống, lời dạy, sự chết trên thập tự giá, và sự sống lại của Đức Giê-su, người làng Na-da-rét (*Nazareth*), xứ Pa-lét-tin (*Palestine*), nay thuộc Ít-ra-en (*Israel*).

Theo *Từ Điển Bách Khoa Anh (Encyclopaedia Britannica)*, trên thế giới ngày nay có khoảng 2,3 tỷ người là Ki-tô hữu (*Christians*), và tính riêng số người theo Công Giáo (*Roman Catholics*) thì ước chừng 1,3 tỷ.⁽¹²⁾ Theo *Niên Giám Hội Đồng Giám Mục Việt Nam 2017*, Chương 23, tính đến ngày 31-12-2015, Công Giáo Việt Nam có 6.756.303 tín đồ.

2. SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC GIÊ-SU ⁽¹³⁾

Thánh tông đồ ⁽¹⁴⁾ Mát-thêu (Mt) ghi chép như sau:

⁽¹⁰⁾ Trần Văn Toàn, “Về Nguồn Gốc Hai Chữ Công Giáo”, in trong *Đạo Uyển Hạ 2019*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, tr. 122, 127.

⁽¹¹⁾ <http://www.lexicolatry.com/2014/03/catholic-etymology-of-catholicism.html>

⁽¹²⁾ *Of the estimated 2.3 billion Christians in the world, about 1.3 billion of them are Roman Catholics.*

(<https://www.britannica.com/topic/Roman-Catholicism>, cập nhật 21-6-2019)

⁽¹³⁾ Để tìm hiểu thêm về cuộc đời Đức Giê-su, có thể tham khảo: Huệ Khải, *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019.

⁽¹⁴⁾ **tông đồ** 宗徒 (*apostle*): Sứ đồ 使徒, người được sai đi. Theo Tân Ước, ngay từ đầu Chúa Giê-su chọn mười hai người đi theo

2.1. Gốc tích Đức Giê-su

Bà Ma-ri-a đã hứa hôn với ông Giu-se. Trước khi hai ông bà chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Ông Giu-se không muốn tố giác bà, nên định tâm bỏ bà cách kín đáo. Thiên sứ báo mộng cho ông, bảo rằng đừng ngại đón bà Ma-ri-a về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần; bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su. Khi tỉnh giấc, ông Giu-se làm đúng như lời Thiên sứ dạy. (Mt 1:18-24)

2.2. Các nhà chiêm tinh đến bái lạy

Đức Giê-su ra đời tại Bê-lem, miền Giu-đê, thời vua Hê-rô-đê (người La Mã) cai trị. Có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giê-ru-sa-lem, và hỏi: “Đức Vua của dân Do Thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi tìm đến bái lạy Người.”

Vua Hê-rô-đê bí mật vời các nhà chiêm tinh đến và dặn: “Khi tìm thấy Hài Nhi, xin báo lại cho tôi, để tôi cũng đến bái lạy Người.”

Ngôi sao họ đã thấy ở phương Đông lại dẫn đường cho họ đến gặp Hài Nhi và ông bà Giu-se. Sau đó, họ được báo mộng là đừng quay lại gặp vua Hê-rô-đê mà hãy theo lối khác trở về xứ. (Mt 2:1-12)

2.3. Trốn sang Ai Cập

Ngài, gọi là Nhóm Mười Hai hay Tông Đồ Đoàn (*Apostolic College*). Các vị thành Thánh nên gọi là Thánh tông đồ (*Apostolic Saint*).

Thiên sứ lại báo mộng cho ông Giu-se, bảo hãy đem Hài Nhi và bà Ma-ri-a trốn sang Ai Cập vì vua Hê-rô-đê sắp tìm giết Hài Nhi. Ông Giu-se liền thức dậy, và gia đình ông trốn sang Ai Cập ngay trong đêm.

Vua Hê-rô-đê bị các nhà chiêm tinh đánh lừa thì nổi giận, sai lính đi tới Bê-lem và các vùng lân cận, tàn sát tất cả con trẻ ở từ hai tuổi trở xuống. (Mt 2:13-16)

2.3. Từ Ai Cập về đất Ít-ra-en

Sau khi vua Hê-rô-đê chết, thiên sứ báo mộng cho ông Giu-se, bảo hãy đưa Hài Nhi Giê-su và bà Ma-ri-a rời khỏi Ai Cập mà trở về Ít-ra-en. Ông Giu-se làm y như vậy. Nhưng nghe tin Ác-khê-lao đã kế vị vua cha là Hê-rô-đê, đang cai trị miền Giu-đê, nên ông Giu-se không dám về đó. Sau khi được báo mộng, ông lui về miền Ga-li-lê, và đến thành Na-da-rét. (Mt 2:19-23)

2.4. Đức Giê-su chịu phép rửa

Đức Giê-su từ miền Ga-li-lê đến sông Gio-đan, gặp ông Gio-an Báp-tít để xin ông làm phép rửa cho mình. Khi Đức Giê-su chịu phép rửa xong, vừa ở dưới nước lên, thì các tầng trời mở ra. Thần Khí Thiên Chúa ⁽¹⁵⁾ đáp xuống như chim bồ câu và ngự trên Ngài. (Mt 3:13-16)

⁽¹⁵⁾ **Thần Khí** (*Đức Năng* 德能 / *Spirit*): Cựu Ước dùng Thần Khí để chỉ hơi thở, hoạt động của Thiên Chúa. Tân Ước dùng Thần Khí để chỉ Chúa Thánh Thần (Ngôi Ba trong Thiên Chúa Ba Ngôi) và các hoạt động của Ngài. Tin Lành gọi Thần Khí là **Thánh Linh** (*Holy Spirit*). Thánh giáo Cao Đài cũng dùng hai chữ *Thánh Linh*. Xem thêm: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 64-69.

2.5. Đức Giê-su chịu cám dỗ

Đức Giê-su được Thần Khí dẫn vào hoang địa để chịu quỷ cám dỗ. Chúa ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày. Quỷ cám dỗ Chúa không được đành bỏ đi. Bấy giờ các thiên sứ liền đến hầu hạ Chúa. (Mt 4:1-11)

2.6. Đức Giê-su rao giảng khắp miền Ga-li-lê

Đức Giê-su bỏ Na-da-rét, đến một thành ở ven biển hồ Ga-li-lê. Từ lúc đó, Đức Giê-su bắt đầu giảng đạo và chữa lành mọi kẻ bệnh hoạn, tật nguyền. (Mt 4:13,17,23)

2.7. Mười hai tông đồ

Thánh tông đồ Mác-cô (Mc) chép: Đức Giê-su lần lượt thu nhận mười hai tông đồ, chia thành sáu cặp, ban cho các vị phép trừ quỷ và sai đi truyền giáo. (Mc 6:7)

Thánh Mát-thêu (Mt 10:2-4) kể tên sáu cặp như sau:

1. Si-môn (còn gọi là Phê-rô) và anh ruột là An-rê, đều làm ngư phủ.
2. Gia-cô-bê (con ông Dê-bê-đê) và em ruột là Gio-an, cũng đều làm ngư phủ.
3. Phi-líp-phê và Ba-tô-lô-mê-ô.
4. Mát-thêu (người thu thuế) và Tô-ma.
5. Gia-cô-bê (con ông An-phê) và Ta-đê-ô.
6. Si-môn (người Nhiệt Thành) và Giu-đa Ít-ca-ri-ốt (kẻ phản Chúa).

Theo *Sách Công Vụ Tông Đồ* (1:23-26), sau khi Giu-đa Ít-ca-ri-ốt tự tử, các tông đồ bốc thăm chọn được Mát-thi-a và bổ sung cho đủ số mười hai.

2.8. Âm mưu giết chết Đức Giê-su

Các thượng tế (*high priests*) và kỳ mục trong dân Do Thái (*the elders of the people*) họp tại dinh của thượng tế Cai-pha, và họ quyết định lập mưu bắt Đức Giê-su mà giết đi vì họ cho rằng Đức Giê-su chống lại tôn giáo và luật lệ của họ. Giu-đa Ít-ca-ri-ốt gặp các thượng tế và thỏa thuận sẽ nộp Đức Giê-su cho họ với giá ba mươi đồng bạc. (Mt 26:3,15)

Họ bắt Đức Giê-su, rồi điệu đến thượng tế Cai-pha, nhưng họ tìm không ra bằng chứng gian dối để lên án tử hình Đức Giê-su. (Mt 26:57,59-60)

Sáng hôm sau họ trói Đức Giê-su và giải đi nộp cho tổng trấn Phi-la-tô là người La Mã. (Mt 27:1-2)

Vào mỗi dịp lễ lớn, tổng trấn có lệ thả một người tù theo ý dân chúng. Tổng trấn hỏi họ muốn phóng thích ai, một tù nhân tên là Ba-ra-ba hay Giê-su. Họ đòi thả Ba-ra-ba và phải đem đóng đinh Đức Giê-su. Tổng trấn bèn sai lính đánh đòn Đức Giê-su rồi giao Chúa cho họ. (Mt 27:15-26)

2.9. Đức Giê-su chết trên thập tự giá

Họ đóng đinh Đức Giê-su vào thập tự giá rồi dựng trên đồi Gôn-gô-tha (đồi Sọ). Hai bên Chúa là hai kẻ cướp cũng bị đóng đinh, và Chúa bị nhục mạ đủ điều. (Mt 27:33,38-39)

Từ giờ thứ sáu, bóng tối bao phủ cả mặt đất cho tới giờ thứ chín. Vào giờ thứ chín, Đức Giê-su trút linh hồn. (Mt 27:49-50)

Chiều đến, ông Giô-xếp là môn đệ Đức Giê-su đến gặp tổng trấn để xin an táng Thầy mình. Ông Giô-xếp lấy tấm vải gai sạch mà liệm, và đặt thi hài Chúa vào huyệt đục sẵn trong núi

đá, ban đầu định dành chôn ông Giô-xép. Ông lăn tảng đá to lấp kín cửa mồ. (Mt 27:57-60)

Hôm sau, những kẻ đã hại chết Đức Giê-su đến gặp tổng trấn để xin cắt cử lính canh giữ mồ và niêm phong tảng đá vì họ sợ môn đệ Đức Giê-su lấy trộm xác Thầy. (Mt 27:62-66)

2.10. Đức Giê-su phục sinh

Hết ngày sa-bát,⁽¹⁶⁾ khi ngày thứ nhất trong tuần vừa lộ dạng, bà Ma-ri-a Mác-đa-la và một bà khác trùng tên Ma-ri-a đi viếng mộ Đức Giê-su. Thành linh, đất rung chuyển dữ dội, thiên thần từ trời hiện xuống, lăn tảng đá ra rồi ngồi lên đó. Lính canh khiếp sợ, ngất đi. Thiên thần bảo hai bà rằng Đức Giê-su không có trong mộ, hãy đến mà xem rồi mau về nói cho các môn đệ khác biết là Chúa đã trỗi dậy từ cõi chết, và đã đi Ga-li-lê, ở đó các môn đệ sẽ gặp lại Thầy. Hai bà vội vã chạy về báo tin Chúa đã phục sinh. (Mt 28:1-8)

Đức Giê-su đón hai bà dọc đường và bảo hãy về nói cho các môn đệ đến Ga-li-lê sẽ được gặp Thầy ở đó. (Mt 28:9-10)

Mười một môn đệ đi tới miền Ga-li-lê. Khi thấy Chúa, các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi. Đức Giê-su nói:

Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần,⁽¹⁷⁾ dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho

⁽¹⁶⁾ **sa-bát** (*sabbath*): Theo Do Thái Giáo là ngày Thứ Bảy.

⁽¹⁷⁾ **Thiên Chúa Ba Ngôi** (*Thiên Chủ Thánh Tam* 天主聖三/ *Trinity*): Ba Ngôi đồng bản thể 本體 (*substance*) trong một Thiên Chúa duy nhất. Đức Giê-su Ki-tô là Chúa Con (Ngôi Hai) xuống thế làm người.

anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế. (Mt 28:16-20)

Sau khi gặp lại các môn đệ, Chúa Giê-su được đưa lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa, còn các tông đồ thì ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông, và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng. (Mc 16:19-20)



3. SƠ LƯỢC MỘT SỐ MỐC LỊCH SỬ BUỔI BAN SƠ CỦA CÔNG GIÁO RÔ-MA

Đức Giê-su nói với Thánh tông đồ Phê-rô như sau:

Thầy bảo cho anh biết: Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá,⁽¹⁸⁾ trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: Dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy. (Mt 16:17-19)

Vào khoảng năm **29** đầu Công Nguyên, Thánh Phê-rô giảng đạo ở Giê-ru-sa-lem, độ được ba ngàn người theo đạo, hình thành cộng đoàn Ki-tô hữu đầu tiên (*the first Christian community*).

⁽¹⁸⁾ **Phê-rô** viết theo tiếng Pháp là *Pierre*, mà *la pierre* nghĩa là đá. (Phê-rô viết theo tiếng Anh là *Peter*. Tiếng Anh gọi đá là *rock*.)

Năm **42**: Xảy ra cuộc bách hại (*persecution*) Ki-tô hữu lần đầu tiên ở Giê-ru-sa-lem do lệnh vua Hê-rô-đê A-gríp-pa (cháu nội vua Hê-rô-đê là kẻ đã cho giết các bé trai từ hai tuổi trở xuống). Năm **44**, tông đồ tử đạo đầu tiên là Thánh Gia-cô-bê (anh ruột Thánh Gio-an). Rất nhiều năm sau đó, các cuộc bách hại vẫn tiếp tục xảy ra, lần lượt có thêm nhiều Thánh tử đạo. Năm **100**, tông đồ cuối cùng trong Nhóm Mười Hai là Thánh Gio-an tử đạo.

Trước kia Đức Giê-su đã báo trước cho các tông đồ về những bách hại thảm khốc. Thánh Mát-thêu chép lời Chúa cảnh báo như sau:

Hãy coi chừng người đời. Họ sẽ nộp anh em cho các hội đồng (councils), và sẽ đánh đập anh em trong các giáo đường (synagogues) của họ. Và anh em sẽ bị điệu ra trước mặt vua chúa quan quyền (...). Anh sẽ nộp em, em sẽ nộp anh cho người ta giết; cha sẽ nộp con, con cái sẽ đứng lên chống lại cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết. Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. (Mt 10:17-22)

Năm **312**, vào một đêm trước khi ra trận trong cuộc nội chiến, hoàng đế Constantinus nhìn thấy một chữ thập hiện ra trên bầu trời và dòng chữ “với dấu hiệu này ông sẽ chiến thắng”. Constantinus liền cho quân lính mang khiên và cờ có hình chữ thập. Quả nhiên ông đại thắng. Năm sau (**313**) ông ra lệnh cho Ki-tô hữu được tự do tín ngưỡng trong lãnh thổ phía tây của đế quốc La Mã do ông cai trị. Ở phần phía đông không thuộc quyền của ông, Ki-tô hữu vẫn còn chịu bách hại.

Năm **379** Theodosius vốn là một Ki-tô hữu sùng tín đã lên làm hoàng đế cai trị lãnh thổ phía đông của đế quốc La Mã.

Hai năm sau (**381**) bằng nhiều biện pháp bắt lợi đối với các tín ngưỡng cổ truyền của La Mã, hoàng đế Theodosius gián tiếp nhìn nhận đạo Ki-tô là quốc giáo của đế quốc La Mã.

Trong suốt **ba thế kỷ đầu tiên**, Ki-tô giáo lan truyền nhanh chóng trong khu vực Địa Trung Hải và được phổ truyền bá ra cả bên ngoài đế quốc La Mã.

Trải qua hai ngàn năm lịch sử, nền tôn giáo do Đức Chúa Giê-su Ki-tô khai sáng đã phân ra nhiều nhánh, mà bốn nhánh lớn nhất hiện nay theo thứ tự là:

- **Công Giáo Rô-ma** có khoảng 1,3 tỷ tín đồ toàn thế giới.

- **Tin Lành** có khoảng 920 triệu tín đồ toàn thế giới.

- **Chính Thống Giáo Đông Phương** (*the Eastern Orthodox Catholic Church*; thịnh hành ở Đông Âu, Hy Lạp, Nga, Kavkaz,⁽¹⁹⁾ v.v...), có khoảng 260 triệu tín đồ toàn thế giới.⁽²⁰⁾

- **Chính Thống Giáo Cựu Đông Phương** (*the Oriental Orthodoxy*, thịnh hành tại Armenia, Syria, Ai Cập, Ethiopia, v.v...), có khoảng 86 triệu tín đồ toàn thế giới.⁽²¹⁾

Bốn nhánh lớn này gọi chung là **Ki-tô Giáo** (*Christianity*).

HUỆ KHẢI

⁽¹⁹⁾ **Cáp-ca**: Khu vực địa lý nằm ở biên giới giữa châu Âu và châu Á. Nơi đây có dãy núi Kavkaz.

⁽²⁰⁾ Ba con số tín đồ trên đây căn cứ theo một bản tin của BBC ngày 17-10-2018. Dẫn theo <https://en.wikipedia.org/wiki/Christianity>, truy cập ngày 18-3-2019.

⁽²¹⁾ Số tín đồ trên đây căn cứ theo <https://en.wikipedia.org/wiki/Christianity>, truy cập ngày 18-3-2019, nhưng Wikipedia không dẫn nguồn.

BÀI 2. SƠ LƯỢC VỀ BỐN ĐỀ MỤC TRONG GIÁO LÝ ĐẠO CHÚA

Giáo lý đạo Chúa rất phong phú; tuy nhiên, chúng ta có thể tạm tìm hiểu bốn đề mục rất cơ bản sau đây vì chúng giúp các Ki-tô hữu sống đời đạo lý đúng theo lời Chúa dạy. Điều này rất hệ trọng đối với đức tin của Ki-tô hữu, bởi lẽ lúc sống ở thế gian như thế nào thì sau này sẽ chịu sự phán xét cuối cùng như thế ấy.

1. KINH TIN KÍNH

1.1. Nội dung Kinh Tin Kính (bản mới), do Hội Đồng Giám Mục Việt Nam soạn ⁽²²⁾

Tôi tin kính một Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình. Tôi tin kính một Chúa Giê-su Ki-tô, Con Một Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời. Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha: nhờ Người mà muôn vật được tạo thành. Vì loài người chúng ta và để cứu độ chúng ta, Người đã từ trời xuống thế. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Ma-ri-a, và đã làm người. Người chịu đóng đinh vào thập giá vì chúng ta, thời quan Phong-xi-ô Phi-la-tô [Pontius Pilatus]; Người chịu khổ hình và mai táng, ngày thứ ba Người sống lại như lời Thánh Kinh. Người lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha, và Người sẽ lại đến trong vinh quang

⁽²²⁾ <https://www.conggiao.org/kinh-tin-kinh/>

để phán xét kẻ sống và kẻ chết, Nước Người sẽ không bao giờ cùng. Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống, Người bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra, Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con: Người đã dùng các tiên tri mà phán dạy. Tôi tin Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền. Tôi tuyên xưng có một Phép Rửa để tha tội. Tôi trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau. Amen.⁽²³⁾

1.2. Ý nghĩa Kinh Tin Kính

Kinh Tin Kính là những công thức văn tắt để các tín hữu có thể cùng nhau tuyên xưng chung một đức tin. Đức tin cần được công thức hóa thành Kinh Tin Kính, vì khi không có công thức cố định thì nội dung của đức tin sẽ rời rạc, và khi tuyên xưng đức tin thì sẽ nói những lời trống rỗng. Bởi thế, trải qua bao thế kỷ, nội dung đức tin được Hội Thánh Công Giáo công thức hóa thành Kinh Tin Kính. Qua đó, các Ki-tô hữu có thể suy niệm, học hỏi, chia sẻ, cử hành, và sống thực với đức tin.⁽²⁴⁾

Tín hữu Công Giáo đọc Kinh Tin Kính trong phụng vụ chính thức và trong các dịp cầu nguyện riêng. Có lẽ đây là kinh duy nhất mặc nhiên cho biết rõ người đọc là một tín hữu Công Giáo. Kinh Tin Kính là sợi dây nối kết lại các thế hệ Công Giáo, từ lớp tông đồ xa xưa cho tới bây giờ và mãi mãi

⁽²³⁾ Trong phụng vụ (nghi lễ 儀禮 / liturgy), Amen được xướng lên như một công thức để cộng đoàn (mọi người đang dự lễ) hiệp thông với chủ tế, tin nhận và tôn vinh Thiên Chúa.

⁽²⁴⁾ <http://www.simonhoadalat.com/hochoi/giaoluat/tusachgiaolygp/20Youcat-Phanl-DoanII.htm>

về sau.⁽²⁵⁾

Tham khảo linh mục Võ Xuân Tiến,⁽²⁶⁾ chúng ta có thể nói thêm như sau:

- Đối với các Ki-tô hữu, Kinh Tin Kính là một dấu hiệu hay để đồng đạo nhận biết nhau.

- Kinh Tin Kính có chức năng **tuyên xưng**, làm một chứng tá ⁽²⁷⁾ cho đức tin. Chẳng hạn, để tuyên xưng rằng Chúa Giê-su, Đấng được xức dầu (Ki-tô, Mê-si-a), là Con Thiên Chúa, đã phục sinh, thì Kinh Tin Kính diễn tả như sau:

Tôi tin kính một Chúa Giê-su Ki-tô, Con Một Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời. Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha: nhờ Người mà muôn vật được tạo thành. (...) Người chịu khổ hình và mai táng, ngày thứ ba Người sống lại như lời Thánh Kinh.

- Kinh Tin Kính còn có chức năng **giáo thuyết**, tức là diễn tả vắn tắt về đức tin. Chẳng hạn, Thiên Chúa Ba Ngôi (*Trinity*) gồm: Đức Chúa Cha (Ngôi Một) là Thiên Chúa; Đức Chúa Con (Ngôi Hai) là Chúa Giê-su; và Đức Chúa Thánh Thần (Ngôi Ba) là Thần Khí hay Thánh Linh (*Holy Spirit*). Kinh Tin Kính diễn tả Ba Ngôi như sau:

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống, Người bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con

⁽²⁵⁾ <http://conggiao.info/kinh-tin-kinh-la-gi-d-12828>

⁽²⁶⁾ <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2009/01/19/kinh-tin-kinh/>

⁽²⁷⁾ **chứng tá** (chứng nhân 證人 / witness): Người làm chứng.

mà ra, Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

2. MƯỜI ĐIỀU RĂN

Thánh tông đồ Mát-thêu chép như sau (Mt 19:16-19):

Bấy giờ có một người đến hỏi Đức Giê-su rằng: “Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?”

Đức Giê-su đáp: “Sao anh hỏi tôi về điều tốt? Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn.”

Người ấy hỏi: “Điều răn nào?”

Đức Giê-su đáp: “Ngươi không được giết người. Ngươi không được ngoại tình. Ngươi không được trộm cắp. Ngươi không được làm chứng gian. Ngươi phải thờ cha kính mẹ”, và “Ngươi phải yêu đồng loại như yêu chính mình.”

Thánh Mát-thêu lại chép thêm như sau (Mt 22:35-40):

Một người thông luật lệ Mô-sê [của Do Thái Giáo] hỏi Đức Giê-su để thử Người rằng: “Thưa Thầy, trong sách Luật Mô-sê, điều răn nào là điều răn trọng nhất?”

Đức Giê-su đáp: “Ngươi phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn ngươi. Đó là điều răn quan trọng nhất và điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là ngươi phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả Luật Mô-sê và các sách Ngôn Sứ ⁽²⁸⁾ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy.”

⁽²⁸⁾ **ngôn sứ** (tiên tri 先知 / prophet): Người được cử đi loan báo việc gì. Trước kia thường gọi là “nhà tiên tri”.

2.1. Nội dung Mười Điều Răn

Tại Rô-ma, ngày 28-6-2005, Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô XVI ban hành bản *Toát Yếu Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo*. Tại Hội Nghị thường niên Hội Đồng Giám Mục Việt Nam năm 2006, Giám Mục Phao-lô Bùi Văn Đọc (Chủ Tịch Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin) đã phổ biến bản dịch của Ủy Ban để được các giáo phận (dioceses) góp ý.

Theo bản dịch này, nội dung Mười Điều Răn như sau:

Khi Đức Giê-su loan báo cho dân Do Thái tin mừng về Nước Trời, Ngài nói: *Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần*. Khi loan báo như vậy, Đức Giê-su là một ngôn sứ.

Thánh Mát-thêu chép rằng ngày Chúa trở về quê nhà, giảng đạo cho người làng Na-da-rét thì họ chỉ thấy Ngài là con trai ông thợ mộc Giu-se, họ không tin Ngài là Đấng Cứu Thế, do đó Chúa Giê-su thất bại khi làm ngôn sứ ở quê nhà, và Chúa bảo: *Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình và trong gia đình mình mà thôi*. (Mt 13:57) Lời Chúa khiến chúng ta nhớ tới câu tục ngữ ở miền Bắc: *Bụt [Phật] chùa nhà không thiêng*.

các sách Ngôn Sứ (*tiên tri thư* 先知書 / *books of Prophets*): *Cựu Ước* gồm bốn phần (*Ngũ Thư, Lịch Sử, Giáo Huấn, Ngôn Sứ*). Các sách Ngôn Sứ thuộc phần thứ tư trong Cựu Ước, gồm bốn sách lớn (do độ dài của sách) là *I-sai-a, Giê-rê-mi-a, Ê-dê-ki-en, Đa-ni-en*; và mười hai sách nhỏ là *Hô-sê, Giô-en, A-mốt, Ô-va-đi-a, Giô-na, Mi-kha, Na-khum, Kha-ba-cúc, Xô-phô-ni-a, Khác-gai, Da-ca-ri-a, Ma-la-khi*. Hai sách *Ai Ca*, và *Ba-rúc* đặt ngay sau *Giê-rê-mi-a*.

Theo góc nhìn của *Tân Ước*, các sách Ngôn Sứ đều tiềm ẩn lời báo trước về Đức Giê-su Ki-tô; những điều viết trong các sách ấy đều ứng nghiệm và hoàn tất nơi Chúa Giê-su. (Lu-ca 24:44 chép lời Chúa dạy môn đệ: *Khi còn ở với anh em, Thầy đã từng nói với anh em rằng tất cả những gì sách Luật Mô-sê, các sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm*.)

Thứ nhất, thờ phượng Đức Chúa Trời và kính mến Ngài trên hết mọi sự.

Thứ hai, chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.

Thứ ba, giữ ngày Chúa Nhật,

Thứ bốn, thảo kính cha mẹ,

Thứ năm, chớ giết người,

Thứ sáu, chớ làm sự dâm dục,

Thứ bảy, chớ lấy của người,

Thứ tám, chớ làm chứng dối,

Thứ chín, chớ muốn vợ chồng người,

Thứ mười, chớ tham của người.⁽²⁹⁾

2.2. Ý nghĩa việc giữ Mười Điều Răn

Phỏng theo bản dịch *Toát Yếu Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo*, có thể nói rằng đối với Ki-tô hữu thì việc tuân giữ Mười Điều Răn có năm ý nghĩa căn bản như sau:

- Mười Điều Răn tóm tắt luật lệ do Thiên Chúa ban cho.

- Bằng việc tuân giữ Mười Điều Răn, Ki-tô hữu muốn nói rằng mình phụ thuộc vào Thiên Chúa và đáp lại tình yêu thương của Ngài với lòng biết ơn.

- Mười Điều Răn vạch ra con đường dẫn Ki-tô hữu đến cuộc sống không tội lỗi.

- Mười Điều Răn là một thể thống nhất, không thể phân chia, vì mỗi điều răn đều liên kết với chín điều răn khác. Thế nên vi phạm một điều răn là vi phạm toàn bộ luật lệ được

⁽²⁹⁾ <http://www.simonhoadalat.com/hochoi/giaoluat/tusachgiaolygp/00ToatYeuGLCG.htm>

Thiên Chúa ban cho.

- Mười Điều Răn nêu rõ những trách nhiệm đạo đức căn bản của mỗi Ki-tô hữu đối với Thiên Chúa và đối với người khác.

3. TÁM MỐI PHÚC THẬT

Để trở nên giống Chúa Giê-su, ngoài việc gìn giữ Mười Điều Răn thì Ki-tô hữu phải sống theo *Tám Mối Phúc Thật*,⁽³⁰⁾ tức là sống theo lời dạy của Đức Giê-su khi Chúa bước lên núi để tiện giảng đạo vì Chúa thấy có rất đông người từ khắp miền Giu-đê, Giê-ru-sa-lem, cũng như miền duyên hải Tia và Xi-đôn đã tìm đến và đang vây quanh Chúa (Lu-ca 6:17).

Tám Mối Phúc Thật là nội dung mở đầu bài giảng hôm ấy và Kinh Thánh gọi đó là *Bài Giảng Trên Núi*.⁽³¹⁾

3.1. Nội dung Tám Mối Phúc Thật (Mt 5:3-11)

Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa⁽³²⁾ làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.

⁽³⁰⁾ **Tám Mối Phúc Thật** (Chân Phúc Bát Đoan 眞福八端 / the Beatitudes).

⁽³¹⁾ **Bài Giảng Trên Núi** (Sơn Trung Thánh Huấn 山中聖訓 / the Sermon on the Mount).

⁽³²⁾ **Đất Hứa** (Phúc Địa 福地 / Promised Land): Hiểu theo nghĩa bóng là đời sống vĩnh cửu.

Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa.

3.2. Ý nghĩa của việc sống theo Tám Mối Phúc Thật

Trong thánh lễ vào sáng Thứ Hai, 06-06-2016, tại nhà nguyện Thánh Mác-ta ở Vatican, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã mời gọi các Ki-tô hữu hãy sống đúng theo những chỉ dẫn trong Tám Mối Phúc Thật.

Theo Đức Giáo Hoàng, Tám Mối Phúc Thật là gì?

- Đó là *luật mới của Chúa dành cho Ki-tô hữu, là người hướng dẫn cho cuộc hành trình, là những người dẫn đường của đời sống Ki-tô hữu*.⁽³³⁾

- *Nội theo các chỉ dẫn của người dẫn đường này, Ki-tô hữu có thể tiến bước trong cuộc sống của mình*.⁽³⁴⁾

⁽³³⁾ *the Lord's new law for us / the guide for the journey, the itinerary / the navigators of the Christian life.*

⁽³⁴⁾ *According to the indications of this navigator, that we can move forward in our Christian life.*

- Là người dẫn đường đưa Ki-tô hữu vào Nước Trời.⁽³⁵⁾

Giảng giải riêng về **mối phúc thật thứ nhất**,⁽³⁶⁾ Đức Giáo Hoàng nhắc nhở:

Tôi nhiều lần nói rằng của cải thì tốt;⁽³⁷⁾ thế nhưng, điều xấu xa, sai trái là sự bám víu vào của cải, khốn thay!⁽³⁸⁾ Thật ra, của cải là sự sùng bái ngẫu tượng (idolatry); khi bám víu vào của cải, thì ta là kẻ tôn thờ ngẫu tượng (idolatrours).

Suy gẫm lời giảng giải của Đức Giáo Hoàng, chúng ta hiểu ra vì sao mối phúc thật thứ nhất là: *Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.*

Từ đây chúng ta nói theo chiều ngược lại: Ai tôn thờ của cải, ham giàu thì họ ở ngoài Nước Trời. Điều này cũng là lời Chúa dạy:

Thầy bảo thật anh em, người giàu có khó vào Nước Trời. Thầy còn nói cho anh em biết: Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa. (Mt 19:23-24)

Đức Giê-su không dạy “Phúc cho ai nghèo khó”, mà Chúa dạy *Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó*. Chúng ta hiểu thế nào là “tâm hồn nghèo khó”? Có thể người nào đó rất giàu, nhưng tâm hồn họ không vương víu vào tiền bạc, họ sống tiết kiệm, chừng mực giống như người nghèo, họ không hợm mình khoe của, và họ tự nguyện để dành những đồng tiền lương

thiện do mình cực nhọc tạo ra để làm nhiều việc tốt đẹp cho người khác, cho xã hội.

Có một tấm gương minh chứng cho con người mang “tâm hồn nghèo khó” như sau:

Diu-rơ-goai (*Uruguay*) là một nước ở đông nam của Nam Mỹ, diện tích khoảng 176.215 cây số vuông, tức là lớn nhỉnh hơn phân nửa nước Việt Nam một chút. Vị tổng thống thứ bốn mươi của nước này là Hô-sê Mu-hi-ca (*José Mujica*), nhiệm kỳ 2010-2015. Thay vì sống trong dinh tổng thống sang trọng, ông vẫn ở trong một ngôi nhà giản dị của vợ giữa một nông trại nằm bên ngoài thủ đô Môn-tê-vi-đê-ô (*Montevideo*). Ông dùng một chiếc xe hơi của Đức đã cũ, hiệu Volkswagen Beetle (đời 1987). Tài sản của ông cộng thêm phân nửa tài sản của vợ vào năm 2012 chỉ bằng khoảng hai phần ba tài sản vị phó tổng thống đương nhiệm của ông, và bằng một phần ba tài sản vị tổng thống tiền nhiệm của ông (vị thứ ba mươi chín). Lương tổng thống khoảng 12.000 Mỹ kim/tháng, thì hằng tháng ông trích 90% lương để làm từ thiện. Báo chí phương Tây gọi ông là “tổng thống nghèo nhất thế giới”, nhưng nếu mượn lời Chúa thì chúng ta có thể bảo ông là vị tổng thống “có tâm hồn nghèo khó”.

Chúng ta nên hiểu rằng sự giàu có, của cải sung túc không xấu, nhưng nó nên là **phương tiện** giúp chúng ta dễ thực hiện những kế hoạch mang tới ích lợi, hạnh phúc cho nhiều người khác, tức là làm công quả. Đừng xem giàu có là mục đích mà suốt đời cứ lao tâm khổ trí, bất kể thủ đoạn để chiếm đoạt càng nhiều của cải càng tốt, nhưng rồi chết đi cũng chỉ có hai bàn tay trắng. Đức Thái Thượng Lão Quân dạy:

⁽³⁵⁾ *the guide for the journey that leads us to the kingdom of God.*

⁽³⁶⁾ Xem thêm: Huệ Khải, “Nghĩ Vụng về Mối Phúc Thật Thứ Nhất”, in *Như Hoa Nở Muộn*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 95-102.

⁽³⁷⁾ *I have said many times that riches are good.*

⁽³⁸⁾ *what is bad, what is wrong, is the attachment to riches, woe!*

*Lo danh vọng, hao mòn thân thể
Ham làm giàu, của để bằng non
Một mai nhắm mắt đâu còn
Đem vàng chuộc mạng, đổi lòn dạng chẳng?
(Kinh Sám Hối)*

a. Một nhà buôn Ả Rập nọ suốt đời chỉ lo kiếm tiền, khao khát làm giàu. Chưa kể ruộng đất, dinh thự, ông tích lũy được ba trăm ngàn đi-na (*dinar*) vàng. Xưa kia, một đi-na vàng là đồng tiền đúc bằng vàng (nặng khoảng 4,25 gam vàng). Mãn nguyện, ông nhà buôn Ả Rập bắt đầu nghĩ tới chuyện hưởng nhàn cho bố công rất nhiều năm lao nhọc thân xác và hao tổn tinh thần.

Ông chưa kịp lập kế hoạch hưởng thụ thì Thần Chết chợt ghé vào nhà, báo rằng tới lúc ông phải ra đi. Hoảng sợ, ông nhà giàu tha thiết cầu xin Thần Chết hãy hoãn cho ông sống thêm ba ngày, ông sẽ tạ ơn một trăm ngàn đi-na vàng để .

Thần Chết lắc đầu, nắm tay ông lôi đi. Ông cố sức vùng ra, rồi quỳ xuống khóc lóc thảm thiết: “Hãy cho con sống thêm một ngày, và con xin cúng Ngài hai trăm ngàn đi-na vàng.”

Thần Chết làm thinh. Ông liền nằm bẹp xuống sàn, ôm chặt chân Thần Chết, cố năn nỉ: “Con chỉ xin sống thêm một giờ và Ngài hãy lấy hết ba trăm ngàn đi-na vàng của con.”

Thần Chết cúi xuống, gỡ tay ông ra. Thấy vẻ kiên quyết của Thần Chết, ông thở dài rồi khấn nài lần chót: “Thôi, đành vậy! Nhưng cho con nhắc lại một lời.”

Thần Chết gật đầu. Ông nhà giàu liền cắn đầu ngón tay, viết vội trên nền gạch men trắng bóng dòng chữ máu: *Ba*

trăm ngàn đi-na vàng không đổi được một giờ sống thêm! Hãy quý đời mình. Hãy sống có ích.⁽³⁹⁾

b. Vào thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên, Đại Đế A Lịch Sơn (*Alexander*) cai trị vương quốc Ma-xơ-đô-ni-a (*Macedonia*). Chưa tròn ba mươi tuổi, Đại Đế đã làm chủ một đế quốc mệnh mông, trải dài từ Hy Lạp tới Ấn Độ. Năm ba mươi ba tuổi, trước khi chết, Đại Đế ra lệnh rằng lúc tẩm liệm, phải để cho hai cánh tay của ông thông ra bên ngoài áo quan với hai bàn tay mở xòe ra. Không ai hiểu vì sao Đại Đế lại ra lệnh kỳ quặc như thế.

Một nhà thông thái bèn giảng giải: Đại Đế muốn nhắn nhủ cho chúng ta nhớ rằng khi còn cai trị thế gian này, ngài làm chủ biết bao lãnh thổ mệnh mông, biết bao kho tàng chứa đầy vàng bạc, châu báu. Ngài còn là chủ nhân của biết bao con người phải thần phục dưới quyền lực uy vũ của ngài. Nhưng đến lúc rời bỏ trần gian, ngài ra đi chỉ vồn vẹn hai bàn tay trắng mà thôi, y hệt như lúc ngài được sinh vào cõi đời này.⁽⁴⁰⁾

Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh tới **mối phúc thật thứ hai** (*Phúc thay ai hiền lành...*) và nhắc nhở rằng Đức Giê-su đã tự nói về Chúa như sau: *Tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường...*⁽⁴¹⁾ Như vậy, theo Đức Giáo Hoàng, ai mà hiền lành và khiêm tốn thì người ấy rất gần bên Chúa.

Đức Giê-su khuyên dạy môn đệ và dân chúng phải biết hạ

⁽³⁹⁾ Huệ Khải, *Bắc Cầu Tâm Linh*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 37-38.

⁽⁴⁰⁾ Huệ Khải, *Bắc Cầu Tâm Linh*, tr. 35-36.

⁽⁴¹⁾ *I am gentle and humble in heart...*

mình, khiêm tốn. Hai trong nhiều trường hợp được chép trong Kinh Thánh như sau:

a. Thánh tông đồ Mác-cô chép rằng một lần đang đi đường với Đức Giê-su, các tông đồ cãi nhau xem ai là người lớn hơn cả. Do đó, Đức Giê-su dạy các ông:

Ai muốn làm người đứng đầu, thì phải làm người rốt hết, và làm người phục vụ mọi người. (Mc 9:35)

b. Thánh tông đồ Luca (Lc) chép rằng một ngày sa-bát họ Đức Giê-su được mời dự tiệc. Chúa nhận thấy khách dự tiệc cứ thích chọn chỗ quan trọng nhất mà ngồi, nên bảo họ:

Khi anh được mời đi ăn cưới, thì đừng ngồi vào chỗ quan trọng nhất, kẻo lỡ có nhân vật nào quan trọng hơn anh cũng được mời, thì người đã mời anh phải đến nói với anh rằng: “Xin ông nhường chỗ cho vị này.” Bấy giờ anh sẽ phải xấu hổ mà xuống ngồi chỗ cuối.

Trái lại, khi anh được mời, thì hãy vào ngồi chỗ cuối, để cho người đã mời anh phải đến nói: “Xin mời ông bạn lên trên cho.” Thế là anh sẽ được vinh dự trước mặt mọi người đồng bàn. Vì phàm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên. (Lc 14:1,7-11)

Không chỉ dạy bằng lời (tức là *thuyết giáo*), Đức Giê-su còn đích thân thực hiện lời dạy ấy (tức là *thân giáo*). Một trong nhiều minh chứng như sau:

Trước khi bị phản đồ Giu-đa chỉ điểm cho quân dữ bắt, và sau khi ăn xong với các tông đồ bữa tối cuối cùng (*the last supper*), Đức Giê-su làm gương cho môn đệ phải sống khiêm nhường, hạ mình bằng cách đích thân Chúa ngồi xuống rửa

chân cho từng môn đồ đang ngồi trên ghế, giống như một nô lệ hầu hạ chủ nhân mình. Thánh tông đồ Gio-an (Ga) chép:

Người [Giê-su] đứng dậy, rời bàn ăn, cởi áo ngoài ra, và lấy khăn mà thắt lưng. Rồi Đức Giê-su đổ nước vào chậu, bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau. (Ga 13:4-5)

Người đến chỗ ông Si-môn Phê-rô, ông liền thưa với Người: “Thưa Thầy, Thầy mà lại rửa chân cho con sao?”

Đức Giê-su trả lời: “Việc Thầy làm, bây giờ anh chưa hiểu, nhưng sau này anh sẽ hiểu.”

Ông Phê-rô lại thưa: “Thầy mà rửa chân cho con, không đời nào con chịu đâu!”

Đức Giê-su đáp: “Nếu Thầy không rửa cho anh, anh sẽ chẳng được chung phần⁽⁴²⁾ với Thầy.” (Ga 13:6-8)

Khi rửa chân cho các môn đệ xong, Đức Giê-su mặc áo vào, về chỗ và nói: “Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không? Anh em gọi Thầy là Thầy, là Chúa, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em.” (Ga 13:12-15)

Kết thúc bài giảng về Tám Mối Phúc Thật, Đức Giáo Hoàng khuyên mỗi người hãy dành lấy năm phút để đọc lại tám chỉ dẫn của Chúa, để tránh khỏi lầm lạc trên đường đời và không

⁽⁴²⁾ **Chung phần** ở đây có nghĩa là chia sẻ thân phận của Đức Giê-su, cùng với Chúa trải qua đau khổ để đạt tới vinh quang.

đánh mất chính mình.⁽⁴³⁾

4. CUỘC PHÁN XÉT CUỐI CÙNG

Học lời Chúa, Ki-tô hữu tin rằng mỗi người sống ở thế gian như thế nào thì sau này sẽ chịu sự phán xét cuối cùng như thế ấy.

Sự phán xét cuối cùng (*the final judgment*) được Chúa Giê-su dạy bằng một mô tả vị Thẩm Phán tối cao (tức là Chúa Giê-su) đến để tuyên án trên người lành và kẻ dữ, thế rồi bản án được thi hành. Thánh tông đồ Mát-thêu chép lời dạy của Chúa như sau:

Khi Con Người⁽⁴⁴⁾ đến trong vinh quang của Người [Chúa], có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Người. Các dân thiên hạ [cả thế gian] sẽ được tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử [người chăn chiên, chăn cừu] tách biệt chiên [cừu, người tốt lành] với dê [kẻ xấu xa]. Người sẽ cho chiên

⁽⁴³⁾ so as to avoid getting lost and losing ourselves

⁽⁴⁴⁾ **Con Người** (*Son of Man*) là thuật ngữ Kinh Thánh, chỉ Đức Giê-su Ki-tô vừa mang nhân tính (*humanity*) vừa mang thần tính (*divinity*). Trong Phúc Âm, nhiều lần Đức Giê-su tự xưng là *Con Người*, với nghĩa là “Tôi”. Chẳng hạn:

- Ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội. (Lc 5:24)

- Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại. (Mc 8:31)

- Từ nay, các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến. (Mt 25:64)

(Huệ Khải, *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 80.)

đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái.

Bấy giờ Đức Vua [Chúa Giê-su] sẽ phán cùng những người ở bên phải [người tốt lành] rằng: “Nào những kẻ Cha Ta [Đức Chúa Trời] chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các ngươi đến hỏi han.”

Bấy giờ những người công chính sẽ thưa rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói mà cho ăn, khát mà cho uống; có bao giờ đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước; hoặc trần truồng mà cho mặc? Có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đau yếu hoặc ngồi tù, mà đến hỏi han đâu?”

Đức Vua sẽ đáp lại rằng: “Ta bảo thật các ngươi: Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy.”

Rồi Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên trái rằng: “Quân bị nguyền rủa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên ác quỷ và các sứ thần của nó. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã không cho ăn; Ta khát, các ngươi đã không cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã không tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã không cho mặc; Ta đau yếu và ngồi tù, các ngươi đã chẳng thăm viếng.”

Bấy giờ những người ấy cũng sẽ thưa rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói, khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, đau yếu hay ngồi tù, mà không phục vụ Chúa đâu?”

Bấy giờ Người sẽ đáp lại họ rằng: “Ta bảo thật các ngươi: Mỗi lần các ngươi không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính Ta vậy.”

Thế là họ [những người ở bên trái, là dê] ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính [ở bên phải, là chiên hay cừu] ra đi để hưởng sự sống muôn đời. (Mt 25:1-46)

4.1. Khi lãnh hội được ẩn ý của Đức Giê-su trong lời dạy về phán xét cuối cùng thì ta hiểu vì sao bài *Kinh Hòa Bình* do linh mục Phê-rô Nguyễn Kim Long (sinh năm 1941) soạn nhạc và đặt lời Việt (lời gốc là tiếng Ý) lại có những câu rất thâm thúy như sau:

*Lạy Chúa từ nhân xin cho con biết mến yêu và **phụng sự Chúa trong mọi người**.* (Có nghĩa: Phụng sự con người chính là phụng sự Chúa.)

*Lạy Chúa xin hãy dạy con tìm **an ủi người** hơn được người ủi an ...*

*Vì chính khi **hiến thân** là khi được nhận lãnh, chính lúc **quên mình** là lúc gặp lại bản thân ...* (Có nghĩa: Cho đi là nhận lãnh.)

*... chính lúc **chết đi** là khi **vui sống muôn đời**.* (Bởi vì đã sống đời tốt lành, sau khi chết sẽ được ở bên phải Chúa, hưởng sự sống muôn đời.)

4.2. Khi lãnh hội được ẩn ý của Đức Giê-su trong lời dạy về phán xét cuối cùng thì ta hiểu vì sao trong Công Giáo có rất nhiều nữ tu quên mình để tận tụy nuôi những người cùi, bệnh nhân AIDS (sida), trẻ mồ côi, v.v... Mà tấm gương sáng

nhất về việc phụng sự Chúa bằng cách phụng sự những người bất hạnh trong xã hội này có lẽ chính là Mẹ Tê-rê-sa, rất nổi tiếng trên thế giới.⁽⁴⁵⁾

Như để giải thích vì sao Mẹ rất tận tụy chăm sóc, an ủi những con người bất hạnh, Mẹ từng nói như sau:

- Tôi thấy Chúa trong mỗi con người. Khi tôi rửa vết thương cho người cùi, tôi thấy mình đang chăm sóc chính Chúa.⁽⁴⁶⁾

- Những người hấp hối, tàn tật, tâm thần, bị ruồng rẫy, bị ghét bỏ – họ là Chúa Giê-su đang cải trang.⁽⁴⁷⁾

Cuối thập niên 1970, tại thành phố Boston (bang Massachusetts, Hoa Kỳ), Mẹ Tê-rê-sa giảng về thương yêu, là cách Mẹ và những nữ tu Dòng Thừa Sai Bác Ái do Mẹ khai sáng nhận ra Chúa Ki-tô trong số những người khó nghèo cùng khổ nhất.



Thánh Tê-rê-sa

⁽⁴⁵⁾ Mẹ về với Chúa năm 1997 (tám mươi bảy tuổi) sau đó đã được Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô phong Thánh (năm 2016).

⁽⁴⁶⁾ *I see God in every human being. When I wash the leper's wounds, I feel I am nursing the Lord Himself.* (Huệ Khải, *Nhịp Cầu Thương Tri*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 121.)

⁽⁴⁷⁾ *The dying, the cripple, the mental, the unwanted, the unloved – they are Jesus in disguise.* (*Nhịp Cầu Thương Tri*, tr. 158.)

Mẹ kể, có lần người ta nhặt trên đường phố Calcutta (Ấn Độ) một người ăn xin đang hấp hối và chuyển ngay kẻ bạc phước đến dòng tu của Mẹ. Một nữ tu đã dành trọn ngày rửa sạch những thương tích trên thân xác tiều tụy kia. Thế rồi, giữa giảng đường im phăng phắc, Mẹ hạ thấp giọng, thổ lộ cùng mọi người rằng thật ra nữ tu ấy đang chí thành rửa sạch những vết thương của Đức Giê-su. Mẹ nhấn mạnh, bằng cách giấu mình trong những hình hài quá đỗi xấu xí hay cực kỳ hèn mọn, Chúa Ki-tô muốn thử thách lòng nhân ái của các môn đồ.⁽⁴⁸⁾

Năm 1979 Mẹ Tê-rê-sa được trao giải Nobel Hòa Bình vì tất cả những hoạt động bác ái của Mẹ. Theo thông lệ, sau lễ trao giải, một đại yến được tổ chức tại khách sạn Lớn (*Grand Hotel*) ở thủ đô Oslo (nước Na Uy), với khoảng hai trăm năm mươi thực khách, có Chủ tịch Quốc Hội và Thủ Tướng Na Uy đến dự. Lần đầu tiên trong lịch sử giải Nobel Hòa Bình, đại yến này bị hủy bỏ vào năm 1979 vì Mẹ Tê-rê-sa quyết định dùng số tiền bảy ngàn Mỹ kim đài thọ chi phí cho đại yến để tổ chức bữa ăn tối Giáng Sinh cho hai ngàn người không nhà. Đối với Mẹ Tê-rê-sa, giải Nobel Hòa Bình là quà tặng cho người nghèo.⁽⁴⁹⁾

Những chuyện kể về đức bác ái, vị tha của Mẹ Tê-rê-sa được truyền tụng rất nhiều. Kể lại một ít như thế để thấy rõ và khâm phục cách các bậc chân tu Công Giáo đã thật sự sống đạo, thật sự thực hành lời dạy của Chúa Giê-su ra sao.

HUỆ KHẢI

⁽⁴⁸⁾ *Nhịp Cầu Tương Tri*, tr. 158.

⁽⁴⁹⁾ *Nhịp Cầu Tương Tri*, tr. 79.

3. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG ĐỒNG VATICAN II

1. MỤC ĐÍCH BÀI GIẢNG VÀ MỘT VÀI TỪ NGỮ CẦN BIẾT

Công Đồng Vatican II rất quan trọng đối với Giáo Hội Công Giáo hiện nay. Người đạo Cao Đài cần tìm hiểu một số ý nghĩa trọng yếu của Công Đồng Vatican II để có ý thức và tư thế sẵn sàng cộng tác chặt chẽ với Công Giáo để cùng góp phần tích cực vào công cuộc vận chuyển Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt của Đức Chí Tôn.⁽⁵⁰⁾

1.1. Công đồng là gì?

Công đồng (*Council*) nghĩa là *một cuộc hội họp rộng lớn*. Người Hoa gọi là *đại công hội nghị* 大公會議. Chữ *công* (*public*) có nghĩa là chung cho mọi người.

Trong thánh giáo Cao Đài, trên Thiên Đình có *Công Đồng Tam Giáo*. Do đó, trước khi xuống thế gian mở đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn đã triệu tập Công Đồng Tam Giáo và lập đại nguyện rằng nếu Thầy lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. *Đại Thừa Chơn Giáo* (1936) chép:

Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo màu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo

⁽⁵⁰⁾ Công Giáo (hay đạo Chúa) thuộc về Thánh Đạo, nằm trong Ngũ Chi (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo).

không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.⁽⁵¹⁾

Chúng ta cần phân biệt: *Công đồng (council)* khác với *cộng đồng (community)*. Cộng đồng là một tập thể đông người có cùng một đặc điểm chung nào đó. Thí dụ ta nói rằng một họ đạo là một *cộng đồng tín hữu Cao Đài* có chung một thánh thất hay thánh tịnh.

1.2. Vatican là gì?

Thành lập năm 1929, Vatican là một quốc gia độc lập với dân số năm 2019 khoảng 799 người,⁽⁵²⁾ diện tích khoảng 0,44km² có tường bao kín nằm trong lòng thành phố Rô-ma, nước Ý. Vatican là quốc gia nhỏ nhất thế giới về diện tích và dân số. Đứng đầu Vatican là Giáo Hoàng. Hiện nay là Giáo Hoàng Phan-xi-cô (*Francis*), quốc tịch Ác-hen-ti-na (ở Nam Mỹ). Các viên chức của Vatican là các giáo sĩ của Giáo Hội Công Giáo Rô-ma gồm nhiều quốc tịch khác nhau.

1.3. Trước Công Đồng Vatican II đã có hai mươi công đồng

Tính đến nay Giáo Hội Công Giáo Rô-ma đã tổ chức hai mươi một công đồng khác nhau ở nhiều thành phố.

Công đồng đầu tiên diễn ra từ tháng 3 tới tháng 8 năm 325 tại thành phố Nicaea (nước Thổ Nhĩ Kỳ). Đây là **Công Đồng Nicaea**.

Công đồng thứ mười chín diễn ra từ năm 1545 đến năm 1563 tại thành phố Trent (phía bắc nước Ý). Đây là **Công Đồng Trent**.

⁽⁵¹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 32.

⁽⁵²⁾ <http://worldpopulationreview.com/countries/vatican-city-population/>

Công đồng thứ hai mươi diễn ra từ năm 1869 đến năm 1870 tại Vatican. Đây là **Công Đồng Vatican I**.

Công Đồng thứ hai mươi một diễn ra từ năm 1962 đến năm 1965 tại Vatican. Đây là **Công Đồng Vatican II**.

2. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG ĐỒNG VATICAN II

Công Đồng Vatican II được Đức Giáo Hoàng Gio-an XXIII (1881-1963) khai mạc ngày 11-10-1962, bốn năm sau ngày đắc cử Giáo Hoàng (28-10-1958). Công Đồng này được Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI (1897-1978) bế mạc ngày 08-12-1965.

Đức Giáo Hoàng Gio-an XXIII được phong thánh ngày 27-4-2014. Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI được phong thánh ngày 14-10-2018. Do đó, hai vị đều được gọi là Đức Thánh Giáo Hoàng.

Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII bắt đầu nhiệm kỳ của ngài năm 1958, lúc bảy mươi bảy tuổi tây. Khi triệu tập Công Đồng Vatican II vào năm 1962, ngài tám mươi một tuổi tây.

Những ai trót quen suy nghĩ theo lẽ thói thông thường đều không khỏi sửng sốt, bởi lẽ họ ngỡ rằng Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII đã “quá già” nên không thể nào còn có ý tưởng về một cuộc đổi mới Giáo Hội Công Giáo. Thế nhưng, bằng một quyết định mang tính lịch sử (vì có ảnh hưởng rất lớn nhằm đổi mới Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ tức toàn cầu), Đức Giáo Hoàng tám mươi một tuổi hiển nhiên đã chẳng hề “già cỗi” chút nào hết. Vì vậy, mỗi khi nhắc tới Công Đồng Vatican II, giới tu hành đạo đức vẫn tỏ lòng kính ngưỡng và tán thán công đức hoằng đại của Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII.

2.1. Công Đồng Vatican II ra đời từ một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột

Trong diễn văn khai mạc Công Đồng Vatican II vào ngày 11-10-1962, khi nhắc tới quyết định triệu tập Công Đồng, Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII gọi đó là *một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột (a sudden flash of inspiration)*.

Ngài còn lưu ý rằng vào ngày 25-01-1959, tức là chưa tròn ba tháng sau khi đắc cử Giáo Hoàng, ngài đã từng tỏ bày ý định này trước một số vị trong Hồng Y Đoàn (*the Sacred College of Cardinals*) sau khi dự lễ tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phao-lô Ngoại Thành.

Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII hé lộ rằng hôm ấy, khi bày tỏ ý định trước một số vị Hồng Y, ngài đã *không chăm chút công phu, tỉ mỉ (without elaboration)* chi hết, thế nhưng “hiệu ứng” đến liền tức thì và lan tỏa sâu rộng. Đức Thánh Giáo Hoàng kể: *Mọi người hưởng ứng [ý định của ngài là muốn triệu tập Công Đồng vatican II] tức thì. Dường như có tia sáng siêu nhiên nào đó soi rọi vào tâm hồn tất cả những người có mặt: nó phản chiếu trên gương mặt họ; nó tỏ ngời trong ánh mắt họ. Lập tức một làn sóng nhiệt thành quét khắp thế gian, mọi nơi người ta bắt đầu háo hức đợi chờ cuộc lễ tổ chức Công Đồng này.*⁽⁵³⁾

Ngày nay, đọc lại diễn văn khai mạc năm 1962, những người có đức tin nhận thức rằng *một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột* đã đến với Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII ắt hẳn không gì khác hơn là Thần Khí (*Spirit*) của Chúa Thánh

Thần, vì chỉ có Thần Khí ấy mới làm nên một “phép lạ” như Công Đồng Vatican II.

Nói thêm: Trong đạo Cao Đài, khi chúng ta quyết định làm một việc gì đầy cảm hứng và tiến hành được suôn sẻ, thấu được kết quả tốt đẹp, chúng ta thường nói rằng mình được “điển lành” của Thầy ban bố, hộ trì.

Khi người tín hữu Công Giáo nói tới Thần Khí hay Thánh Linh thì có lẽ cũng phần nào giống như chúng ta nói tới “Thiên điển” của Thầy.

2.2. Công Đồng Vatican II là một công cuộc đại canh tân để đổi mới Giáo Hội Công Giáo về nhiều phương diện

Các bậc vĩ nhân thường nói giản dị về những công nghiệp rất to tát của mình. Thế nên, khi được hỏi về mục đích triệu tập Công Đồng Vatican II, Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII chỉ nói đơn giản là *để mở tung những cánh cửa sổ ... và cho chút không khí trong lành lọt vào (to open the windows ... and let in some fresh air).*⁽⁵⁴⁾

Lời Ngài đơn giản đến thế, nhưng phải chăng lại hàm ngụ một ẩn ý rằng cái bầu khí trước Công Đồng Vatican II đã “ngột ngạt”? đang cần “đổi gió”? tức là tới lúc để đổi mới Giáo Hội Công Giáo Rô-ma?

Nhưng thay vì chỉ là đổi mới, Công Đồng Vatican II được ca tụng là một công cuộc *Đại Canh Tân (a Great Renewal)*.⁽⁵⁵⁾

Trên thế gian này, đời hay đạo, thế quyền hay giáo quyền,

⁽⁵³⁾ <http://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=3233>

⁽⁵⁴⁾ <http://vatican2voice.org/4basics/themes.htm>

⁽⁵⁵⁾ <http://www.catholicapologetics.info/modernproblems/vatican2/renew2.html>

dù ở đâu và dù thời đại nào thì cũng phải tuân theo quy luật Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Muốn thoát khỏi quy luật này, mọi tổ chức đều phải kịp thời tự điều chỉnh trước khi quá trình đào thải đã đi quá xa, và mọi nỗ lực cứu vãn bấy giờ sẽ không còn hiệu quả!

Trong đạo Lão xưa kia (thời Nhị Kỳ Phổ Độ, nói theo sử quan Cao Đài) từng cho thấy sự khác biệt giữa Đạo (tuyệt đối) và Giáo (tức tôn giáo, tương đối). Vì tuyệt đối nên Đạo không đầu không cuối, không mở màn không bế mạc, không thịnh không suy. Trái lại, vì tương đối nên tôn giáo có trước có sau, có thịnh có suy. Mở đầu bài *Tựa cho Kim Liên Chính Tông Ký*, đạo sĩ Tần Chí An ⁽⁵⁶⁾ viết:

Đạo không đầu cuối, tôn giáo có trước sau. (...) Đạo là bản thể, tuy trải qua vô số kiếp, chưa biến đổi tí nào. Tôn giáo là công dụng, có lúc thịnh, có lúc suy.⁽⁵⁷⁾

Qua Tam Kỳ Phổ Độ (đạo Cao Đài), thánh giáo Đức Mẹ (Vô Cực Từ Tôn Điều Trì Kim Mẫu) diễn bày tỉ mỉ hơn lời lẽ trong đoạn văn dẫn trên của đạo Lão:

⁽⁵⁶⁾ Tần Chí An 秦至安 (1188-1244) người Lăng Xuyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Tương truyền ông ba lần thi tiến sĩ nhưng đều hỏng. Năm 1213 ông chạy loạn về phương Nam. Năm 1288 cha mất, ông không màng việc nhà, phiêu lãng vùng núi Tung Sơn. Ông đọc nhiều kinh sách Phật và Lão, rồi làm đạo sĩ, viết quyển *Kim Liên Chánh Tông Ký* 金蓮正宗記.

⁽⁵⁷⁾ 道無終始, 教有後先. (...) 道之爲體, 雖經無數劫, 未嘗少變. 教之爲用, 有時而廢, 有時而興. *Đạo vô chung thủy, giáo hữu hậu tiên. (...) Đạo chi vi thể, tuy kinh vô số kiếp, vị thường thiểu biến. Giáo chi vi dụng, hữu thời nhi phế, hữu thời nhi hưng.*

Đạo không hình không tướng. Thế nên đừng ai lấy thúng mà úp cái Đạo, đừng ai lấy khuôn mà đổ cái Đạo. Phải hiểu Đạo là uyển chuyển, thiên biến vạn hóa; tùy cơ duyên mà phổ độ; tùy hoàn cảnh thực tại mà linh động, uyển chuyển tác dụng cho hợp thời đúng lúc; tùy trình độ căn trí mà biện minh phân giải, thuyết lý độ đời. Điều nào hay thì giữ gìn mà phát triển. Điều nào dở không thích hợp thì phải trả về cho quá khứ. Điều nào thiếu thì sẽ thêm vô cho đủ. Điều nào dư thì hãy cắt xén bớt cho tròn vẹn.⁽⁵⁸⁾

Nói cách khác, mọi tôn giáo bất kỳ, càng trải qua chiều dài lịch sử lâu chừng nào thì càng phải đặt ra vấn đề đổi mới.

Dạy triết và tôn giáo đối chiếu (*comparative religion*) tại Viện Đại Học New Mexico, Giáo Sư Archie J. Bahm (1907-1996) xác định:

Các hình tượng, giáo lý và tổ chức đặc biệt mà qua đó các nhu cầu, và kinh nghiệm tu hành của một số người đã được phổ diễn thì chúng có thể hóa ra lỗi thời, mà sự tiếp tục duy trì chúng thường trở nên có hại cho sự tu hành lành mạnh.⁽⁵⁹⁾

Tóm lại, mọi tôn giáo đều có yêu cầu tất yếu và khách quan là phải tự đổi mới. Đổi mới để trường tồn và phát triển. Với Công Đồng Vatican II, Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII mở ra một tiến trình (*process*) đại canh tân Giáo Hội Công Giáo Rô-ma, làm tươi trẻ lại các cơ cấu và khơi thông dòng nhựa sống trường xuân sung mãn dồi dào cho Giáo Hội này.

⁽⁵⁸⁾ Thánh thất Nam Thành, ngày 05-8-1971 (15-6 Tân Hợi).

⁽⁵⁹⁾ Archie J. Bahm: *The World's Living Religions*. New York: Dell pub., 1964, p. 14.

Trong sự đại canh tân Giáo Hội Công Giáo Rô-ma, Công Đồng Vatican II còn hướng tới nỗ lực xây dựng mối quan hệ hiểu biết và tôn trọng các tôn giáo khác trên thế giới.

Bằng sắc lệnh *Đến Với Muôn Dân* quy định về hoạt động truyền giáo của Giáo Hội, Công Đồng Vatican II rõ ràng đã “yêu cầu” **người Công Giáo phải hòa mình với người khác tôn giáo**. Sắc lệnh này viết (đoạn 11):

Để có thể làm chứng về Chúa Ki-tô một cách hiệu quả, các Ki-tô hữu hãy đem lòng kính trọng và tình thương mà liên kết với những người ấy; hãy biết mình là thành phần của nhóm người mình chung sống; hãy chia sẻ đời sống văn hóa, xã hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong cuộc sống thế nhân; hãy làm quen với những truyền thống dân tộc và tôn giáo của những người ấy; hãy sung sướng và kính cẩn mà khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong những người ấy.⁽⁶⁰⁾

Tìm hiểu những nội dung đổi mới hoạt động truyền giáo trong tương quan với các tôn giáo khác, chúng ta thấy Công Đồng Vatican II nhìn nhận như sau:

Có nhiều cách đưa tới cứu độ và tất cả các tôn giáo nên được quyền bình đẳng. Các Ki-tô hữu phải cùng với những người khác truy tầm chân lý.⁽⁶¹⁾

Tạm gọi đó là thái độ hay cách ứng xử của Ki-tô hữu với tôn giáo bạn dưới ánh sáng soi rọi của Công Đồng Vatican II.

⁽⁶⁰⁾ http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_decree_19651207_ad-gentes_en.html

⁽⁶¹⁾ <http://www.catholicapologetics.info/modernproblems/vatican2/renew2.html>

Thái độ hay cách ứng xử tôn trọng các tôn giáo bạn như vậy hoàn toàn khác với quá khứ.

Trong quá khứ, phần lớn các giáo sĩ Công Giáo vì lầm lẫn nên cho rằng các tôn giáo khác đều là tà giáo, vì vậy người Công Giáo phải tích cực cải đạo những tín đồ của các tôn giáo khác, đưa họ trở về với chánh đạo duy nhất là đạo Thiên Chúa. Vì vậy, cải đạo người khác để họ trở thành con chiên của Chúa tức là làm phước cho họ; phá phách nơi thờ tự của tôn giáo khác là để cho tà đạo không còn trên mặt đất. Đây là những sai lầm trong quá khứ mà Công Đồng Vatican II chánh thức và công khai sửa đổi bằng sắc lệnh *Đến Với Muôn Dân* (tiếng Latin: *Ad Gentes*), tức là bằng luật lệ của Giáo Hội.

Chẳng hạn, ở Việt Nam, trước Công Đồng Vatican II, người tín đồ đạo Chúa không được thờ cúng tổ tiên, vì Giáo Hội cho đó là thờ ma quỷ. Từ khi có Công Đồng Vatican II, người Việt theo Công Giáo mới được thắp hương để thờ cúng tổ tiên, cha mẹ.

Tạm kể một ví dụ đơn giản như trên để dễ thấy một giá trị tích cực của Công Đồng Vatican II rất gần gũi với đời sống tâm linh, phù hợp truyền thống đạo đức lâu đời của người Việt.

2.3. Công Đồng Vatican II xây dựng mối tương giao, tương kính, và tương tri giữa Công Giáo và các tôn giáo bạn

Xưa nay, những ngộ nhận, kỳ thị, phân biệt, v.v... giữa các tôn giáo thường là do người đạo này chưa hiểu được tôn giáo của người đạo khác, dẫn rằng họ đang sống chung một quốc thổ, mang chung một quốc tịch, và nói chung một quốc ngữ.

Để sửa những sai lầm đã có trong quá khứ truyền đạo

Thiên Chúa, hiện nay, các chủng sinh (sau khi tốt nghiệp sẽ làm linh mục) trong các chủng viện, đại chủng viện được giảng dạy về các tôn giáo bạn, được hướng dẫn tiếp xúc, gặp gỡ các tôn giáo bạn. Đây cũng là sự đổi mới mà Công Đồng Vatican II mang tới cho Giáo Hội Công Giáo.

3. TUYÊN NGÔN TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA CỦA CÔNG ĐỒNG VATICAN II

Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII về với Chúa ngày 03-6-1963. Đức Thánh Giáo Hoàng Phao-lô VI kế vị từ ngày 21-6-1963. Ngài có sứ mạng tiếp nối vị tiền nhiệm để Công Đồng Vatican II thành công mỹ mãn.

Trước khi bế mạc Công Đồng Vatican II vào ngày 08-12-1965, Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI (1897-1978) vào ngày 28-10-1965 đã công bố quan hệ của Giáo Hội Công Giáo với các tôn giáo khác. Tuyên ngôn này thường gọi là theo tiếng Latin là *Nostra Aetate* (*Trong Thời Đại Chúng Ta*).⁽⁶²⁾

Tìm hiểu về Công Đồng Vatican II thì cần biết tới tuyên ngôn này, bởi lẽ Hội Đồng Giám Mục ⁽⁶³⁾ của Úc Châu xác định: *Nostra Aetate* là một phần công cuộc đổi mới Giáo Hội Công Giáo của Công Đồng Vatican II nhằm đưa Giáo Hội vào mối tương quan với thế giới hiện đại.

Năm 2015, kỷ niệm năm mươi năm ngày tuyên ngôn

⁽⁶²⁾ Xem thêm: Huệ Khải, *Trong Thời Đại Chúng Ta Với Tâm Tình Một Tín Hữu Cao Đài / Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016.

⁽⁶³⁾ Tên gọi đầy đủ là *Hội Đồng Giám Mục Đại Kết Và Các Quan Hệ Liên Tôn* (*Bishops Commission for Ecumenism and Inter-religious Relations*).

ra đời, Hội Đồng Giám Mục của Úc Châu viết:

Văn kiện này đã thay đổi thái độ của Giáo Hội đối với tín hữu các tôn giáo khác. Lần đầu tiên trong lịch sử, Giáo Hội đã nói một cách tích cực về các tôn giáo khác. Tuyên ngôn này được mọi người xem là một “bước ngoặt” trong các quan hệ giữa người Công Giáo và tín hữu các tôn giáo khác. (...) Văn kiện này tiếp tục gây cảm hứng và hướng dẫn người Công Giáo trong việc hình thành các quan hệ tương kính và hợp tác [với các tôn giáo khác].

Trong đoạn văn dẫn trên, hai chi tiết sau đây nên chú ý:

(a) Lần đầu tiên trong lịch sử, Giáo Hội đã nói một cách tích cực về các tôn giáo khác.

(b) *Tuyên ngôn này được mọi người xem là một “bước ngoặt” trong các quan hệ giữa người Công Giáo và tín hữu các tôn giáo khác.*

Theo quan điểm lịch sử của đạo Cao Đài, “thời đại hiện nay” mà Công Giáo nói tới chính là thời *Tam Kỳ Phổ Độ*. Trong thời đại này, mọi tôn giáo cần phải siêu vượt lên khỏi vỏ ốc tôn giáo để đạt tới Đại Đạo. Đạo Cao Đài gọi đó là “về Nguồn (*quy Nguyên*)”, vì Đại Đạo là nguồn gốc chung của mọi tôn giáo.

Trên con đường về Nguồn (*Ngũ Chi phục Nhất*), thay vì kỳ thị lẫn nhau bởi vì bầu vú, câu chấp vào các chỗ khác biệt hình thức, các tôn giáo hãy nhấn mạnh tới những giá trị vĩnh cửu mà các tôn giáo đều có chung; đồng thời, các tôn giáo luôn luôn duy trì cho nhau thái độ bao dung, cởi mở, hòa hiệp.

Suy gẫm hai chi tiết (a) và (b) mà Hội Đồng Giám Mục của

Úc Châu lưu ý như trên, người đạo Cao Đài chúng ta cảm nhận rằng kể từ Công Đồng Vatican II trở đi, Giáo Hội Công Giáo Rô-ma đã và đang chuyển mình để phù hợp cơ Trời (tức là Thiên cơ, là kế hoạch của Thiên Chúa) cho thời đại mới của nhân loại là Tam Kỳ Phổ Độ.

Như vậy, chúng ta tìm hiểu về Công Đồng Vatican II có thể hiểu rộng ra là tìm hiểu một chuyển biến rất quan trọng, rất ý nghĩa của một tôn giáo lớn trên hoàn cầu, và chuyển biến này chính là một mắt xích trong chuỗi các vận chuyển Kỳ Ba của Thiên cơ. Đây cũng là điều chúng ta suy ra từ thánh giáo Đức Chí Tôn:

Về đạo pháp các con cũng biết Thầy đến lần ba này làm sao cho nhơn loại khắp trên mặt địa cầu được sống lại ơn cứu độ lan chảy khắp năm châu.

Trước đây năm, sáu mươi năm các con cũng thấy các tôn giáo như ngủ mê mà từ ngày được Đạo Thầy hoằng khai thì các tôn giáo lần lượt chấn hưng.

Sự sống đó chẳng những đến cho các con mà đến khắp hoàn cầu, nên phong trào đạo đức đâu đâu cũng sống dậy.⁽⁶⁴⁾

4. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN LÀ GÌ?

Đọc kỹ tuyên ngôn *Nostra Aetate* do Vatican chánh thức phổ biến, chắc chắn chúng ta không tìm thấy bốn chữ “đối thoại liên tôn”; thế nhưng chúng ta đều hiểu tuyên ngôn này đã mở đường cho các hoạt động mục vụ đối thoại liên tôn của Giáo Hội Công Giáo. Vậy, do đâu phát sinh bốn chữ này?

⁽⁶⁴⁾ Bác Nhã Thiềm Đường (Long Hải, Vũng Tàu), Tuất thời, ngày 13-5 Giáp Dần (02-7-1974).

Bốn chữ này ra đời năm 1964, và Hội Đồng Giám Mục của Úc Châu giải thích như sau: *Cách mới để tiếp cận tín hữu các tôn giáo khác là “đối thoại”. Tên gọi và phương pháp này đã được đưa vào Giáo Hội do [Thánh] Giáo Hoàng Phao-lô VI (...).*

Để hiểu rõ “đối thoại liên tôn” là gì, chúng ta mượn định nghĩa của Hồng Y Phan-xi-cô Arinze (người Nigeria, sinh năm 1932): *Đối thoại liên tôn là một gặp gỡ nhiều người theo nhiều tôn giáo khác nhau, trong một bầu khí tự do và cởi mở, để lắng nghe nhau, để cố gắng hiểu tôn giáo của người khác, và hy vọng tìm kiếm những khả năng hợp tác.*

4.1. Thực thi đối thoại liên tôn

Thiện chí đối thoại liên tôn trong thực tế được người Công Giáo thực thi ra sao? Hội Đồng Giám Mục của Úc Châu giải đáp như sau: *Việc nghiên cứu các tôn giáo khác được thực hiện, những cuộc thăm viếng lãnh đạo và các nơi thiêng liêng của các tôn giáo khác được sắp xếp, các đoàn đại biểu của các tôn giáo khác được tiếp đón ở Vatican. Các giáo phận, các hội nghị giám mục cấp quốc gia và các tổ chức cấp khu vực thành lập các ủy ban nhằm giáo dục và huấn luyện giáo dân đối thoại liên tôn với tín hữu các tôn giáo bạn.*

4.2. Bốn cách thức đối thoại liên tôn

Năm 1984, Vatican hướng dẫn cách thức đối thoại liên tôn, và theo Hội Đồng Giám Mục của Úc Châu, Vatican đưa ra bốn cách thức đối thoại liên tôn như sau:

Đối thoại về đời sống – chia sẻ những biến cố trong đời sống hàng ngày chúng ta trong gia đình, nơi làm việc và vui chơi với những hàng xóm láng giềng khác tôn giáo;

Đối thoại về hành động – căn cứ trên các giá trị tôn giáo và luân lý được chia sẻ, cùng nhau xử lý những vấn đề bận tâm chung về xã hội để cải thiện xã hội;

Đối thoại về trao đổi thần học [tức giáo lý] – chia sẻ và thảo luận những đức tin tôn giáo của chúng ta để hiểu biết nhau rõ hơn và nhận thức chính xác hơn những gì chúng ta tương đồng và những khác biệt của chúng ta nằm ở đâu;

Đối thoại về kinh nghiệm tôn giáo – chia sẻ về những cách thực hành tâm linh cũng như những kết quả của cầu nguyện và thờ phượng trong truyền thống các tôn giáo.

Cũng theo Hội Đồng Giám Mục của Úc Châu, đối thoại liên tôn không loại trừ một ai, vì thế: *Tất cả các thành viên của Giáo Hội Công Giáo được mời gọi xây dựng các quan hệ với tín hữu các tôn giáo khác. Mỗi người hãy làm theo cách riêng của mình, tùy theo hoàn cảnh sinh sống, để đáp lại lời mời gọi chia sẻ sứ mệnh. Bằng cách thực hành một hay vài ba hình thức trong bốn hình thức đối thoại liên tôn được kể trên đây – đối thoại về cuộc sống, đối thoại về hành động, đối thoại về trao đổi thần học, và đối thoại về kinh nghiệm tôn giáo – nhiều khả năng có thể mở ra.*

4.3. Đối thoại liên tôn ở Việt Nam

Theo hướng dẫn của Hội Đồng Tòa Thánh về đối thoại liên tôn, ngày 05-12-2009 Đức Hồng Y Gio-an Bao-ti-xi-ta Phạm Minh Mẫn (Tổng Giám Mục) ký quyết định thành lập Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo Phận TpHCM (Ban MVĐTLT). Quyết định này có ý nghĩa quan trọng, vì thể hiện tinh thần của tuyên ngôn *Trong Thời Đại Chúng Ta*. Vị trưởng ban từ đó đến nay là linh mục Phan-xi-cô Xa-vi-ê Bảo Lộc.

Một nội dung trong đường hướng của Ban MVĐTLT là: *Thăm viếng, tiếp xúc và trao đổi với các tín đồ tôn giáo khác để xây dựng tình bằng hữu – huynh đệ, gia tăng hiểu biết lẫn nhau và nếu có thể được, cộng tác với nhau trong lĩnh vực từ thiện và ích lợi cộng đồng.*⁽⁶⁵⁾

Một nội dung khác trong đường hướng của Ban MVĐTLT là: *Tổ chức và linh hoạt các cuộc gặp gỡ liên tôn. Đây cũng là cơ hội để trao đổi kinh nghiệm sống đạo và chia sẻ niềm tin Kitô Giáo cho các người khác đạo.*⁽⁶⁶⁾ Để thực thi nội dung này, từ 2011 tới 2018 đã có tám lần Hội Ngộ Liên Tôn vào ngày 27-10 hằng năm.

Nếu có điều kiện, người đạo Cao Đài chúng ta nên tham dự các cuộc Hội Ngộ Liên Tôn hằng năm này, ít ra là một lần, để tận mắt nhìn thấy, và chính lòng mình cảm nhận những nỗ lực liên tôn cao quý của người Công Giáo Việt Nam đối với các tôn giáo bạn, trong đó có đạo Cao Đài.

5. THAY LỜI KẾT

Tiến sĩ Hans Küng (người Thụy Sĩ, sinh năm 1928) nói:

Sẽ không có hòa bình giữa các dân tộc nếu không có hòa bình giữa các tôn giáo. Sẽ không có hòa bình giữa các tôn giáo nếu không có đối thoại giữa các tôn giáo.

Trong một văn kiện công bố ngày 24-11-2013, Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô xác định:

Đối thoại liên tôn là một điều kiện cần thiết cho hòa bình

⁽⁶⁵⁾ <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20091205/4705>

⁽⁶⁶⁾ <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20091205/4705>

trên thế giới, và vì thế nó là một nhiệm vụ đối với các Ki-tô hữu, cũng như đối với các cộng đồng tôn giáo khác.

Mọi tôn giáo trong thời đại này cần không ngừng thắt chặt mối quan hệ hòa ái, hợp tác để cùng nhau xây dựng một thế gian hòa bình. Đối thoại liên tôn vì thế rất thiết yếu cho lý tưởng chung này của các tôn giáo thế giới. Người đạo Cao Đài không thể làm ngơ đối thoại liên tôn, và bởi thế cũng đừng nghĩ lầm rằng đối thoại liên tôn là chuyện riêng tư của Công Giáo.

Trong diễn văn khai mạc Công Đồng Vatican II vào ngày 11-10-1962, khi nhắc tới quyết định triệu tập Công Đồng, Đức Thánh Giáo Hoàng Gio-an XXIII gọi đó là *một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột*. Người đạo Cao Đài có thể hiểu rằng cái “chớp nhoáng cảm hứng đột ngột” ấy chính là Thiên điển của Thượng Đế đã khai sáng cho Đức Gio-an XXIII để ngài có thể làm nên một phép lạ diệu kỳ là Công Đồng Vatican II trên con đường tiến hóa tâm linh của loài người theo Thiên cơ hoạch định.

Một khi thấu hiểu ý nghĩa của Công Đồng Vatican II, hiểu rõ đối thoại liên tôn là gì, mong rằng người đạo Cao Đài càng thêm sẵn sàng và chủ động nhiều hơn nữa trong các quan hệ liên tôn giáo nói chung, và với Công Giáo nói riêng. Mỗi tập thể người đạo Cao Đài càng thêm ý thức mở rộng hợp tác với các bạn đạo Công Giáo cũng như các tôn giáo bạn trong nỗ lực chung nhằm kiến tạo một xã hội phát triển bền vững đặt trên nền tảng *nhân bản, an lạc, và tiến bộ* như đạo Cao Đài đề xuất.

HUỆ KHẢI

TRÒN MƯỜI NĂM ẤY BIẾT BAO NHIÊU TÌNH

HUỆ KHẢI

Theo hướng dẫn của Hội Đồng Tòa Thánh về đối thoại liên tôn, Đức Hồng Y Gio-an Bao-ti-xi-ta Phạm Minh Mẫn ký quyết định thành lập Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo Phận TpHCM (Ban MVĐTLT) vào Thứ Bảy 05-12-2009.

Quyết định này mang ý nghĩa quan trọng, vì thể hiện tinh thần của tuyên ngôn *Nostra Aetate (Trong Thời Đại Chúng Ta)*,⁽¹⁾ nói về quan hệ của Giáo Hội Công Giáo với các tôn giáo không phải Ki-tô Giáo (*non-Christian*), do Đức Thánh Giáo Hoàng Phao-lô VI công bố vào Thứ Năm 28-10-1965; mà *Nostra Aetate* cũng là tuyên ngôn của Công Đồng Vatican II.

Kể từ quyết định năm 2009 nói trên, tính đến nay thì Ban MVĐTLT vừa tròn mười tuổi (nói theo dân gian là vừa *lên mười*). Suốt mười năm này, Ban MVĐTLT và Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo (Chương Trình CTAT) đã có được mối duyên rất thiện hảo là cùng nhau xiết chặt tay để kết dệt mối tâm giao trong tình tương tri, tương kính.

1. Một nội dung trong đường hướng của Ban MVĐTLT là: *Thăm viếng, tiếp xúc và trao đổi với các tín đồ tôn giáo khác*

⁽¹⁾ Để hiểu tuyên ngôn này, có thể xem thêm: Huệ Khải, *Trong Thời Đại Chúng Ta Với Tâm Tình Một Tín Hữu Cao Đài / Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016. Quyển 99-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.



Chủ Nhật 26-4-2009: Buổi sơ ngộ với Ban MVĐTLT tại TT Bàu Sen.
 Từ trái sang: Lm PX Bảo Lộc, Đh Đạt Tịnh, Đh Đạt Từ, Đh Huệ Khải.
 Ảnh: Chương Trình CTAT



Thứ Tư 03-4-2013, tại Học Viện Mục Vụ: Lm PX Bảo Lộc mở đầu buổi
 trò chuyện liên tôn Công Giáo - Cao Đài nhân mùa Phục Sinh.
 Ảnh: Phan-xi-cô Xa-vi-ê Quang Vinh (Ban MVĐTLT).

để xây dựng tình bằng hữu – huynh đệ, gia tăng hiểu biết lẫn nhau và nếu có thể được, cộng tác với nhau trong lĩnh vực từ thiện và ích lợi cộng đồng.⁽²⁾ Thế nên, khi Ban mới vừa “bốn tháng tuổi”, vị Trưởng Ban là linh mục Phan-xi-cô Xa-vi-ê Bảo Lộc đã chủ động ngõ lời đến thăm thánh thất Bàu Sen vào sáng Chủ Nhật 26-4-2009.

Nhận được nhã ý của linh mục PX Bảo Lộc, hiền huynh Đạt Tịnh liền thay mặt Ban Cai Quản ngõ lời mời Chương Trình CTAT cùng tham dự để tiếp Ban MVĐTLT. Ra đời vào tháng 6-2008, bấy giờ Chương Trình chưa đầy một năm tuổi.

Nói theo tiểu thuyết *Sans Famille* (không gia đình) của nhà văn Pháp Hector Malot (1830-1907), Chương Trình vốn là “kẻ không nhà”. May thay! Khởi đầu là hiền huynh Đạt Linh (1953-2009) và kế tiếp là hai hiền huynh Đạt Tịnh và Trần Văn Quang với cương vị Chánh và Phó Hội Trưởng của Ban Cai Quản thánh thất Bàu Sen đã thương mến cho phép Chương Trình được tổ chức các buổi họp mặt giới thiệu sách mới ấn tống tại thánh thất trong ba năm rưỡi.⁽³⁾

Từ lần sơ ngộ ấy tới cuối năm 2011, mỗi lần Chương Trình CTAT họp mặt đạo hữu để giới thiệu và phát hành sách mới tại thánh thất Bàu Sen, Ban MVĐTLT đều đến dự, phát

⁽²⁾ <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20091205/4705>

⁽³⁾ Sau khi hai hiền huynh Đạt Tịnh và Trần Văn Quang chấm dứt nhiệm vụ Ban Cai Quản, rời con đường phổ độ (*exotericism*) tại họ đạo để cùng nhau chuyên tâm dốc chí vào con đường tu tịnh vô vi (*esotericism*) theo pháp môn Cao Đài Chiếu Minh thì Chương Trình CTAT trở lại thân phận “kẻ không nhà”, nhưng vẫn kiên trì hành đạo suốt mười một năm nay, với hơn một trăm năm mươi đầu sách các loại đã ấn tống và phổ biến nhiều nơi.

biểu cảm tưởng, thỉnh sách ấn tống, chung niềm vui với bốn đạo Cao Đài trong những bữa cơm chay, và góp công quả vào quỹ ấn tống, v.v...

Nhân dịp vừa in xong tập thơ *Tiếng Chim Quyên* của hiền huynh Phạm Văn Liêm (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011), Chương Trình CTAT kết hợp ba thánh thất Trung Minh, Trung Hiền, Từ Vân (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) tổ chức đêm thơ nhạc *Trăng Tháng Mười* kính mừng kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo (1926-2011) tại thánh thất Từ Vân (100 Thích Quảng Đức, Phú Nhuận) lúc 7:30 giờ tối Thứ Bảy 12-11-2011 (17-10 Tân Mão).

Ban MVĐTLT và khoảng ba mươi học viên khóa *Thực Hành Đối Thoại Liên Tôn* tại Học Viện Mục Vụ Tổng Giáo Phận đã hoan hỷ đến với đêm thơ nhạc này. Hòa chung niềm vui cùng các đạo hữu Cao Đài, hiền tỷ Ma-ri-a Lý Ngọc Anh (Thư Ký của Ban MVĐTLT) diễn ngâm bài *Đêm Xuân Cầu Nguyện* của thi sĩ Hàn Mặc Tử (1912-1940); các Ki-tô hữu đồng ca bài *Mở Rộng Con Tim* của hiền huynh Giu-se Bùi Văn Hóa (Phó Ban MVĐTLT).

Giữa hai tiết mục rất được tán thưởng ấy là câu chuyện *Khai Đạo Và Khai Tâm* qua giọng nói từ tốn, truyền cảm của linh mục PX Bảo Lộc:

Từ nhiều thập niên qua, tương quan giữa những anh chị em tín đồ Cao Đài và Công Giáo đã được tâm duyên của nhiều bậc tiền bối của hai Đạo kết dệt nên. Chúng tôi là những người môn đệ Chúa Giê-su thuộc hàng hậu bối, được mời gọi tiếp bước cha ông, gìn giữ và nuôi dưỡng tình bằng hữu giữa những người bạn đạo này. Những cuộc gặp gỡ và trao đổi

giữa một số anh chị em Công Giáo với các đạo hữu Cao Đài trong những năm gần đây đã giúp chúng ta thêm gần gũi nhau và làm phong phú kinh nghiệm sống của mỗi người với Thượng Đế hơn.

Vị Trưởng Ban MVĐTLT tiếp tục bày tỏ:

Một dấu ấn, một bước ngoặt đã được khắc ghi trong lịch sử đạo giáo và lịch sử Việt tộc với sự xuất hiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Và từ 1926 đến nay, đã có không biết bao nhiêu cái tâm được khai sáng qua nhiều nẻo đường tâm linh và tương giao, mà chỉ mình Thượng Đế là Đấng Khai Đạo và dẫn Đạo mới tổ tường. Phần chúng ta là phàm nhân, là những người tầm Đạo và đi theo Đạo, chúng ta cảm nhận niềm vui khi được ban tặng một niềm tin, được Thượng Đế khai mở cho con đường đến với Ngài.

Sự kiện lịch sử thường được lưu truyền qua những chứng nhân, từ thế hệ này sang thế hệ khác, mà quý đạo huynh và đạo tỷ hiện diện nơi đây là những người làm chứng cho một mối tương quan giữa con người với Thượng Đế.

Chúng tôi nguyện cầu cho sự kiện lịch sử và tâm linh mà chúng ta cử hành kỷ niệm hôm nay, mang lại nhiều hoa trái tâm linh trong tâm lòng mỗi đạo hữu cũng như nơi môi trường và cộng đoàn chúng ta sống đạo.⁽⁴⁾

2. Một nội dung khác trong đường hướng của Ban MVĐTLT là: Tổ chức và linh hoạt các cuộc gặp gỡ liên tôn. Đây cũng là cơ hội để trao đổi kinh nghiệm sống đạo và chia sẻ

⁽⁴⁾ Huệ Khải, *Con Đường Hạnh Phúc*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 61, 62. Quyển 48-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

niềm tin Ki-tô Giáo cho các người khác đạo.⁽⁵⁾ Để thực thi nội dung này, từ 2011 tới 2018 đã có tám lần Hội Ngộ Liên Tôn vào ngày 27-10 hằng năm. Là người chủ biên Chương Trình CTAT, tôi luôn được Ban MVĐTLT mời tham gia, hoặc góp bài tham luận trên diễn đàn, hoặc đôi lần cùng với linh mục Giu-se Phạm Văn Bình (Dòng Phan-xi-cô) và hiền tử Ma-ri-a Lý Ngọc Anh phụ trách dẫn chương trình. Đây là những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt trong tôi.

Lại rất đáng quý nữa chính là Ban MVĐTLT luôn luôn hoan hỷ cho Chương Trình CTAT được gửi các đầu sách ấn tống góp phần khiêm tốn vào túi quà lưu niệm hằng năm của Hội Ngộ Liên Tôn, mỗi lần năm trăm quyển; nhờ thế, sách của Chương Trình (vốn không trưng bày tại những hiệu sách) mới có duyên lành được đến tay đại biểu các tôn giáo bạn và nhiều cộng đoàn Ki-tô hữu.

3. Ban MVĐTLT thường xuyên mở các giảng khóa (32 tiết/khóa/học kỳ) để đào tạo MVĐTLT tại Học Viện Mục Vụ TGP, và linh mục PX Bảo Lộc vừa là giám học vừa là giảng sư tại Học Viện. Do đó, linh mục Trưởng Ban đôi lần gửi học viên đến dự buổi nói chuyện của tôi về giáo lý Cao Đài, hoặc mời tôi đến một vài lớp học về *Thực Hành Đối Thoại Liên Tôn* tại Học Viện để sinh hoạt với các học viên đang tìm hiểu về đạo Cao Đài. Đây cũng là những dịp để Chương Trình CTAT tặng quý anh chị học viên một số sách tham khảo.

Nhân mùa Phục Sinh, Học Viện Mục Vụ tổ chức buổi trò chuyện liên tôn thân mật từ 6.30 giờ đến 9.00 giờ tối Thứ Tư 03-4-2013 tại phòng 102 (lầu 1) của Học Viện. Chủ trì là linh

mục PX Bảo Lộc. Tham dự có khoảng năm mươi nữ tu Học Viện Liên Tỉnh Dòng Thánh Phao-lô Thành Chartres do vị giám đốc là nữ tu Marie Huỳnh Thị Tuyết Mai hướng dẫn. Đồng thời còn có độ mười anh chị học viên lớp Thực Hành Đối Thoại Liên Tôn. Buổi trò chuyện hôm ấy rất cởi mở, tràn đầy tiếng cười vui tươi trong tình hòa ái.

Để lưu lại những bông trái tươi tốt trong đêm hội ngộ thắm tình liên tôn ấy, Chương Trình CTAT ấn tống tập sách nhỏ: *Công Giáo Và Cao Đài Hội Ngộ Phục Sinh* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013). Linh mục PX Bảo Lộc đã trân trọng viết *Lời Tựa* cho sách này như sau:

Từ ước mong giới thiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho người nước ngoài đến ước muốn giúp người Công Giáo trong nước hiểu biết, cùng đi vào tương quan với anh chị em tín đồ Cao Đài, đồng thời cố gắng hiện thực những cuộc hội ngộ Công Giáo – Cao Đài hôm nay, là một hành trình dài.

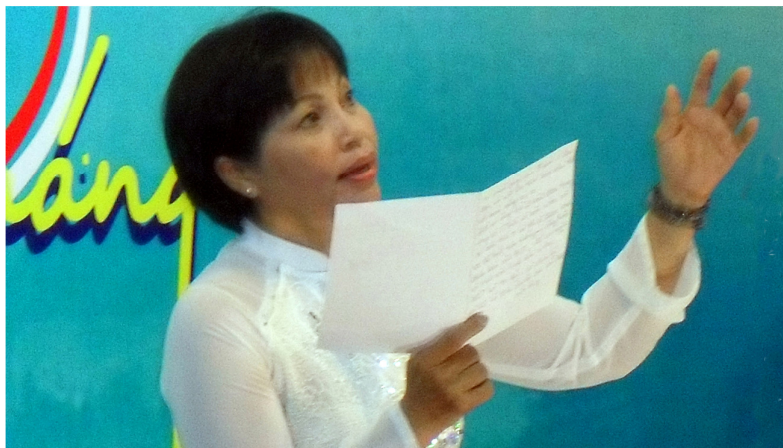
Độ dài của chặng đường tương giao này chủ yếu không phải ở nơi khoảng cách về địa lý, sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa hay niềm tin, mà có lẽ do khoảng cách giữa những cái Tâm. Làm thế nào để rút ngắn khoảng cách này giữa những người tín hữu, những người phụng sự đạo pháp và con người, đó là thách đố đặt ra cho Ki-tô hữu muốn theo gương Chúa Giê-su và thực hành hướng dẫn của Công Đồng Vatican II về liên hệ với tín đồ thuộc tôn giáo khác.

Cuộc giao thoa giữa tinh thần đại đồng của quý huynh tử Cao Đài và chiều kích Công Giáo trong đời sống Ki-tô hữu đã tạo nên môi sinh tinh thần cho các đạo hữu Công Giáo và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xích lại gần nhau. Chương Trình Chung

⁽⁵⁾ <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20091205/4705>



TT Từ Vân, Thứ Bảy 12-11-2011: Đêm thơ nhạc *Trăng Tháng Mười*.
 Từ phải sang: Lm PX Bảo Lộc, Huệ Khải, Phao-lô Giang Quốc Chung.
 Ảnh: Giu-se Bùi Văn Hóa (Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn)



TT Từ Vân, Thứ Bảy 12-11-2011: Đêm thơ nhạc *Trăng Tháng Mười*.
 Hiền tỷ Ma-ri-a Lý Ngọc Anh diễn ngâm bài *Đêm Xuân Cầu Nguyên*.
 Ảnh: Giu-se Bùi Văn Hóa (Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn).

Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo và Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo Phận Tp.HCM đang góp tâm sức để dựng xây những nhịp cầu hiểu biết, tương quan và cộng tác giữa tín đồ các tôn giáo nói chung và giữa hai cộng đồng Cao Đài – Công Giáo nói riêng.

Cuộc trao đổi về niềm tin và giáo lý tại Học Viện Mục Vụ Tổng Giáo Phận được ghi nhận trong tập sách này là một trong những hoa trái của mối tương quan huynh đệ giữa các đạo hữu, song hành với niềm tin rằng chúng ta là con cái cùng Một Thượng Đế là Cha. Cuộc hội ngộ trong tinh thần học hỏi lẫn nhau này cũng là dấu chỉ của Tin Mừng Phục Sinh mà Chúa Giê-su Ki-tô mang lại cho nhân loại, đó là niềm vui gặp gỡ, hiểu biết, cảm thông và tôn trọng.

Thực vậy, Đức Ki-tô phục sinh luôn đi bước trước tìm đến gặp gỡ, lắng nghe, trao ban bình an và yêu cầu các đệ tử ra đi loan báo Tin Mừng bình an cho mọi người. Vì thế, mỗi cuộc hội ngộ giữa những người bạn đạo, đều làm cho những giá trị Chân – Thiện – Mỹ được lớn lên trong lòng người và lòng đời.

Mong sao những nhịp cầu tâm giao ngày càng được quý đạo hữu bốn phương chung tâm xây đắp vững bền và nhân rộng khắp các vùng miền trong nước, để ngôi nhà Việt Nam trở nên mái ấm của tình huynh đệ. (Sách đã dẫn, tr. 9-10)

4. Ở phương vị rất khiêm tốn của Chương Trình CTAT, trên đây tôi chỉ tạm kể một ít kỷ niệm tuy có vẻ hơi riêng tư nhưng quả thật chính là mối thân tình gắn bó giữa Ban MVĐTLT và Chương Trình trong mười năm hiệp tâm phụng sự con đường liên tôn Công Giáo – Cao Đài.

Ôn lại những kỷ niệm này, tôi muốn bày tỏ thêm rằng bản

thân tôi không chỉ cảm thụ sâu sắc Đạo Chúa qua Lời Chúa (Phúc Âm) mà quan trọng hơn hết là còn cảm thụ qua chính cung cách tu dưỡng, hành đạo, sống đạo của vị mục tử và những chiêm lành trong Nhà Chúa, và tôi luôn nghĩ rằng đó còn là ơn Chúa kín đáo ban cho một môn đệ Cao Đài nhỏ bé thông qua một cộng đoàn có ý nghĩa rất đặc biệt trong thời đại chúng ta là Ban MVĐTLT, từ vị linh mục Trưởng Ban cho tới các thành viên nam nữ.

Năm 2013 (trong *Lời Tựa* dẫn trên), linh mục PX Bảo Lộc viết: *Thực vậy, Đức Ki-tô phục sinh luôn đi bước trước tìm đến gặp gỡ, lắng nghe...* Thì cũng y hệt như vậy, mười năm qua bản thân vị Trưởng Ban MVĐTLT cũng đã *đi bước trước tìm đến gặp gỡ, lắng nghe...* để bắc những nhịp cầu tâm giao ⁽⁶⁾ giữa Công Giáo và Cao Đài.

Nếu Ban MVĐTLT soạn một biên niên các sự kiện suốt cuộc hành trình mười năm của Ban, dù chỉ nói riêng về mối tâm giao Công Giáo – Cao Đài (mở rộng ra với một số Hội Thánh và các thánh sở hay tổ chức Cao Đài ở một số tỉnh thành) thì chắc chắn sẽ cần nhiều trang giấy.

Nói khác đi, Ban MVĐTLT đã có mười năm thành tựu bởi vì linh mục Huệ Tâm (tức là PX Bảo Lộc) đã và đang liên tôn bằng cả tâm và huệ (*heart and wisdom*) để chu toàn sứ vụ.

Tôi không khỏi suy gẫm về lần đầu tiên linh mục Huệ Tâm chủ động đi bước trước để gặp gỡ những môn đệ Cao Đài tại họ đạo Bàu Sen. Hôm xưa ấy, hẳn rằng linh mục không hề “coi ngày”. Vậy, tôi tin rằng Thần Khí hay Thánh Linh (*Holy*

⁽⁶⁾ *Nhịp Cầu Tâm Giao* vừa là tên một website (<http://nhipcautamgiao.net>) vừa là tên một tập san do Ban MVĐTLT thực hiện.

Spirit) của Chúa đã soi dẫn cho linh mục Huệ Tâm thực hiện buổi sơ ngộ mười năm trước, bởi lẽ theo hai mươi bốn tiết khí của nông lịch Á Đông thì Chủ Nhật 26-4-2009 trùng vào tiết Cốc Vũ.

Cốc là lúa gạo, các thứ hạt dùng làm lương thực (*grains*); Vũ là mưa (*rain; pluie*). Thế nên Cốc Vũ dịch sang tiếng Anh là *Grain Rain*; dịch sang tiếng Pháp là *Pluie de Grains*.

Cốc Vũ có thể hiểu rộng ra là mưa rào lúc cuối mùa xuân chuyển sang đầu mùa hạ, và mưa này rất tốt cho mùa màng, thuận lợi cho việc gieo trồng. Nhờ thế, suốt mười năm qua, hạt giống lành liên tôn giữa Công Giáo và Cao Đài nói chung, hay giữa Ban MVĐTLT và Chương Trình CTAT nói riêng, đã triển nở đúng như lời Thầy Giê-su dạy:

Người gieo giống đi ra gieo hạt giống của mình. (...) Có hạt lại rơi nhằm đất tốt, và khi mọc lên, nó sinh hoa kết quả gấp trăm. (Lu-ca 8: 5, 8)

Xin nguyện cầu các cộng đồng Cao Đài luôn luôn là *đất tốt* như vậy để tiếp tục đón nhận hạt giống lành liên tôn, để những năm tới sẽ càng thêm nhiều bông trái thơm ngon.

Cũng xin nguyện cầu Ban MVĐTLT luôn luôn là *người gieo giống* càng dày trải nghiệm lại càng thêm sáng huệ minh tâm trong ơn lành Thiên Chúa dẫn lối soi đường.

Nhiều Lộc, ngày Thiên Quan
Tứ Phước năm Kỷ Hợi
(Thứ Ba 19-02-2019)

HUỆ KHẢI

VỀ QUÁ TRÌNH TIẾP BIẾN TÍN NGƯỠNG QUAN THÁNH CỦA CHÚA NGUYỄN

NGUYỄN ANH HUY ⁽¹⁾

I. THIÊN CỔ VĨ NHÂN ⁽²⁾

Chúng ta, ai cũng biết trong tác phẩm *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của La Quán Trung, Quan Công (162-219) được mô tả là người trung nghĩa, khi mất lại hiển thánh cứu dân hộ quốc. Người đời cho rằng Quan Thánh có các đức tính 忠同日月, 義同天 *trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên*, nghĩa là lòng trung thì sáng như mặt trời mặt trăng, còn nghĩa khí thì như trời xanh bao la.

Rất nhiều câu chuyện về cuộc đời ông, như về lòng trung, người ta kể rằng khi anh em Đào Viên kết nghĩa bị ly tán, Quan Công bị quân Tào vây hãm và dụ hàng, ngài ra ba điều kiện trong đó có hai câu tỏ lòng trung là *Hàng Hán (họ Lưu) chứ không hàng Tào, và khi biết được Lưu hoàng thúc ở đâu thì cũng tìm đến*. Tào Tháo đồng ý cho hàng và quý trọng ông

⁽¹⁾ Bác sĩ Y Khoa, Huế.

⁽²⁾ Chữ trên bức hoành 千古偉人 *Thiên Cổ Vĩ Nhân* ở đền thờ Quan Thánh ở làng Mậu Tài, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Nguyên bức tượng Quan Thánh ở đền thờ làng này là của đền thờ Quan Thánh ở làng Thạch Cấn, đối diện phía bên kia sông Lợi Nông; năm Tự Đức thứ ba mươi (1877), bức tượng này bị lụt trôi đến làng Mậu Tài, dân làng Mậu Tài vớt lên và lập đền thờ mới ngay nơi phát hiện bức tượng.

đến nỗi *tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến* (ba ngày mở một tiệc nhỏ, bảy ngày mở một tiệc lớn để chiêu đãi). Nhưng cuối cùng ông vẫn bỏ họ Tào để đi tìm người anh kết nghĩa họ Lưu:

*Uy lừng ba nước tiếng anh hào
Nam nữ riêng nhà, nghĩa khí cao
Gian tướng uống công mua chuốc hão
Ai hay Quan Vũ chẳng hàng Tào.*

Về nghĩa khí, người ta kể rằng khi Tào Tháo thua trận Xích Bích, thế cùng lực kiệt chạy đến Hoa Dung thì gặp Quan Công đang chờ bắt ở đó:

*Tào Man thua chạy đến Hoa Dung
Gặp phải Quan Công xiết hải hùng
Chạnh nghĩ xưa kia ơn nghĩa nặng
Nên đành mở khóa, thả giao long.*

Trước khi Quan Công xin đi bắt Tào Tháo, ông đã viết quân lệnh trạng với quân sư Gia Cát Lượng thề sẽ chấp nhận bị xử theo quân lệnh nếu thả giặc Tào, nhưng trong giây phút trả nghĩa cho họ Tào, ông đã:

*Liều đem một chết đền tri kỷ
Nên được nghìn thu nổi nghĩa danh.*

Trải qua các triều đại phong kiến Trung Hoa, từ thời Tống, Nguyên, Quan Công đều được phong tước, xem là vị Thánh, và lập đền thờ ngài. Rồi đến thời Minh Vạn Lịch (1573-1620) được tôn là Đế, đến thời Thanh Càn Long (1736-1795) lại được tôn là *Trung Nghĩa Vũ Thần Đại Đế, Quan Phu Tử...*

Như chúng ta đã biết, người Trung Hoa lưu lạc về đâu

cũng thành lập các hội quán, bang hội để sinh hoạt... Ngay trên các vật dụng hằng ngày, những chiếc xe bán phở bán bánh, họ cũng đều ghi chép, vẽ hình ảnh những điển tích mang truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc mình như điển tích về Tam Quốc, Thủy Hử,... nhờ đó họ bảo tồn được dân tộc tính; và các tín ngưỡng của họ như tục thờ Quan Thánh, thờ Thánh Mẫu... cũng được du nhập vào các địa phương nơi họ đến buôn bán, sinh sống... Ban đầu, những án thờ này được bày trong các tư gia, nhưng khi đã thành lập được các khu phố Hoa kiều thì các tín ngưỡng này được đưa vào các cung miếu...

Năm 1644, tại Trung Quốc, nước Đại Thanh chiếm diệt Đại Minh, nhưng một số thân vương của triều Minh như Phúc Vương, Đường Vương, Quế Vương đã xưng đế để phản Thanh phục Minh. Năm 1646, Quế Vương lấy niên hiệu Vĩnh Lịch, xưng đế ở miền Nam Trung Quốc, quốc hiệu vẫn là Đại Minh, đến năm 1662 thì bị diệt, triều Minh bị mất hoàn toàn. Trong hoàn cảnh mất nước, các thần dân Đại Minh, vì muốn khôi phục tiên triều, họ lại càng đề cao hình tượng Quan Thánh trung nghĩa với Đại Hán để ví von và ngầm khơi dậy lòng trung nghĩa của người Hán chống lại Mãn Thanh. Một số trung thần triều Minh không chấp nhận sự đô hộ của ngoại tộc, phần lớn rời bỏ Trung Quốc ly hương đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Đàng Trong (Việt Nam) để sinh sống. Vì Quan Thánh là hình tượng bảo quốc an dân của người Hán, nên đi đâu họ cũng mang theo tín ngưỡng này; do vậy mà tục thờ Ông được du nhập vào Đàng Trong theo những người Minh Hương...

Ở Đàng Trong, hai khu vực quan trọng nhất là: Thuận Hóa,

trung tâm chính trị của chúa Nguyễn, là thủ phủ của Đàng Trong, do chính chúa Nguyễn cư ngụ và điều hành; và Quảng Nam, trung tâm kinh tế thương mại, do chính thế tử của chúa Nguyễn được ủy quyền điều hành. Do vậy, sự buôn bán và định cư của người Minh chủ yếu ở Thuận – Quảng, mà hai thương cảng nổi tiếng nhất là Hội An (Quảng Nam) và Thanh Hà (Thuận Hóa) đã hình thành nên những phố Hoa kiều, được mệnh danh là *Đại Minh khách phố*...

II. NHỮNG PHỐ HOA KIỀU ĐẦU TIÊN Ở ĐÀNG TRONG

1. Về *Đại Minh khách phố* ở Hội An

Thương cảng cổ Hội An, tên chính thức là *Đại Chiêm hải khẩu* (cửa biển của nước Đại Chiêm, nay thường được gọi tắt là Cửa Đại) ra đời vào lúc nào, ở đây tôi không đặt vấn đề, mà chỉ muốn nói đến thời điểm ra đời phố người Tàu, vì có liên quan đến sự du nhập tín ngưỡng thờ Quan Thánh.

Cristoforo Borri (1583-1632), một giáo sĩ Ý đến Đàng Trong năm 1618 cho biết: *Người Tàu và người Nhật là những người làm thương mại chính yếu ở xứ Đàng Trong tại một chợ phiên họp hàng năm ở một hải cảng và kéo dài tới chừng bốn tháng*,⁽³⁾ và *Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận tiện để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán như chúng ta đã nói. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một phố người Tàu và một phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị*

(3) Cristophoro Borri (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích), *Xứ Đàng Trong Năm 1621*. Nxb Tổng Hợp Tp.HCM, 2014, tr. 89-90.

riêng, và số theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu và người Nhật cũng vậy.⁽⁴⁾

Về niên đại thành lập phố người Tàu ở Hội An, giáo sư Chen Ching Ho (Trần Kinh Hòa), trong một khảo cứu,⁽⁵⁾ đã dựa vào lời kể trên của Cristoforo Borri, để cho rằng thời điểm vị chúa Đàng Trong lúc đó (Nguyễn Phúc Nguyên) nổi ngôi cha là năm 1613, và thời điểm Borri đến Hội An là 1618, để cho rằng phố này ra đời khoảng những năm 1613-1618. Tuy nhiên, khi viết thêm bài *Mấy Điều Nhận Xét Về Minh Hương Xã Và Các Cổ Tích Tại Hội An*,⁽⁶⁾ giáo sư lại nhắc đến niên đại ra đời của phố người Tàu đã nói, và cho rằng vì tôi thấy những chứng cứ chưa được vững, nên tôi xin bỏ thuyết đó.

Thật ra, đây là một suy luận hoàn toàn hợp lý với đầy đủ bằng chứng sử học; nhưng giáo sư chưa xét đến việc Nguyễn Phúc Nguyên vào trấn thủ Quảng Nam là do vua Lê trao ấn soái trấn thủ Quảng Nam ngay từ năm 1601, và đã có thực quyền với vùng đất này ⁽⁷⁾ chứ không phải đợi đến năm 1613 nổi ngôi tổng trấn Thuận – Quảng của cha (là Nguyễn Hoàng) thì mới có thực quyền ở đây.

(4) Cristophoro Borri, *sách đã dẫn*, tr. 92.

(5) 陳荆和, “十七, 八世紀之會安唐人街及其商業”, 新亞學報, 第三卷, 第一期, 香港, 1960, tr. 281.

(6) Chen Ching Ho, “Mấy Điều Nhận Xét Về Minh Hương Xã Và Các Cổ Tích Tại Hội An”, *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, số 1 năm 1960 và số 3 năm 1962.

(7) Xin xem thêm: Nguyễn Anh Huy, “Trấn Thủ Quảng Nam – Công Đánh Nhà Mạc Của Nguyễn Phúc Nguyên”, *Nghiên Cứu Lịch Sử Xứ Quảng*, số 9, tháng 4-2017, tr. 44-48.



Bức sắc phong Quan Thánh năm 1653 tại chùa Ông (Hội An).

Tượng Thánh bằng bạch ngọc ở Quan Công Từ, chùa Hà Trung.

Bức hoành Trung Nghĩa Chi Tắc do chúa Nguyễn Phúc Chu ngự đề ở Quan Công Từ, bên trái chùa Thiên Mụ.



Cổng chùa Ông ở Thanh Hà (Huế).

Ảnh:
Nguyễn Anh Huy

Bởi, chúng ta được biết thêm: *Nhâm Dần, năm thứ bốn mươi lăm [1602]... Quảng Nam đất tốt, dân đông... Chúa [Nguyễn Hoàng] thường để ý kinh dinh đất này, đến đây đi chơi núi Hải Vân... Liền vượt qua núi xem xét hình thế, dựng trấn dinh ở xã Cần Húc (thuộc huyện Duy Xuyên), xây kho tàng, chưa lương thực, sai hoàng tử thứ sáu trấn giữ...*⁽⁸⁾ Ở đây có thời điểm cần đính chính là sự việc Nguyễn Hoàng vượt Hải Vân vào Quảng Nam, và sau đó sai Nguyễn Phúc Nguyên vào trấn thủ Quảng Nam, như trên đã nói, là vào năm 1601 chứ không phải 1602 như sử ghi.⁽⁹⁾ Tuy nhiên, nội dung ghi chép này cho thấy việc *kinh dinh đất này* đã/mới bắt đầu từ năm 1601, chứ trước đó chưa từng có việc *kinh dinh đất này*.

Cách đây khoảng ba mươi năm, lúc tôi còn là sinh viên y khoa, đã say mê tìm hiểu Hội An, tình cờ thấy một ngôi nhà cổ ở Hội An có bức hoành ghi niên hiệu 慶長 Khánh Trường (1596-1611) năm thứ mười một (1606).⁽¹⁰⁾ Ngoài ra, ngôi nhà (số 20, đường Trần Phú, Hội An) từ đường họ Lâm còn bức hoành ghi niên đại là 大明天啓辛酉年吉日 Đại Minh Thiên Khải Tân Dậu niên cát nhật, tức năm 1621. Mặt khác, cho đến nay, chúng ta chưa thấy bất kỳ kiến trúc hay bi ký, chuông vạc đỉnh nào ở đây ⁽¹¹⁾ có niên đại trước năm 1601.

⁽⁸⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Tổ biên dịch Viện Sử Học dịch), *Đại Nam Thực Lục*, Tập 1, Nxb Giáo Dục, 2004, tr. 35-36.

⁽⁹⁾ Xin xem lại bài: Nguyễn Anh Huy, “Trấn Thủ Quảng Nam – Công Đánh Nhà Mạc Của Nguyễn Phúc Nguyên”, *bài đã dẫn*.

⁽¹⁰⁾ Những năm gần đây, tôi hay vào Hội An tìm hiểu, nhiều lần cố gắng tìm lại ngôi nhà có bức hoành này nhưng tìm chưa ra.

⁽¹¹⁾ Ở đây, chúng tôi muốn nói là các di tích cố định ở Hội An có

Những chứng cứ và suy luận của tôi đã trình bày, bổ túc thêm cho cách đặt vấn đề của giáo sư Chen Ching Ho, để có thể kết luận, phổ người Tàu và phổ người Nhật ở Hội An có lẽ ra đời trong khoảng từ năm 1601 là thời điểm Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Nguyên vào kinh dinh Quảng Nam đến 1618 là năm Borri đến đây.

Do thương cảng Hội An được thành lập trước năm 1662, nên Hoa kiều ở đó xưng là *Đại Minh khách phố*, mà mãi đến năm 1695, Thích Đại Sán đến Hội An thì thấy *chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều* [nhà Minh].⁽¹²⁾

2. Về Đại Minh khách phố ở Thuận Hóa

Về sự ra đời của phố cảng Thanh Hà ở Thuận Hóa, năm 1943, học giả Đào Duy Anh cho biết: *Le dépouillement des archives communales nous a permis de découvrir la copie d'une requête datée de la 7^e année de la période Bảo Thái des Lê (1726) où on peut lire le passage suivant: “Le seigneur Thượng Vương, après avoir fixé la capitale à Kim Long, a octroyé par ordonnance à nos ancêtres un terrain situé dans le village de Thanh Hà, et empiétant sur le domaine du village de*

niên đại trước năm 1601, chứ không nói đến việc tìm thấy tiền tệ, gốm sứ... ra đời trước năm 1601. Bởi các di vật tiền tệ (như tiền Ngũ Thù được tìm thấy tại Hội An chẳng hạn), gốm sứ này tuy có thể có niên đại trước năm 1601, nhưng vẫn có thể lưu hành đến Hội An sau năm 1601.

⁽¹²⁾ Thích Đại Sán (Hải Tiên Nguyễn Duy Bật và Nguyễn Phương dịch; Nguyễn Thanh Tùng hiệu chú, giới thiệu), *Hải Ngoại Ký Sự*, Nxb Đại Học Sư Phạm, 2016, tr. 219.

Địa Linh, pour établir un quartier de commerce”...⁽¹³⁾ Điều phát hiện này của Đào Duy Anh cho thấy vùng đất Thanh Hà – Minh Hương ở Thừa Thiên – Huế, thật sự phát triển thành thương cảng sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan di dời thủ phủ Đàng Trong từ Phước Yên đến Kim Long vào tháng 12-1635, mà giáo sư Chen Ching Ho (Trần Kinh Hòa) cũng dựa vào đó để cho rằng thương cảng cổ này ra đời *có lẽ là năm 1636*.⁽¹⁴⁾

Do thương cảng Thanh Hà (Thuận Hóa) được thành lập trước năm 1662, nên Hoa kiều ở đó cũng gọi phố này là *Đại Minh khách phố*, mà mãi đến năm 1695, Thích Đại Sán đến Thuận Hóa vẫn còn nghe: *Vừa rồi xưng Trung Hoa làm Đại Minh, người ấy chỉ biết tiên triều, cũng như các phụ lão ở Đào*

⁽¹³⁾ Đào Duy Anh, “Phố Lữ, première colonie Chinoise du Thừa Thiên”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, XXXe Année, No 3, Juin-Septembre, 1943, p. 250. Nghĩa là: Việc sưu tầm và nghiên cứu các văn bản làng xã cho phép phát hiện bản sao một tờ đơn năm 1726 với nội dung: *Thượng Vương sau khi định vị thủ phủ ở Kim Long, đã ra văn bản cấp cho tổ tiên chúng tôi một vùng đất ở làng Thanh Hà, có ăn qua địa phận làng Địa Linh để làm khu vực buôn bán*.

⁽¹⁴⁾ Trần Kinh Hòa, “Làng Minh Hương Và Phố Thanh Hà Thuộc Tỉnh Thừa Thiên”, *Đại Học*, tạp chí nghiên cứu Viện Đại Học Huế, số 3, năm thứ IV, tháng 7-1961, tr. 101. Nhiều nhà nghiên cứu sau này khẳng định rằng thương cảng Thanh Hà (Huế) ra đời chính xác vào năm 1636, nhưng không trình bày được một chứng cứ cụ thể nào về niên đại 1636, nên cũng chỉ dựa vào suy luận phỏng đoán về mặt thời gian từ một bản sao tờ đơn kể lại câu chuyện gần một trăm năm về trước này của giáo sư Trần Kinh Hòa, như vậy là thiếu chính xác về phương pháp luận sử học.

Nguyên, chỉ biết có nhà Tần vậy.⁽¹⁵⁾

Và danh xưng này vẫn còn được ghi trong các bản đồ cổ... Trong *Giáp Ngọ Niên Bình Nam Đồ* do Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774 để chuẩn bị tiến đánh Phú Xuân, ở khu vực cảng Thanh Hà trên bản đồ này có ghi địa danh 大明 廟 Đại Minh phố.⁽¹⁶⁾ Còn trong *Quảng Thuận Đạo Sử Tập* do Nguyễn Huy Quính viết và vẽ năm 1785, có bản đồ Phú Xuân cũng có ghi địa danh là *Phố Khách*,⁽¹⁷⁾ tức là một cách gọi tắt *Đại Minh khách phố*.

III. VỀ NHỮNG ĐỀN THỜ QUAN THÁNH Ở THUẬN QUẢNG

1. Những đền thờ do Hoa kiều xây dựng

Ở đây, tôi muốn giới thiệu các ngôi từ miếu thờ Quan Thánh ở các thương cảng cổ dọc miền Trung Việt Nam, mà chủ yếu là ở thương cảng cổ Hội An (Quảng Nam) và thương cảng cổ Thanh Hà (Thuận Hóa) thời các chúa Nguyễn.

Ở cảng Thu Xà (thuộc xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) cũng có chùa Ông tên là 明鄉關聖寺 *Minh Hương Quan Thánh Tự*, với câu đối ở cổng là *Vạn cổ tinh*

⁽¹⁵⁾ Thích Đại Sán, *sách đã dẫn*, tr. 148.

⁽¹⁶⁾ Nguyên văn viết là 大明廟 *Đại Minh khố* (kho tên “Đại Minh”), là một tên rất lạ. Có lẽ nguyên gốc của địa danh này là 大明 廟 *Đại Minh phố*, tức *Đại Minh khách phố*, chữ 廟 ở đây âm /bô/ viết theo kiểu của người miền Bắc gồm chữ *Phủ* 甫 trong bộ *Nghiễm* 廌, nên rất dễ nhầm với chữ *Khố* 庫, rồi người đời sau khi sao vẽ lại bản đồ này, đã sao nhầm chữ *Phố* 廟 thành chữ *Khố* 庫 nên mới có địa danh lạ như vậy.

⁽¹⁷⁾ Nguyễn Huy Quính, *Quảng Thuận Đạo Sử Tập*, Nxb Đại Học Vinh, 2018, tr. 79, địa điểm được đánh số 35.

trung chiếu nhật nguyệt / Thiên thu nghĩa dũng trấn sơn hà;
tôi cũng đã đến nơi tìm hiểu, chùa được khởi xướng quyền
góp tiền từ năm Thái Đức thứ nhất (1778) mà mãi đến năm
1821 mới xây dựng (lưu ý chữ “Minh hương” trên cổng chùa
viết là 明鄉 *Minh hương* chứ không phải viết là 明香 *Minh
hương*), tức xây dựng muộn, nên tôi không đi sâu mô tả và
liệt kê ở đây.

1.1. Về ngôi Chùa Ông ở Hội An

Sử triều Nguyễn cho biết: *Đền Quan Công: Ở phố Hội An, do người Minh Hương lập, quy chế tráng lệ. Năm Minh Mạng thứ 5 (1821), ngự giá vào Nam, có đến thăm đền, ban cho 300 lượng bạc.*⁽¹⁸⁾

Tôi đã đến chùa Ông này rất nhiều lần, ngay cổng là bức hoành có ghi tên 澄漢宮 Trùng Hán Cung, với niên đại là 龍飛歲次壬午 *Long phi tuế thứ Nhâm Ngọ*.

Về giai từ 龍飛 *Long phi*,⁽¹⁹⁾ ta gặp ở các di tích của người Minh (Trung Quốc) lánh nạn Mãn Thanh sang Việt Nam, như các mộ Hoa kiều ở Hội An chỉ dùng giai từ “Long phi” phối hợp với thiên vận can chi là “Long phi Bính Tý” (1696), hoặc

⁽¹⁸⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Hoàng Văn Lâu dịch), *Đại Nam Nhất Thống Chí*. Nxb Lao Động, 2012, Tập 1, tr. 356.

⁽¹⁹⁾ Thiệu Chử, *Hán Việt Tự Điển*. Nxb Văn Hóa - Thông Tin, 2002, tr. 731, giải thích: *Long: ... Lại dùng để ví với ông vua, cho nên vua lên ngôi vua gọi là long phi*. Nhưng thực tế, các năm “Long phi” được dùng trên các di tích chúng tôi chứng kiến được, không phải năm “Long phi” nào cũng trùng với việc vua lên ngôi, do vậy, không thể gán ghép với việc năm có giai từ “Long phi” chính là năm một vị vua nào đó lên ngôi được.

“Long phi tuế thứ Giáp Tuất” (1694).⁽²⁰⁾ Do tại Đại Việt thời ấy, ở Đàng Trong dùng chính sóc không rõ ràng, chỗ thì dùng niên hiệu vua Lê, chỗ thì dùng thiên vận can chi, không thống nhất. Nếu ở Trung Quốc còn triều Đại Minh (1368-1644), thì các thương khách Trung Quốc tại Đại Việt cũng chỉ sử dụng chính sóc triều Minh như từ đường họ Lâm đã nói, bức hoành có dùng quốc hiệu 大明天啓 *Đại Minh Thiên Khải*. Do vậy, cách sử dụng giai từ “Long phi” phải sau khi nước Đại Minh bị mất hoàn toàn vào năm 1662. Mặt khác, tại Việt Nam, sau khi Nguyễn Vương Phúc Ánh nhất thống từ Gia Định đến Thăng Long để đặt niên hiệu Gia Long, thì các cơ sở của người Hoa cũng bắt đầu dùng chính sóc của vua Nguyễn. Do vậy, cách sử dụng giai từ “Long phi” phối hợp với can chi chỉ xảy ra trong khoảng 1662-1802; và như thế thì “Long phi tuế thứ Nhâm Ngọ” chỉ là năm 1702 hoặc 1762 mà thôi.

Tuy trên bức hoành *Trùng Hán Cung* có ghi tên người làm, nhưng cho đến nay, chúng tôi chưa khảo được thời gian những người này sống ở Hội An, do vậy, niên đại “Long phi tuế thứ Nhâm Ngọ” vẫn chưa xác định được là năm 1702 hay 1762.

Bước vào cổng chính của chùa Ông này, ta thấy ngay một bức sắc phong bằng gỗ có ghi:

敕封: 三界伏魔大帝, 神威遠震天尊.

慶德癸巳年, 季冬, 穀旦書, 明香, 員官各職全社立.

⁽²⁰⁾ Chen Ching Ho, “Một Điều Nhận Xét Về Minh Hương Xã Và Các Cổ Tích Tại Hội An”, *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, số 1 năm 1960, tr. 25-26.

Sắc phong: Tam Giới Phục Ma Đại Đế, Thần Uy Viễn Chấn Thiên Tôn.

Khánh Đức Quý Tỳ niên, quý đông, cốc đán thư. Minh Hương, viên quan các chức toàn xã lập.

Đây là một dấu tích quý giá vô ngần, là chứng cứ xưa nhất của ngôi chùa này, ẩn chứa nhiều ý nghĩa lịch sử:

Thứ nhất, hai chữ 明香 *Minh Hương*, còn giữ đúng gốc chữ của những người thờ hương hỏa cho triều Minh, chứ chưa đổi thành 明鄉 *Minh Hương* (nghĩa là làng xã của người Minh) là cách viết theo quy định của triều Nguyễn (1802-1945) sau này.

Thứ hai, quan trọng hơn nữa là cách sử dụng niên hiệu Khánh Đức (1649-1653) của vua Lê Thần Tông. Khánh Đức Quý Tỳ chính xác là năm 1653. Và điều làm tôi thú vị nhất chính là bức sắc phong này: Vì sao ở đây dùng niên hiệu vua Lê? Rõ ràng đây phải là do vị vua nước Việt thời ấy sắc phong nên mới dùng niên hiệu Việt Nam. Vậy vị vua ấy là ai? Không thể là vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài được, vì Nam Bắc phân tranh từ 1627 đến 1672, ở Đàng Trong không thể nào dám nhận sắc phong của Đàng Ngoài được. Tìm hiểu sự độc lập đất nước của chúa Nguyễn, ta biết ngay từ năm 1632, chúa Nguyễn Phúc Nguyên gửi thư cho Nhật Bản, đã tự xưng người viết thư là *An Nam Quốc Vương*,⁽²¹⁾ rồi năm 1678, chúa

Hiền (Nguyễn Phúc Tần) đã từng xưng là *Quốc Chủ Đại Sĩ*.⁽²²⁾ Điều này cho thấy, mặc dù dùng chính sóc của vua Lê ở Đàng Trong, nhưng thực tế, các chúa Nguyễn đã ly khai Đàng Trong độc lập như một vương quốc riêng, chỉ vì chưa hoàn chỉnh sự chính thống nên tạm thời dùng chính sóc vua Lê vậy thôi. Do vậy, sắc thư nói trên, rõ ràng là do chúa Nguyễn phong, tức chính là chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) sắc phong, không còn hoài nghi gì nữa. Và điều này, cho thấy các chúa Nguyễn không những quan tâm đến phát triển kinh tế hàng hóa, mà còn rất quan tâm đến cuộc sống tâm linh và ước vọng của Hoa kiều.

Trong chùa Ông ở Hội An hiện nay, còn nhiều di tích, nhưng tôi chỉ điểm một số sự kiện thời chúa Nguyễn:

- Ở bức tường bên trái tiền điện chùa có văn bia niên đại 龍飛歲次癸酉 *Long phi tuế thứ Quý Dậu* tức năm 1753, vì nội dung có viết: 關聖帝廟觀音佛寺本鄉鼎建百有餘年矣 *Quan Thánh Đế Miếu Quan Âm Phật Tự bốn hương đình kiến bách hữu dư niên hỹ*, nghĩa là: *Miếu Quan Thánh, chùa Quan Âm của làng ta được dựng hơn trăm năm rồi*. Điều này hoàn toàn hợp lý, vì chúa Nguyễn đã sắc phong tại đây vào năm 1653, thì năm Quý Dậu 1753 là vừa tròn trăm năm như tấm bia viết. Và có thể đây chính là tấm bia ghi chép lễ trùng tu chùa nhân dịp chùa tròn trăm năm.

⁽²¹⁾ Kawamoto Kuniye, “Nhận Thức Quốc Tế Của Chúa Nguyễn Ở Quảng Nam Căn Cứ Theo Ngoại Phiên Thông Thư”, *Đô Thị Cổ Hội An*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1991, tr. 177.

⁽²²⁾ Trần Đại Vinh, *Văn Bia & Văn Chuông Hán Nôm Dân Gian Thừa Thiên – Huế*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 2006, tr. 19. “Đại Sĩ” là một thuật ngữ Phật Giáo, “Tiếng gọi chung Bồ Tát, hoặc để gọi Thanh Văn và Phật”. Xem: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, *Từ Điển Phật Học Hán Việt*. Nxb Khoa Học Xã hội, 2012, tr. 362.

- Năm 1695, Thích Đại Sán từng đến Hội An, cũng có ghé thăm chùa Ông và kể lại: ... *Phía hữu chùa [Di Đà], có miếu Quan Phu Tử thờ tự rất huy hoàng... Viên Hội Chủ xin một bài chúc văn để đọc khi có cúng tế, bèn cầm bút viết cho một bài như sau:*

Chúc văn:

Nền thánh nên thần; hay văn hay vũ.

Đọc sách thông đại nghĩa, mắt từng xem một bộ kinh Lân; báo quốc tỏ tình trung, lòng ôm giận ba phần chân vạc.

Lòng chỉ có Hán, Thọ Đình Hầu há chịu tước Tào Man; mắt đã không Ngô, Kinh Châu hội xem thường mưu Tử Kính.

Thâu đêm cầm đuốc; treo ấn từ vàng. Nhất sinh giữ vẹn lòng trung; muôn thuở vẻ vang hiền thánh.

Anh hùng từ xưa, xưng vương xưng đế, chưa ai xưng Phu Tử bao giờ; hào kiệt thiên hạ, khen thẳng khen ngay, được khen tiếng thánh hiền mấy kẻ.

Cao nhân liệt sĩ, nghĩa khí ngạo vương hầu, nhưng thấy Mỹ Nhiêm Công, thấy đều thờ lạy; hiếu tử nghĩa phu, tôn thờ trong một xứ, nay sùng bái khắp thiên hạ, đâu cũng cảm thông.

Xứ xứ phụng thờ; năm năm tế tự.

Chúng tôi:

Gặp ngày Thánh đản, ngày mười ba tháng Năm, năm nay; dâng lễ điện tiền, hơn hai trăm sáu mươi đồng chí.

Tôn thần thượng hưởng; Thánh đức phò trì.

Phục nguyện:

Sông trong biển lặng, mọi người đều hưởng phúc thái bình; nhà nhà đủ no, trăm họ thấy mang ơn bảo hộ.

Cẩn cáo.⁽²³⁾

- Khi quân Trịnh chiếm được Thuận Hóa năm 1775 và hành binh vào Quảng Nam, Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm, Tiến Sĩ Uông Sĩ Dư, Tiến Sĩ Nguyễn Lệnh Tân có đề thơ ở chùa Ông nay vẫn còn lưu bức gỗ khắc các bài thơ và treo ở tiền điện của chùa Ông này.

- Sau loạn Tây Sơn, năm 1778, thương gia người Anh là Chapman cho biết: *Chúng tôi đến Hội Phố, nhà cửa gạch ngói san sát cùng đường lát đá ngày xưa là đô hội, nay chỉ còn thấy một sự đổ nát mà không thể ngăn được kinh dị. Nhà cửa này còn lại một ít tường bao quanh mà thôi, và đằng sau những bức tường ấy, ngày trước là lầu quỳnh, gác ngọc của các chủ nhân, nay chỉ còn ẩn núp trong những lều trại phen tre lợp cỏ, nắng lọt sương lồng để che mưa đỡ gió.⁽²⁴⁾* Tuy chiến tranh tàn phá Hội An nặng nề như vậy, nhưng riêng đền Quan Công vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, văn bia niên đại 龍飛歲次癸卯 Long phi tuế thứ Quý Mão năm 1783 ở bức tường bên phải tiền điện chùa, có ghi lại: 沒竟羅兵革諸廟塌毀而公廟猶祀⁽²⁵⁾

⁽²³⁾ Thích Đại Sán, sách đã dẫn, tr. 224-225.

⁽²⁴⁾ Chapman, "Description d'un Voyage en Cochinchina", trong Malte Brun, *Annales des voyages de la géographie et de l'histoire*, Vol. 7, Paris, 1810, p. 13. Dẫn lại theo 陳荆和, *bài đã dẫn*, tr. 312.

⁽²⁵⁾ Theo nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh, chữ 祀 được ở đây là một chữ vô nghĩa, mà trong câu văn này phải là chữ 存 tồn hoặc chữ 在 tại thì mới có nghĩa. Tôi đã vào Hội An xem chữ này nhiều lần đúng là chữ được, nên để nguyên văn như vậy.

益見神明顯赫 *Một cánh la binh cách, chư miếu tháp hủy, nhi Công Miếu do được ích kiến thần minh hiển hách, nghĩa là: Sau cuộc binh loạn, các miếu chung quanh đều hư hại, chỉ có miếu thờ Ông vẫn như cũ, tỏ rõ thần oai hiển hách.*

Như vậy, dựa vào các sử liệu, các di vật di tích còn sót lại, ta có thể hiểu được sự hình thành và phát triển của chùa Ông ở Hội An như sau: Sau khi chúa Nguyễn Phúc Nguyên được vua Lê ban ấn tín vào trấn thủ Quảng Nam từ năm 1601, từ đó cho đến năm 1618, chúa đã cho người nước Đại Minh (Trung Quốc) thành lập khu phố Hoa kiều gọi là Đại Minh khách phố để cư ngụ và buôn bán. Ở đây, người Minh đã vận động xây dựng miếu thờ Quan Công. Nhân dịp khánh thành miếu này vào năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần đã sắc phong Quan Thánh danh hiệu *Tam Giới Phục Ma Đại Đế...* để thờ tự. Năm 1695, thiền sư Thích Đại Sán ở Quảng Đông vào Hội An, có làm bài chúc văn để tế Quan Thánh, nay còn được ghi chép trong *Hải Ngoại Ký Sự*. Năm 1753, nhân dịp chùa tròn trăm năm, dân làng quyên góp tiền trùng tu chùa và có bia ghi lại. Mặc dù trải qua chiến tranh tàn khốc giữa quân Trịnh và Tây Sơn năm 1775, gây Hội An điêu tàn đổ nát, nhưng do Quan Công là võ tướng thần uy, nên quân đội Tây Sơn không dám quấy phá gì đến chùa này, và nhờ vậy mà chùa còn khá nguyên kiến trúc cho đến hôm nay...

Và đây có lẽ là ngôi miếu thờ Quan Thánh đầu tiên tại Việt Nam còn ghi niên đại rõ ràng.

1.2. Về ngôi chùa Ông ở Thanh Hà (Thuận Hóa)

Tài liệu xa xưa nhất có nhắc đến chùa này chính là trong bản đồ quân Trịnh vẽ năm 1785 có ghi địa danh là 關聖廟

Quan Thánh Miếu.⁽²⁶⁾

Sử triều Nguyễn chỉ chép đơn giản: *Đền Quan Công: Ở xã Địa Linh. Năm Minh Mạng thứ mười hai (1831), trùng tu, vua ban cho tấm biển đồng. Năm Tự Đức thứ ba (1850), ban cho tấm biển gỗ thiếp vàng.*⁽²⁷⁾

Tuy nhiên, nếu đến khảo sát trực tiếp tại di tích này, ta sẽ được biết lịch sử xa xưa hơn. Và tôi đã có một bài khảo luận sâu riêng về chùa này,⁽²⁸⁾ ở đây, tôi chỉ xin tóm tắt kết quả tìm hiểu của tôi:

Qua khỏi cổng của khu phố cổ Bao Vinh (Huế) là đường Địa Linh; đi tiếp khoảng 500 mét, ở sát bờ sông Hương có cổng cổ ghi 關聖廟 *Quan Thánh Miếu*, cùng câu đối:

直將忠義師千古 Trục tương trung nghĩa sư thiên cổ,
無論英雄敵萬人 Vô luận anh hùng địch vạn nhân.

- Phía trước điện thờ, có đỉnh sắt ghi: 廣東廣州府宜義沐恩眾信弟子黎日光洪奕鼎崔淑衡伍協和羅春仁伍卿垣吳恒豐吳連祥虔具龍亭一座重築佰觔敬在觀音娘娘關聖帝君殿前永遠供奉乾隆四十五年歲次庚子孟春吉旦立隆盛爐造.

Quảng Đông Quảng Châu phủ Nghi Nghĩa mộc ân chúng tín đệ tử Lê Nhật Quang, Hồng Dịch Đỉnh, Thôi Thực Hành, Ngũ Hiệp Hòa, La Xuân Nhân, Ngũ Khanh Viên, Ngô Hằng Phong,

⁽²⁶⁾ Nguyễn Huy Quýnh, *sách đã dẫn*, tr. 79, địa điểm được đánh số 34.

⁽²⁷⁾ *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 1, *sách đã dẫn*, tr. 131.

⁽²⁸⁾ Xin xem thêm: Nguyễn Anh Huy, “Về Ngôi Chùa Ông Ở Thương Cảng Cổ Thanh Hà (Huế)”, *Đạo Uyển Thu 2018*, Tập 27. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 77-99.

Ngô Liên Tường kiền cụ long đình nhất tọa trọng thất bách cân kính tại Quan Âm Nương Nương, Quan Thánh Đế Quân điện tiền, vĩnh viễn cung phụng. Càn Long tứ thập ngũ niên tuế thứ Canh Tý mạnh xuân cát đán lập, Long Thịnh lô tạo.

Nghĩa là:

Các đệ tử đội ơn [Quan Thánh] ở Nghi Nghĩa, phủ Quảng Châu, Quảng Đông là Lê Nhật Quang, Hồng Dịch Đình, Thôi Thực Hành, Ngũ Hiệp Hòa, La Xuân Nhân, Ngũ Khanh Viên, Ngô Hằng Phong, Ngô Liên Tường kính dâng vĩnh viễn một bảo đỉnh nặng bảy trăm cân làm tại lò Long Thịnh vào ngày tốt tháng Giêng năm Canh Tý, Càn Long thứ 45 (1780), đặt tại tiền điện của Quan Âm Nương Nương và Quan Thánh Đế Quân.

Năm 1946, chiến tranh Pháp - Việt nổ ra, do chính sách tiêu thổ kháng chiến, chùa này đã bị phá làm đồn bót quân đội, kiến trúc ngôi điện cũ nay chỉ còn lại hai bức tường. Năm 1964 dân làng đã góp tiền để xây lại ngôi điện mới nhỏ hơn ở trước ngôi điện cũ.

Tuy nhiên, trong chính điện, hiện còn một câu đối cổ rất đáng lưu ý về niên đại Long phi Kỷ Ty:

義氣壯山河全賴聖恩普照 Nghĩa khí tráng sơn hà toàn lại thánh ân phổ chiếu,

精忠同日月深荷帝力回春 Tinh trung đồng nhật nguyệt, thâm hạ đế lực hồi xuân.

龍飛己巳年, 沐恩第子石彩記敬奉 Long phi Kỷ Ty niên, mộc ân đệ tử Thạch Thái Ký kính phụng.

Về giai từ “Long phi”, đã giải thích từ trước, và trong bài

viết đã giới thiệu, tôi đã chứng minh Long phi Kỷ Ty ở đây chính là năm 1689, trùng hợp với việc chúa Nguyễn [1687] Mùa hạ, tháng 4, phong sắc cho các vị linh thần trong cõi,⁽²⁹⁾ để Hoa kiều vận động quyền tiền xây dựng và rồi đến [Kỷ Ty], năm thứ 2 [1689]... Mùa hạ, tháng 5... gia phong các vị linh thần trong cõi,⁽³⁰⁾ thì có thể là thời điểm khánh thành ngôi đền này.

Và câu đối này là chứng cứ xưa nhất về niên đại của ngôi miếu nay hiện còn.

Điều khá lạ là, ...Năm Thái Đức thứ mười triều Tây Sơn (1787), dân xã Địa Linh lấy cớ phố buôn Thanh Hà ngăn trở cửa đền Quan Công của làng ấy, làm đơn nhờ triều đình Tây Sơn can thiệp. Nhà đương cuộc Tây Sơn, một mặt vì quyền lợi của các thương kiều, một mặt tôn trọng việc tôn giáo cấm kỵ của dân xã Địa Linh, xử giao trả đất vùng ấy cho xã Địa Linh...⁽³¹⁾ Đoạn vừa trích dẫn này cho thấy phía trước cổng 關聖廟 Quan Thánh Miếu sát bờ sông Hương hiện nay, phải có một con đường khác bên ngoài cổng miếu, mà nay không còn nữa. Ta được biết làng Minh Hương - Thanh Hà ở Thuận Hóa còn có tên là *Phố Lở*, nghĩa là khu phố bị sông Hương xâm thực lần lần... làm con đường phía trước miếu Quan Thánh, con đường mà thương gia người Pháp Pièrre Poivre đã từng đến đây năm 1744 và năm 1749 mô tả là đường được lát gạch hai bên có hai dãy nhà ngói của khu phố người

(29) Đại Nam Thực Lục, Tập 1, sách đã dẫn, tr. 96.

(30) Đại Nam Thực Lục, Tập 1, sách đã dẫn, tr. 101.

(31) Trần Kinh Hòa, “Làng Minh Hương Và Phố Thanh Hà Thuộc Tỉnh Thừa Thiên”, bài đã dẫn, tr. 102.

Tàu, nay đã bị mất đi; mà khoảng giữa thế kỷ XX, người ta mới làm con đường Địa Linh mới phía trong cổng miếu như ngày nay.

Tóm lại, sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan dời thủ phủ từ Phước Yên vào Kim Long vào tháng 12-1635, thì thương cảng cổ Thanh Hà ở Thuận Hóa có lẽ hình thành vào năm 1636 và từ đó hình thành khu Hoa kiều đô hội ở đây cũng với tên *Đại Minh khách phố*. Năm 1687, chúa Nguyễn sắc phong các vị thần. Có thể vào thời điểm này, các Hoa kiều đã vận động quyền góp để xây đền thờ Quan Thánh; và để đánh dấu sự ổn định khu Hoa kiều ở Thanh Hà (Thuận Hóa), năm 1689, họ đã xây ranh giới phía bắc khu này là Thiên Hậu Cung⁽³²⁾ và phía nam là Quan Thánh Miếu để hàng năm cúng

⁽³²⁾ Hiện tại ở Thiên Hậu Cung (ở làng Minh Hương, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế) có tấm bia bằng đá mới khắc bằng tiếng Việt để giới thiệu cung này *xây dựng đầu tiên vào năm 1685 về triều Lê năm Chánh Hòa thứ sáu Ất Sửu...* Tôi cho rằng việc khắc tấm bia khẳng định năm xây dựng là 1685 này sẽ gây sai lệch về lịch sử, nên gỡ bỏ, vì không có một chứng cứ cụ thể nào về mặt niên đại xây dựng Thiên Hậu Cung chính xác vào năm 1685. Xét ra, trong bài của giáo sư Trần Kinh Hòa đã giới thiệu, cho biết các văn bản có liên quan đến Thiên Hậu Cung chỉ còn duy nhất một tờ đơn trình quan vào năm Minh Mạng thứ mười sáu (1835) có ghi: *Nguyên các Hoa thương dân cung Thiên Hậu trên địa phận bản xã, trải qua 150 năm nay*. Người ta đã dựa vào năm của tờ đơn (1835) để tính lui 150 năm, tức năm 1685, lấy làm năm xây dựng Thiên Hậu Cung. Về con số 150 năm trong tờ đơn, chỉ là một cách nói ước lệ, sai số có thể hơn kém mười năm, cho nên, năm 1685 chỉ là một phỏng đoán và nên viết là “Thiên Hậu Cung có lẽ xây dựng vào khoảng những năm 1685”, chứ không thể khẳng định chính xác là *xây dựng vào năm 1685*

tế theo những tín ngưỡng của người Hoa.

2. Việc thờ Quan Thánh của chúa Nguyễn

Về phần Quan Công, theo truyền thuyết trong *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, tuy thân đã chết, nhưng linh hồn anh liệt vẫn không tan... Quan Công bèn thưa với thiền sư Phổ Tịnh rằng: *... nay bị họa, thân đã thác rồi xin thiền sư ban lời thanh hối, chỉ dẫn cho thoát qua nẻo tối đường mê*. Thiền sư Phổ Tịnh nói: *Xưa trái, nay phải, chẳng luận làm gì. Nhân trước quả sau không sai một mảy. Nay tướng quân bị Lã Mông hại mà lớn tiếng kêu “Trả đầu ta đây!”*, thế thì đầu Nhan Lương, Văn Xú... và còn bao nhiêu cái đầu khác nữa... họ sẽ đòi ở ai? Thế là hồn Quan Công bừng tỉnh ngộ theo lý “sắc sắc không không”, bèn khấu đầu xin quy y, rồi biến mất. Về sau thỉnh thoảng lại hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, cứu hộ dân chúng...

Đối với người Trung Quốc thì hình tượng của ngài rất lớn, nên thường được lập đền thờ riêng gọi là 關聖廟 *Quan Thánh Miếu*, hoặc 關公廟 *Quan Công Miếu*,... mà người Việt gọi là chùa Ông.

Riêng người Việt đã hòa nhập tín ngưỡng của người Hoa, nên đã đưa thêm vào một án thờ Quan Thánh bên trái chùa

được. Dựa vào các chứng cứ sử học đã trình bày trên, tôi cho rằng, có lẽ Thiên Hậu Cung cũng được xây dựng vào năm 1689 cùng lượt với miếu Quan Thánh, vì hoàn toàn phù hợp với việc hai năm trước đó (1687) chúa Nguyễn Phúc Thái phong thần trong cõi thì người ta bắt đầu đặt vấn đề xây miếu thờ, để đến năm 1689 khi người ta đã xây nên Quan Thánh Miếu và Thiên Hậu Cung thì chúa Nguyễn lại tiếp tục gia phong các thần linh như sử đã ghi; mà từ năm 1689 đến năm 1835 là 146 năm cũng suýt soát 150 năm như tờ đơn ghi...

Phật gọi là 關公祠 *Quan Công Từ*...

2.1. Về 關公祠 *Quan Công Từ* ở chùa Hà Trung

Về chùa Hà Trung, tôi đã có một bài khảo luận riêng, ⁽³³⁾ ở đây, tôi chỉ tóm tắt những nội dung chính:

Chùa không rõ xây dựng từ lúc nào, nhưng năm 1695, Thích Đại Sán trên đường từ Thuận Hóa vào Hội An, cũng từng viếng chùa và kể lại: *Gần đứng bóng, đến chùa Hà Trung... Cơm chay xong, trở ra thuyền, kéo neo đi nữa. Đoái nhìn chùa son điện ngọc, lấp lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man mác, trập trùng bóng dương, phẳng phất chốn Bồng Lai lãng uyển...*

*Miếu đền vua chúa nơi u tịch,
Muôn thuở linh quang chiếu biển đông...*⁽³⁴⁾

Lê Quý Đôn là người đương thời đó cho biết: *Trấn Thuận Hóa có chùa công Thuận An, chùa công Kim Long, chùa công Hà Trung, chùa công Quang Xuân, chùa công Thiên Mục, đều là đại danh lam, chùa nào cũng đặt tăng lục...*⁽³⁵⁾

Mặt khác, theo bi ký *Đại Việt Quốc Vương sắc tứ Hà Trung tự Hoán Bích thiền sư tháp ký minh* do Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ viết và ban năm 1729 cho biết: *Gần đây, có thiền sư Hoán Bích, vào năm Ất Tỵ, ngài từ Trung Hoa đến... Đến thời*

đức thánh khảo ta trong triều trước, sư vâng mệnh trở về Quảng Đông thỉnh hòa thượng Trường Thọ Thạch Lão cùng tượng Phật, pháp khí về. Chuyển đi xuôi thuận, lập nhiều công tích. Từ đó vâng chỉ trú trì chùa Hà Trung...

Như vậy, chùa Hà Trung thuộc vào hàng *chùa công* ⁽³⁶⁾ nên được triều đình *đặt tăng lục*. Và rõ ràng sư Nguyên Thiều đến giữ chùa này thì như một vị quan phụ trách về tôn giáo, nên phải có sắc chỉ bổ nhiệm ⁽³⁷⁾ của Đại Việt Quốc Vương, vì vậy Thích Đại Sán gọi chùa Hà Trung là *miếu đền vua chúa* ⁽³⁸⁾ tức chùa này do quốc vương xây nên mang chức năng chùa ngự kiến.

Trải qua các cuộc chiến tranh giữa chúa Nguyễn và quân Tây Sơn, chùa đã bị san bằng từ cuối thế kỷ XVIII, đến cuối thế kỷ XX mới được xây lại. Di vật cổ xa xưa của ngôi chùa ngự kiến, nay còn bức tượng Phật Quan Âm bằng đá cao lớn hơn hai mét.

Trước mặt chùa Hà Trung hiện nay là đền Quan Công cũ từ xa xưa, do chiến tranh, cũng đã bị đổ nát nhưng vẫn còn biển tên là 關公祠 *Quan Công Từ*, và tượng Thánh bằng bạch ngọc từ xưa, nay vẫn còn.

Vì chùa Hà Trung thờ Phật, nhưng do sư trú trì, thiền sư

⁽³³⁾ Xin xem thêm: Nguyễn Anh Huy, “Chung Quanh Ngôi Chùa Công Hà Trung Ở Thuận Hóa”, *Đại Đạo Văn Uyển Tập Lợi*, số 19. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 107-132.

⁽³⁴⁾ Thích Đại Sán, *sách đã dẫn*, tr. 190-192.

⁽³⁵⁾ Lê Quý Đôn (Bản dịch & bổ chính: Trần Đại Vinh), *Phủ Biên Tạp Lục*. Nxb Đà Nẵng, 2015, tr. 95.

⁽³⁶⁾ Nguyên văn chữ Hán là 官寺 *quan tự*.

⁽³⁷⁾ Lời của Ninh Vương viết trong bia tháp sư Nguyên Thiều, nguyên văn chữ Hán là 奉旨住持河中寺 *phụng chỉ trú trì Hà Trung Tự*. Nội dung bi ký, xin xem: Thích Quang Định (dịch), “Đại Việt Quốc Vương Sắc Tứ Hà Trung Tự Hoán Bích Thiền Sư Tháp Ký Minh”, *Liễu Quán*, số 8, tháng 5-2016, tr. 26-32.

⁽³⁸⁾ Nguyên văn chữ Hán là 王家祠廟 *vuơng gia từ miếu*.

Nguyên Thiều, là người chính tông từ Trung Quốc qua Việt Nam, được chúa Nguyễn sai sang Trung Quốc mua tượng Phật và pháp khí, nên trong khuôn viên chùa lại có thêm Quan Công Từ cùng tượng Quan Thánh là điều dễ hiểu. Và có thể nói đây là ngôi chùa ngự kiến của chúa Nguyễn đầu tiên có thờ Quan Thánh.

2.2. Về ngôi chùa Ông ở đường Bạch Đằng, Huế

Về ngôi chùa Ông này, tôi cũng đã có một bài khảo luận riêng,⁽³⁹⁾ ở đây, tôi xin tóm tắt các vấn đề chính:

Đọc lại *Đại Nam Nhất Thống Chí*, ta được biết: *Đền Quan Công: Ở ấp Xuân Lập ngoài Kinh thành. Hồi quốc sơ làm ở phía tả chùa Thiên Mụ. Năm Thiệu Trị thứ năm (1845), dời đến đây, nóc chính và nóc tiền đều ba gian. Ngày Tỵ tháng Tám sai quan đến tế.*⁽⁴⁰⁾

Dòng sử này cho thấy, ban đầu đền thờ được xây dựng ở phía bên trái chùa Thiên Mụ, đến năm 1845, được dời về ở vị trí ở Số 114 đường Bạch Đằng, thành phố Huế.

Trên chính điện, có bức hoành bốn chữ 忠義之則 *Trung Nghĩa Chi Tắc*, nghĩa là *Tấm Gương Trung Nghĩa*. Ở lạc khoản, bên phải người đọc, có ghi niên đại là 甲午年孟夏月穀日 *Giáp Ngọ niên, Mạnh Hạ nguyệt, cốc nhật*, tức ngày tốt, tháng Tư (âm lịch), năm Giáp Ngọ. Người viết, được ghi ở lạc khoản bên trái là 國主天縱道人題 *Quốc Chủ Thiên Túng Đạo Nhân*

⁽³⁹⁾ Xin xem thêm: Nguyễn Anh Huy, “Về Địa Danh Chùa Ông Ở Huế”, *Đại Đạo Văn Uyển Tập Lợi*, số 11. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 109-121.

⁽⁴⁰⁾ *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 1, sách đã dẫn, tr. 55.

đề, tức là do Minh Vương Nguyễn Phúc Chu viết ban tặng năm 1714. Và có lẽ đây là đền “công lập”, do “nhà nước” (tức là triều đình) xây đầu tiên ở Việt Nam. *Trung Nghĩa Chi Tắc* ở chùa Ông hoàn toàn giống trên bức 靈鷲高峰 *Linh Thứu Cao Phong* ở chùa Thiên Mụ, cũng do Minh vương Nguyễn Phúc Chu viết cùng thời điểm, nên ta có thể nghĩ rằng sau khi chọn chùa Thiên Mụ làm “thánh địa” của Phật Giáo Đàng Trong, Minh Vương cho dựng thêm đền thờ Quan Công bên trái chùa và đền thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu phía bên phải chùa,⁽⁴¹⁾ rồi cùng ngày đến ngự đề các bức hoành phi này. Và đây là một mô hình chuẩn của chùa Huế thờ Phật ở giữa và hai bên có thờ nam tả (Quan Thánh) nữ hữu (Thánh Mẫu), có vai trò mang tính biểu tượng của trung tâm tôn giáo tín ngưỡng do triều đình chúa Nguyễn dựng nên.

Đầu thế kỷ XIX, cảng Thanh Hà suy tàn, khu Hoa kiều được dời lên phố Chợ Dinh (tức đường Chi Lăng, Huế, ngày nay). Việc cúng tế tại đền Quan Thánh ở Minh Hương - Thanh Hà có phần xa xôi khó khăn. Do vậy, vua Thiệu Trị đã cho dời đền Quan Công được chúa Nguyễn Phúc Chu xây từ năm 1714 từ chùa Thiên Mụ về bên cạnh quốc tự Diệu Đế để vừa biểu hiện khu vực này là trung tâm tôn giáo mới của nước Đại Nam, vừa thuận tiện cho Hoa kiều ở phố Chợ Dinh đến làm lễ:

⁽⁴¹⁾ *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 1, sách đã dẫn, tr. 55, còn cho biết: *Đền Thiên Phi: Ở phía hữu miếu Nam Hải Long Vương. Hồi quốc sơ ở phía hữu chùa Thiên Mụ, năm Thiệu Trị thứ năm (1845) dời đến đây. Quy chế y như đền Quan Công, dùng ngày Tỵ tháng Hai, tháng Tám và lựa ngày tốt tháng trọng hạ, trọng đông, Quán Vê Thủy Sư đến tế.* Tôi đã tìm đến đền này nhưng dấu xưa không còn.

*Đất Thần Kinh trai hiền, gái lịch
Non xanh nước biếc, điện ngọc, đền rồng
Tháp bảy tầng, Thánh miếu, chùa Ông
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa...*

IV. THAY LỜI KẾT LUẬN

Qua việc khảo sát các ngôi chùa Ông ở các thương cảng cổ dọc miền Trung Việt Nam thời chúa Nguyễn, gồm bốn ngôi, trong đó có hai ngôi chùa Ông do Hoa kiều xây dựng ở Hội An và Thuận Hóa, và hai ngôi do chúa Nguyễn xây dựng ở Thuận Hóa, ta nhận thấy:

1. Mặc dù các chúa Nguyễn xiển dương Phật Giáo, nhưng ngài vẫn quan tâm / tôn trọng, tiếp nhận tín ngưỡng của các dân tộc khác, với mục đích đoàn kết các thế lực, mà ở đây là Hoa kiều, một lực lượng rất lớn góp phần phát triển sự nghiệp của các chúa ở Đàng Trong, và biểu hiện ở đây là sự phong thần cho Quan Thánh của chúa Nguyễn ở các đền thờ của người Minh.

Rồi sau đó, các chúa Nguyễn đã biến tín ngưỡng của Hoa kiều thành tín ngưỡng người Việt mà đỉnh cao là việc xây dựng trung tâm tôn giáo ở Đàng Trong gồm có: chùa Thiên Mụ thờ Phật ở giữa, bên trái là Quan Công Từ thờ Quan Công (nam tả), bên phải là Thiên Phi Từ thờ Thánh Mẫu (nữ hữu). Và đây là mô hình chùa thờ Phật – Thánh chuẩn ở Huế bắt đầu có từ thời chúa Nguyễn Phúc Chu tồn tại cho đến ngày nay. Về tục thờ Quan Thánh từ triều Nguyễn (1802) trở đi đã được Việt hóa, tôi sẽ tiếp tục trình bày thêm trong một chuyên khảo khác.

2. Về ngôi chùa Ông do chúa Nguyễn xây dựng năm 1714:

Vì từ khi phong trào chấn hưng Phật Giáo rộ ra vào đầu thế kỷ XX, ngôi chùa Ông đã trở thành nơi sinh hoạt của Phật tử khuôn hội Thuận Hóa nên đã đổi tên thành *chùa Thuận Hóa* để thờ thêm Phật Thích Ca Mâu Ni (*Sakyamuni*). Tuy vậy, hàng chục năm không có sư, không có sự tu bổ nên đã xuống cấp trầm trọng, qua nhiều đợt bão, các cột kèo của chùa đã gãy, và người ta đã lấy các hoành phi, câu đối cổ sơn son thếp vàng, cưa ra để bổ trợ các nơi hư hỏng, làm rui lợp mái ngói, thật đáng tiếc! Vì vậy tôi kính mong Giáo Hội Phật Giáo tỉnh Thừa Thiên – Huế quan tâm trùng tu một ngôi đền danh tiếng xứ Huế, và phục hồi đúng tên, đúng chức năng như xưa. Làm được như vậy, tức Việt hóa một tín ngưỡng của người Hán, nay thuộc một trong những dân tộc thiểu số của người Việt Nam chúng ta, và nhờ đó, sẽ làm rực rỡ thêm sắc màu cho văn hóa Huế.

3. Thương cảng cổ Thanh Hà, trải qua hàng trăm năm, bị xâm thực ở bờ sông Hương trở nên điêu tàn. Chính nhờ cổng *Quan Thánh Miếu* còn sót lại ở sát bờ sông Hương mà chúng ta biết rằng phía ngoài cổng còn có một con đường khác, một khu Đại Minh khách phố buôn bán tấp nập, nay đã mất dấu. Do vậy, tôi mong mỗi các cơ quan chức năng tổ chức khảo cổ học thám sát dưới nước khu vực Thanh Hà (Thuận Hóa) để tìm lại dấu tích của đô thị cổ này.⁽⁴²⁾

⁽⁴²⁾ Năm 1993, anh Trần Tiến Tâm ngụ cư ở Thanh Hà (Minh Hương, Thừa Thiên – Huế), trong công việc đồng áng đã đào được nhiều loại tiền bằng bạc của Tây phương cùng nhiều nén bạc thời chúa Nguyễn có đóng dấu chữ 春 *xuân*. Tôi có đến xem thấy phần lớn là tiền Hispan (Tây Ban Nha) và tiền của Công ty Đông Ấn – Hà Lan (VOC) những năm 1741. Gia đình chúng tôi có

TÀI LIỆU THAM KHẢO

陳荆和, “十七, 八世紀之會安唐人街及其商業”, 新亞學報, 第三卷, 第一期, 香港, 1960.

Chen Ching Ho, “Mấy Điều Nhận Xét Về Minh Hương Xã Và Các Cổ Tích Tại Hội An”, *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, số 1 năm 1960 và số 3 năm 1962.

Cristophoro Borri (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích), *Xứ Đàng Trong Năm 1621*. Nxb Tổng Hợp Tp.HCM, 2014.

Đào Duy Anh, “Phố Lở, première colonie Chinoise du Thừa Thiên”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, XXXe Année, No 3, Juin-Septembre, 1943.

Kawamoto Kuniye, “Nhận Thức Quốc Tế Của Chúa Nguyễn Ở Quảng Nam Căn Cứ Theo Ngoại Phiên Thông Thư”, *Đô Thị Cổ Hội An*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1991.

Lê Quý Đôn (Bản dịch & bổ chính: Trần Đại Vinh), *Phủ Biên Tạp Lục*. Nxb Đà Nẵng, 2015.

Nguyễn Anh Huy, “Về Địa Danh Chùa Ông Ở Huế”, *Đại Đạo Văn Uyển Tập Lợi*, số 11. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014.

Nguyễn Anh Huy, “Chung Quanh Ngôi Chùa Công Hà Trung Ở Thuận Hóa”, *Đại Đạo Văn Uyển Tập Lợi*, số 19. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016.

Nguyễn Anh Huy, “Trấn Thủ Quảng Nam – Công Đánh Nhà Mạc

mua mỗi loại một đồng để sưu tập, số còn lại, theo một chủ buôn tiền ở Sài Gòn nói, lô tiền bằng bạc này có hơn 500 đồng được bán ra nước ngoài. Xem thêm: Nguyễn Anh Huy, “Về Chỉ Dụ Của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát Cho Phép Lưu Hành Đồng Bạc Phương Tây”, *Huế Xưa & Nay*, số 143, tháng 9-10 năm 2017.

Của Nguyễn Phúc Nguyên”, *Nghiên Cứu Lịch Sử Xứ Quảng*, số 9, tháng 4-2017.

Nguyễn Anh Huy, “Về Chỉ Dụ Của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát Cho Phép Lưu Hành Đồng Bạc Phương Tây”, *Huế Xưa & Nay*, số 143, tháng 9-10 năm 2017.

Nguyễn Anh Huy, “Về Ngôi Chùa Ông Ở Thương Cảng Cổ Thanh Hà (Huế)”, *Đạo Uyển Thu 2018*, Tập 27. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019

Nguyễn Huy Quýnh, *Quảng Thuận Đạo Sử Tập*, Nxb Đại Học Vinh, 2018.

Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Tổ phiên dịch Viện Sử Học dịch), *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Nxb Giáo Dục, 2004.

Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Hoàng Văn Lâu dịch), *Đại Nam Nhất Thống Chí*. Nxb Lao Động, 2012.

Thích Đại Sán (Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương dịch; Nguyễn Thanh Tùng hiệu chú, giới thiệu), *Hải Ngoại Kỳ Sự*. Nxb Đại Học Sư Phạm, 2016.

Thích Quang Định (dịch), “Đại Việt Quốc Vương Sắc Tứ Hà Trung Tự Hoán Bích Thiền Sư Tháp Ký Minh”, *Liễu Quán*, số 8, tháng 5-2016.

Trần Đại Vinh, *Văn Bia & Văn Chuông Hán Nôm Dân Gian Thừa Thiên – Huế*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 2006.

Trần Kinh Hòa, “Làng Minh Hương Và Phố Thanh Hà Thuộc Tỉnh Thừa Thiên”, *Đại Học*, tạp chí nghiên cứu Viện Đại Học Huế, số 3, năm thứ IV, tháng 7-1961.

*Kim Long Thư Hương Các
Tết Đoan Ngọ 2019
NGUYỄN ANH HUY*

VIẾNG TRÚC LÂM THIỀN VIỆN Ở ĐÀ LẠT

Đến đây, chẳng lẽ hỏi thiền
Đi chừng đã mỏi thì yên ắng ngồi
Ngàn thông so đua lên trời
Hỏi mô chừ có nói lời gì đâu

Có xuống mới biết vực sâu
Có lên mới thấy trên đầu nắng hoa
Cửa thiền đang mở rộng mà
Khách nhàn du muốn vào ra thì tùy!

Là tôi rảnh quá hóa si
Nghe lời chim hót tưởng thì thầm em
Lá hoa lay động bên thềm
Đường như nép lại như tìm hương nhau

Đà Lạt dốc thấp dốc cao
Dốc nào dẫn lối đi vào tâm an
Em dâng lễ viếng Phật Hoàng
Tôi tìm chỗ vắng ngắm ngàn thông reo.

NGUYỄN QUỐC HUÂN
(*Hội Thánh Truyền Giáo
Cao Đài*)



LẠI NGHĨ VỀ MƯA

Bữa ấy ngồi nhìn mưa trắng bay
Gió không lạnh lắm sao mưa đầy
Lòng chưa bỏ ngỡ sao hoang vắng
Ai đã đi rồi? Ai tới đây?

Tôi với mùa mưa là thế đấy
Rất thân quen cũng rất xa vời
Mỗi lần mưa đến tôi thầm hỏi
Tự thuở hồng hoang mưa có rơi?

Mưa giăng làm thấp cả trời cao
Biết gửi yêu thương về chốn nào
Không lẽ giữ tình trong ngực nhỏ
Khi thơ thẩn thức muốn bay cao

Thơ cũng nhập môn học Đạo màu
Còn kẻ nhập môn bỏ đi đâu?
Tôi nghe Thơ–Đạo hòa hơi thở
Dẫn dắt mình qua mấy bể dâu

Nếu hỏi rằng ai vui ai buồn
Mỗi độ nhìn mưa hối hả tuôn
Buồn vui vốn ở nơi lòng khách
Tôi lặng nghe mưa nhớ cội nguồn.

TRẦN DÃ SƠN
(*Krông Păk, 2019*)

NGÀY MAI NẾU ĐI

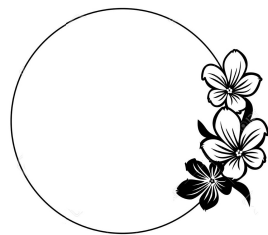
Rồi mai có đi trả hết cho đời
Bỏ lại sau lưng ngày tháng xa khơi
Trả hết cho ai ưu tư phiền muộn
Trả hết cho ai thân phận con người

Trăm năm cô đơn lời ru nhen ngào
Trăm năm cô đơn là giấc chiêm bao
Trả hết cho ai khung trời bỏ ngỏ
Tình người hiến dâng bay lên trắng sao

Ngày cứ trôi nhanh cho đời ngừng lại
Và đời qua mau người sẽ về đâu
Đừng trao cho nhau hận thù oan trái
Xin gửi cho nhau tình yêu dài lâu

Rơi! Rơi! Rơi! Rơi!
Hoàng hôn mệnh mỏng
Hãy thấp niềm tin sáng ngọn nến hồng
Mai có ra đi tìm về xứ Đạo
Thầy đã thương ta, ta giữ một lòng.

TRẦN DÃ SƠN
(Hội Thánh Truyền Giáo
Cao Đài)
Krông Păk, 12-7-2019



KHỔ QUA

Một bữa nhà tôi ⁽¹⁾ đi chợ về
Soạn đồ ra rổ thấy ngộ ghê
Cải cay, mướp đắng cùng dưa muối
Quả vả, cà chua xếp cận kề

Nhìn khắp thức ăn lòng bỗng nghĩ
Kiếp người cay đắng lẫn chanh chua
Ngọt bùi béo bổ đi đâu mất
Để khổ mọi người đến “khổ qua” ⁽²⁾

Khổ qua, qua chịu nói chi em
Mướp đắng ăn quen cũng thấy thèm
Chẳng biết ở đời bao thứ khổ
Đành nhờ sách vở mở tìm xem

Ngũ Chi Đại Đạo chỉ bày ra
Tùng, Thắng, Thọ xong, Thoát, Giải mà ⁽³⁾
Năm khổ xong rồi duy sót một
Mâm cơm còn thấy món khổ qua.

TRẦN DÃ SƠN
Krông Păk, 25-6-2019

⁽¹⁾ Nhà tôi: Vợ tôi.

⁽²⁾ Khổ qua: (a) Mướp đắng; (b) Khổ tôi.

⁽³⁾ Năm phương thức hành đạo của Ngũ Chi là: *Tùng Khổ* của Nhơn Đạo; *Thắng Khổ* của Thần Đạo; *Thọ Khổ* của Thánh Đạo; *Thoát Khổ* của Tiên Đạo; *Giải Khổ* của Phật Đạo.

THƠ TRÍCH NGANG

... Đồng nghèo ruộng nông tay lấm
Phổ sang lạnh ngắt chân bùn
Đục trong thì sông vẫn chảy
Vẫn tình vẫn sống thủy chung

Hạnh phúc từ điều rất nhỏ
Vì người ta mới còn ta
Như anh và em vậy đó
Càng yêu càng phải thật thà ...

PHAN THÀNH MINH

BUỔI SÁNG

Buổi sáng trong suốt như pha lê
Thanh thần hàng ly sạch sẽ
Cạnh phích nước và những phin i-nốc
Trên căn gác vắng người
Buổi sáng bên hàng cây im lặng.

Những chòm lá xanh nguyên sơ
Làm chiếc nôi cho hạt sương ngủ muộn
Buổi sáng nhẹ như cánh thiên thần
Bay qua không tiếng động.

Buổi sáng như một lần gặp gỡ
Không hẹn trước, chẳng nhiều lời
Sáng suốt và uể oải
Như giọt cà phê rơi ...

VĨNH AN

MƯA TRÊN PHỐ

Cơn mưa đầu mùa trên phố
Li ti rơi trong nắng chiều
Long lanh ngọc trời ươm nắng
Hàng cây cao đứng làm thỉnh.

Mưa rơi từ chiếc dù mây
Lệ ai nhẹ nhàng ướt đất?
Buồn ai ngơ trong màu lục
Tay cây đón nhận vui đầy?

Hạt mưa mượn gió bay nghiêng
Đính vào tóc em trăm hạt
Dòng tóc lấp lánh sông Ngân
Mắt em đôi vì sao hát.

Cuộc đời tẻ nhạt lao lung
Cơn mưa đầu mùa tiếp sức
Giữ em dừng chân giây phút
Tìm lên chỗ trú hiên nhà.

Mưa tan ngày cũng mới mơn
Thành buổi chiều vàng hờ hững
Đi giữa khí chiều lơ lửng
Ngẩn ngơ tiếc trận mưa tàn.

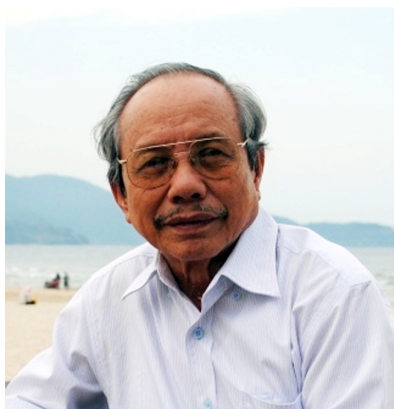
VĨNH AN

KHÉP LẠI

Lại chiếc lá
Rơi
Đây. Vơi...
Cơn gió thoảng!
Thôi, khép lại
Những tâm tình bề bạn
Kết thúc những hẹn hò
Chờ. Đợi.
Nhớ mong
Chốn vô cùng
Người đã thông dong
Cõi hữu hạn
Cuối trời mây trắng
Mênh mang chiều
Xa vắng
Miên man
Sâu lắng
An nhiên
Bình lặng
Đi.
Về!

ĐỖ THỊ KẾT

CHUYỆN “GIÁO KHOA THƯ” CỦA TÔI



Trần Huyền Ân (nhà giáo Trần Sĩ Huệ)

TRẦN HUYỀN ÂN

Thời tiểu học của chúng tôi, ba kỳ cùng dùng bộ giáo khoa thư do Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận biên soạn. Về sau, bạn bè gặp nhau, trong lúc nhàn đàm cũng có khi nhắc lại bài cũ, giống như các nhân vật của Sơn Nam.⁽¹⁾ Còn đây là chuyện “giáo khoa thư” có phần riêng tư, chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp, giữa tôi và một số người.

Tuổi hai mươi: dạy học, viết báo

Hai mươi tuổi, tôi bước vào nghề dạy học. Không lâu sau, cộng tác với tuần báo *Tuổi Xanh* do một số nhà giáo có uy tín (Bùi Văn Bảo [1917-1998],⁽²⁾ Hà Mai Anh, Bùi Quang Kim, Đoàn Xuyên...) chủ trương. Ông Bùi Văn Bảo bút danh Bảo Vân, còn ký Bê Bình Phương. Ông Hà Mai Anh đã được biết

Đạo Uyên chú:

⁽¹⁾ *Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư*, truyện ngắn của Sơn Nam (1926-2008), in trong *Hương Rừng Cà Mau* (Sài Gòn: Nxb Phù Sa, 1962).

⁽²⁾ Các chi tiết trong dấu [...] do Đạo Uyên thêm vào.

đến nhiều qua tác phẩm (dịch) *Tâm Hồn Cao Thượng*.⁽³⁾ Ông Bùi Quang Kim có khi ký Bê Ka. Ông Đoàn Xuyên, người hiền nhất, chỉ dùng tên thật.

Cũng là buổi đầu cầm bút của tôi. Tuổi đôi mươi tâm hồn trong sáng. Ở tỉnh nhỏ, lại ở nhà quê, mọi người sống với nhau tình cảm thật đậm đà. Thêm không khí học đường có thể nói như cõi thần tiên. Mỗi tuần tôi có trên *Tuổi Xanh* ít nhất là một bài thơ, một truyện ngắn, rồi còn ngụ ngôn, câu đố, v.v... Vui lắm! Bài vở pha chút yêu đương, lãng mạn thì đăng trên *Văn Nghệ Tiền Phong*. Chiến tranh chưa tái diễn, đêm không sợ pháo kích, đi tàu lửa, xe đò không sợ mìn... Không nghe chuyện cướp giật, đâm chém. Yên ổn. Thái bình. Khuya khoắt có thể thông thả đạp xe trên quốc lộ, những đoạn trống vắng không có xóm làng, và gặp một người lạ cũng như gặp một người quen, chào hỏi nhau, chẳng có gì bận tâm lo lắng.

Các nhà giáo nói trên đã từng biên soạn sách giáo khoa tiểu học. Khai giảng năm học 1961-1962, nhà xuất bản Sống Mới phát hành bộ *Việt Ngữ Tân Thư*, tác giả là quý ông Bùi Văn Bảo, Bùi Quang Minh, Chu Đức Nhuận, có dùng một số bài của tôi đăng trên *Tuổi Xanh*, như đoạn văn viết về ngày khai trường làm bài tập đọc đầu năm cho lớp Nhất,⁽⁴⁾ một số

⁽³⁾ Nguyên tác tiếng Ý (*Cuore*) của Edmondo de Amicis (1846-1908), xuất bản ngày 17-10-1886 nhằm ngày tựu trường ở Ý. Hà Mai Anh (1905-1975) dịch từ bản tiếng Pháp (*Grand Coeurs*), được giải văn chương của Hội Alexandre de Rhodes (Hà Nội, 1943).

⁽⁴⁾ Lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư, Năm (bậc tiểu học) ngày nay là lớp Năm, Bốn, Ba, Hai, Một.

bài thơ làm bài học thuộc lòng cho lớp Nhất và lớp Nhì, tôi chỉ nhớ có bài *Chuyến Đi Dài*. Lúc này càng vui hơn, ở tuổi đời hai mươi bốn, chưa tròn bốn tuổi nghề, có thơ văn được giảng dạy cho học sinh tiểu học trong cả nước (cụ thể là cả miền Nam), chuyện đó tôi chưa hề mơ ước.

Góp phần biên soạn *Tân Việt Văn*

Cuối năm 1963, ông Bùi Văn Bảo soạn bộ *Tân Việt Văn*. Trong *Lời Nói Đầu* nêu rõ đặc điểm của bộ sách, khác với những lần trước:

Về bài tập đọc, chúng tôi nhờ các nhà văn yêu trẻ soạn những bài tập đọc thành một câu chuyện liên tục sát thực tế và gần gũi với trẻ em hơn. Học sinh trong khi tập đọc sẽ tìm thấy ở đó những người bạn quen thuộc, cùng làm việc và cảm nghĩ như mình, chắc chắn sẽ thấy thêm phần hứng thú... Để không thiếu sót, ở các bài chính tả chúng tôi đã lựa chọn những đoạn văn hay trong nhiều văn phẩm để cho các em làm quen với các lối hành văn khi thì bay bướm, văn hoa, khi thì hùng mạnh, sắc bén của các nhà văn nổi tiếng... Về văn vần dùng làm các bài học thuộc lòng chúng tôi đã hợp tác cùng một số thi sĩ để soạn riêng những vần thơ trong sáng, dễ hiểu, giàu nhạc điệu cho thích hợp với các em hơn...

Ông Bùi Văn Bảo và hai nhà giáo Bùi Quang Minh, Chu Đức Nhuận soạn các phần chuyên môn (như ngữ vựng, chính tả, văn phạm, tập làm văn, tập viết...), anh Lê Tất Điều [sinh năm 1942 tại Hà Đông] soạn phần tập đọc (vợ anh Điều cũng là một tác giả thường xuyên có bài trên *Tuổi Xanh*, tên chị rất hiền lành là Lê Thị Hiền Lành, bút hiệu Tường Chi), tôi soạn lớp Nhất, lớp Nhì, nửa niên khóa các lớp Ba, Tư, Năm. Hình ảnh minh họa, phụ bản do hai họa sĩ Nguyễn Mạnh Tuấn và

Huỳnh Phú Nhiều đảm nhận. Chúng tôi nhận được bản chương trình Việt văn của từng lớp, ông Bảo Văn đã chia ra hằng tháng, hằng tuần, theo chủ điểm. Trừ các tuần ôn tập, nghỉ tết, nghỉ lễ, mỗi niên khóa còn lại ba mươi tuần thực học, cần ba mươi bài tập đọc và ba mươi bài học thuộc lòng. Anh Điều xây dựng một nhân vật tên Dũng mười tuổi, gia đình có cha mẹ, một anh, hai em, còn ông bà nội đã già, có các bạn học là Hùng, Phong, Tâm. Các bài học thuộc lòng, có khi tôi viết hai bài (cùng chủ điểm); gặp chủ điểm thích thú như quê hương, làng xóm, tình yêu kính cha mẹ, thầy giáo... có khi tôi viết ba bài, tôi thêm bài của hai bạn thân là Vũ Dzũng (có bút danh Yên Hà) và Ngọc Mân (cha nhà văn Nguyễn Nhật Ánh) gởi cả vào để ông Bảo Văn lựa chọn. Khi sách xuất bản, tôi có hai mươi hai bài (trong tổng số ba mươi bài) học thuộc lòng lớp Nhất, Yên Hà một bài, Ngọc Mân một bài, còn lại của ông Bảo Văn hai bài, cụ Bạch Linh một bài và mấy bài nữa trích trong tác phẩm cổ văn nói về *Tổ Hùng Vương*, *Gia Huấn Ca*. Học thuộc lòng lớp Nhì hầu hết là của tôi: 28/30 bài.

Tân Việt Văn cũng như *Việt Ngữ Tân Thư* đã được Hội Đồng Duyệt Sách Giáo Khoa của Bộ Giáo Dục cho phép được sử dụng trong các trường tiểu học, thêm vào đó việc quảng cáo và trực tiếp giới thiệu đến tận các trường của nhà xuất bản Sống Mới có hiệu quả cao nên mỗi kỳ nghỉ hè đều phải tái bản để cung cấp cho niên khóa mới. Thế nhưng đối với các tác giả, có lẽ phần nào không coi trọng việc giữ gìn, cho nên sau tháng 4-1975 tôi không còn một bản nào cả.

(Một số sách quốc văn bậc tiểu học dùng trong nhà trường lúc ấy soạn giả là các nhà giáo Lưu Văn Lê, Đặng Duy Chiếu

[bút danh Chiêu Đăng] và của Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục. Tôi cũng có mấy bài học thuộc lòng trong sách của ông Lưu Văn Lê và Trung Tâm Học Liệu).

Quê Em nơi xứ người

Cách đây mấy năm, Lê Thị Huệ ở Mỹ có bỏ công sưu tầm một số thơ cũ, gom thành tập *Thơ Tình Nam 1975* (tức là thơ tình của các tác giả miền Nam trước tháng 4-1975, mỗi tác giả một bài). Mở đầu bài điểm sách (ngày 27-7-012) Nguyễn Thị Hải Hà viết:

Tôi không nhớ tôi bắt đầu được tiếp xúc với thơ từ lúc nào. Có lẽ từ khi tôi nghe những câu hò, điệu hát ru em. Vào tiểu học tôi thích những bài thuộc lòng vì đó là những câu thơ có vần và giàu âm điệu. Bài học thuộc lòng tôi học từ năm lớp Nhất đến giờ này tôi vẫn còn nhớ nguyên bài, bắt đầu với những câu:

*Khi khôn lớn rộng đường ra hải ngoại
Nếu có người muốn biết rõ quê em
Mở bản đồ em sẽ chỉ người xem
Đây nước Việt bốn ngàn năm yêu quý ...*

Xin mở ngoặc: Hải Hà nay cũng ở Mỹ, tốt nghiệp kỹ sư cơ khí, cao học ngành quản trị kỹ nghệ và xây dựng trường New Jersey Institute of Technology. Ngoài công việc chuyên môn kỹ thuật thì sáng tác, dịch, và điểm sách.

Tôi hơi ngờ ngợ. Bài học thuộc lòng. Giống như thơ của tôi. Tôi không còn nhớ. Qua Lê Thị Huệ, tôi liên lạc với Hải Hà. Đúng là thơ của tôi. Bài *Quê Em*, sách *Tân Việt Văn*. Hải Hà chép lại, theo trí nhớ, gởi cho tôi trọn vẹn bài thơ hai mươi câu. Tôi biết Hải Hà còn thuộc vì bài thơ đã được ghi

sâu vào tâm trí thiếu nữ, và vui vẻ nhắc lại vì phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đang định cư ở nước ngoài, nhớ nghĩ về quê, về cái tuổi học trò một thuở nào. Lòng tôi thì phải nói là tràn đầy hạnh phúc, khác nào đáy biển mò kim, tự nhiên bỗng có lại chút phần đời đã mất.

Truy tìm *Chuyến Đi Dài*

Chuyến Đi Dài là bài thơ tôi cùng viết với Vũ Dzũng (Dzũng ký bút hiệu Yên Hà), tưởng tượng một chuyến đi khắp mọi miền đất nước, từ Nam Bộ khởi hành tại Côn Sơn, ra Trung Bộ rồi Bắc Bộ, cuối cùng dừng lại Thăng Long; mỗi nơi đi qua chỉ cô đọng trong một hoặc hai câu, nguyên đăng trên tuần báo *Tuổi Xanh*, chiếm hai cột dài từ đầu đến cuối trang. Sau ông Bùi Văn Bảo trích một nửa làm bài học thuộc lòng trong *Việt Ngữ Tân Thư*, cũng phải chia ra hai lần học, hai tuần lễ. Loại thơ nói về đất nước quê hương này dễ tạo được cảm tình của người đọc. Một số là độc giả của *Tuổi Xanh*, một số là học sinh lớp Nhất từ năm 1961 đến 1974. Trải qua bao cuộc biến thiên, gian nan, cơ cực, nay tương đối thanh nhàn không bận tâm nhiều về nợ áo cơm... người ta chợt nhớ đến học đường, đến văn chương, nhớ đến ông thầy bà cô, quyển sách, tờ báo. Tôi cũng may mắn được cuộc đời chiếu cố, như bài thơ *Quê Em* trên đây và thỉnh thoảng có người nhắc và hỏi bài *Chuyến Đi Dài*.

Năm ngoái, tôi nhận được điện thoại của Tăng Nhường ở Đà Nẵng. Anh cho biết ngày trước đã học bài *Chuyến Đi Dài*, nhiều năm nay muốn biết tác giả, ra sức tìm hiểu mà không rõ tác giả ở đâu, bỗng đọc trên một trang mạng thấy: Trần Huillion Ân tên thật là Trần Sĩ Huệ, hiện sống tại Tuy Hòa. Tăng Nhường hỏi bưu điện Tuy Hòa, có số điện thoại của tôi và gọi

cho tôi. Qua giọng nói tôi tin là anh vui mừng thật sự, anh gọi tôi là thầy, dù tôi chưa có một ngày dạy anh. Sách báo có in *Chuyến Đi Dài* mất hết, nhưng may tôi còn bản chép tay, sao lại gửi tặng Nhường gọi là đáp tình tri kỷ.

Trong khi ấy Nguyễn Đăng Khoa ở Nha Trang, thuộc lớp trẻ, cũng dò tìm *Chuyến Đi Dài*. Nhường và Khoa gặp nhau trên mạng. Hình như Khoa cũng gốc Quảng Nam, họ dễ thành thân thiết. Khoa cho biết, do một số người trong gia đình, mấy chị lớn, thuộc bài *Chuyến Đi Dài*, và trong mỗi chuyến đi, đến nơi nào đó, các chị lại đọc câu thơ thích ứng và giải thích cho các cháu.

Đăng Khoa cũng tìm được mấy bài nữa trong *Tân Việt Văn* gửi cho Tăng Nhường đăng trên trang mạng của cựu học sinh trường Đông Giang (Đà Nẵng), như bài *Mùa Ly Biệt* viết về nghỉ hè, bài *Tranh Đấu Sử* nhắc lại những gương sáng người xưa chống Tàu.

Nhìn lại dung nhan *Tân Việt Văn*

Gần đây, trên một trang mạng Sách Xưa nhìn lại được dung nhan *Tân Việt Văn* lớp Nhất và lớp Nhì, tôi mới có dữ liệu để viết phần trên.

Không phải là loại ấn bản đầu tiên (đầu năm 1964), cuốn *Tân Việt Văn* lớp Nhất phát hành ngày 07-4-1967, giá bán 60 đồng. Bìa in hai màu, bên trái màu xám đậm, ba chữ *Tân Việt Văn* in thành ba dòng, bên phải màu vàng, rộng hơn, hình vẽ hai học sinh đang mở sách. Bên trong, một số trang có nét chữ ghi “tư thực Tài Hoa”, có lẽ sách được một giáo viên trường này sử dụng. Nhiều số trang ghi ngày giảng dạy, bắt đầu là ngày 14-7-1969. Hồi ấy các trường tư nghỉ hè ít, khai



giảng sớm. Từ tiểu học lên trung học, các em thi vào Đệ Thất (nay là Lớp Sáu) công lập xong là đi học các trường tư. Khi có kết quả, nếu đậu thì qua trường công, không đậu thì tiếp tục học trường tư, không bị thiếu chương trình.

Cuốn *Tân Việt Văn* lớp Bốn (lúc này không gọi là lớp Nhì nữa) phát hành ngày 20-02-1974, giá bán 400 đồng. Qua bảy năm, giá cả tăng lên trên sáu lần! Bìa chỉ khác chữ tên lớp và màu xanh tươi thay cho màu xám đậm. Nơi góc trang bìa trong ghi *Phạm Kim Phụng*, chữ đẹp, ký tên, và khuôn dấu in ba hàng: “Tủ sách Nguyễn Trọng Tuấn. An Dân. Tân Tạo. An Túc. 22.03.1975” (có lẽ là ngày gia đình này kiểm kê sách?). Bên trên trang *Lời Nói Đầu* viết: *Cả tuổi thơ và hình bóng cô giáo Lê Thị Thu H... ở trong quyển sách này. Xin nhớ mấy cô*

giáo thân yêu và bạn bè của một thời. Sg 23.10.2010. (Chữ ký). Tên cô giáo, sau chữ H... bị nhòa mất, không đọc được. Chắc chắn cuốn sách này của học sinh dùng. Niên khóa 1974-1975 vào học lớp Bốn, chín tuổi, vậy năm 2010 nhớ lại *cô giáo thân yêu và bạn bè một thời* là bốn mươi lăm tuổi. Người này đã thành đạt tới đâu hay phải chịu nhiều lao đao lận đận của mười lăm năm ấy? Nào biết hỏi ai!

Tôi cũng nhìn lại được trang bìa hai cuốn *Việt Ngữ Tân Thư* lớp Nhất (sau gọi là lớp Năm) nền màu cam, lớp Hai nền màu xám đậm, có hình bản đồ Việt Nam và hàng chữ *Nhật tân, nhật nhật tân* đóng khung.

Lời cảm ơn chân thành

Viết những dòng này, tôi muốn nói lời chân thành cảm ơn với vị cựu giáo viên tư thực Tài Hoa, cựu học sinh Phạm Kim Phụng, gia đình Nguyễn Trọng Tuấn, đã sử dụng sách một cách thiết thực và trân trọng, Kim Phụng đã gói gắm vào đó *cả tuổi thơ và hình bóng cô giáo thân yêu và bạn bè*, cảm ơn người sưu tầm sách xưa đưa lên mạng, người chủ trang mạng.

Nói về những người biên soạn *Tân Việt Văn* thì: ông Bảo Vân (Bùi Văn Bảo) ở Canada vẫn tích cực cổ xúy con em người Việt học tiếng Việt, có dự định xuất bản một quyển *Địa Lý Việt Nam*, gồm những điểm chính yếu, cụ thể về đất nước, quê hương; tôi có giúp ông sưu tầm tư liệu, rất tiếc sách chưa xong thì ông qua đời. Các ông Bùi Quang Minh, Chu Đức Nhuận, Nguyễn Mạnh Tuấn, Huỳnh Phú Nhiều tôi không có tin tức; anh Lê Tất Điều ở Mỹ, có sách tái bản ở Việt Nam và được đọc giả bình chọn sách hay; anh Khánh Linh thì vẫn ở Tuy Hòa.

Bốn mươi năm, thời gian không lâu, mà biết bao thay đổi, nhưng cũng có những cái còn lại cho mỗi người.

TÁI BÚT (đôi điều nói thêm):

* Ngày 08-01-2015 Tăng Nhưong chuyển cho tôi email của Trần Thị Thanh (sau khi tìm được bài *Chuyến Đi Dài* trên mạng của cựu học sinh trường Đông Giang) như sau:

Tôi là người Sài Gòn, cũng đã học bài Chuyến Đi Dài những năm tiểu học, và tôi cũng rất yêu thích bài này. Trải qua năm mươi năm, mỗi năm rơi rụng vài câu, tôi đã quên gần hết bài, chỉ còn nhớ ít câu, muốn tìm lại bài thơ mình yêu thích, chồng tôi đề nghị lên mạng tìm thử. Thật là hay, chỉ gõ “Rừng Ban Mê suốt đời nai khế bước” thì cả một bài thơ xuất hiện trước mắt. Cảm ơn tác giả bài thơ, cảm ơn các bạn yêu thích bài này đã đăng cả bài thơ và những thông tin thật hay liên quan đến bài thơ. Thật là vui khi được đọc lại cả bài thơ mình yêu thích. Cảm ơn tất cả. Thanh.

* Ngày 15-7-2016, Ngô Như Liễu ở Sài Gòn trước có học bài *Chuyến Đi Dài*, nhân dịp ra Tuy Hòa tìm đến thăm tôi. Trong máy của Liễu còn lưu bài thơ đầy đủ. Liễu viết trong sổ ghi của tôi:

Ngày 15-7-2016

Em Ngô Như Liễu, số ĐT 0903777xxx. Thật sự hơn bốn mươi năm từ ngày còn học bậc tiểu học em rất hâm mộ và ao ước một lần được gặp gỡ tác giả bài học thuộc lòng CHUYẾN ĐI DÀI và ngày hôm nay đã hân hạnh gặp thầy, em rất vui và hạnh phúc. Chuyến Đi Dài, một bài học thuộc lòng đã in sâu vào ký ức của cô học trò thuở nào. Từng chữ, từng dòng thơ của thầy in đậm và theo em mãi mãi.

Hạnh phúc quá khi gặp gỡ thầy và cả cô. Em thành thật cầu chúc thầy cô sức khỏe và hạnh phúc mãi mãi.

Kính thầy cô.

(ký tên)

* Thỉnh thoảng tôi có lướt qua các trang mạng. Mới đây trên trang KỶ NIỆM NGÀY XANH thấy có bài *Tiếng Mẹ* của tôi trong sách *Tân Việt Văn* lớp Nhất (lớp Năm), với những lời bình luận dành cho tác giả và sách *Tân Việt Văn* nhiều cảm tình:

- *Năm mươi mấy năm trời nay mới gặp lại. Đọc chưa hết bài mà nước mắt tự dưng trào ra. Không hiểu tại sao là như vậy. Không lẽ mình bị bệnh trầm cảm rồi sao!* (Phan Xuân Sơn)

- *Nghe mẹ cứ nói cuốn Tân Việt Văn hay lắm, ai cũng truyền tay nhau đọc. Giờ mới biết là sách giáo khoa tiểu học thời Việt Nam Cộng Hòa* (Ngọc Minh Nguyễn).

- *Chúng tôi đã học sách này vào niên khóa 1967-1968 lớp Nhất trường tiểu học Nguyễn Công Trứ ở đường Tôn Thất Thuyết, thị xã Ban Mê Thuột, tỉnh DarLac.* (Đào Tuấn Sơn)

- *Mỗi trang sách của thời ấy đã in sâu vào ký ức của chúng ta.* (Đỗ Minh Nguyệt)

- *Bao nhiêu năm rồi đọc lại vẫn thấy hay.* (Pansy Nguyen)

- *Đọc để nhớ về qua khứ.* (Thi Loi Nguyen)

- *Quá tuyệt vời!* (Du Bai)

TRẦN HUIỀN ÂN

CHUYẾN ĐI DÀI

(Bài học thuộc lòng in trong sách *Việt Ngữ Tân Thư*, xuất bản ở Sài Gòn trước năm 1975)

Tuổi niên thiếu vốn giàu mơ tưởng
Tôi đã nuôi trong trí chuyến đi dài
Biết bao giờ cho thỏa được lòng trai
Chân bé quá, không mang hài vạm vỡ
Để ngày tháng với đôi phần thăm thẳm
Bản đồ đây tôi dự ước hành trình
Giữa phương Nam biển đội sóng thanh bình
Tôi sẽ lấy Côn Sơn làm khởi điểm
Sau giây phút để tâm hồn mặc niệm
Lắng không gian nghe tiếng gọi tiền nhân
Đường thênh thang chí quyết cũng xem gần
Đây Phú Quốc mùi quê hương tỏa rộng
Hà Tiên với cảnh non chùa Thạch Động
Kiên Giang còn Nhật Tảo sáng ngàn năm
Mắt cô em Cái Sắn ⁽¹⁾ tựa trắng rằm
Bao la quá ruộng Cà Mau xếp gợn
Thuyền độc mộc xuôi trên dòng Cái Lớn ⁽²⁾
Xuyên kênh đào về trẩy hội Tây Đô ⁽³⁾
Lòng Hậu Giang bát ngát tận đôi bờ
Cùng hẹn với sông Tiền trôi chậm rãi
Sen Đồng Tháp phơi màu tươi thắm mãi
Núi Điện Bà ⁽⁴⁾ che rợp bóng tôn nghiêm
Trăng Sài Thành e thẹn dưới đèn đêm
Hai ngã nước ai Đồng Nai, Gia Định?
Bờ Long Hải chiều êm rây nắng tịnh

Bưởi Biên Hòa ngọt lịm khách miền xa
 Trà B' Lao ⁽⁵⁾ sủi ấm nếp môi già
 Đà Lạt gió quyện vàng mây thác nước
 Rừng Ban Mê ^(5b) suối đờn nai khẽ bước
 Buồm lao xao Phan Thiết rộn niềm vui
 Ngọn tháp Chàm cô quạnh tiếc ngày trôi
 Tàu vạn quốc về Cam Ranh chen chúc
 Thuyền dương rủ Nha Trang thêm hiền thực
 Đá Bia ⁽⁶⁾ còn nguyên nét triện người xưa
 Bãi Tam Quan cát mịn ấp chân dừa
 Guồng xe tưới sông Trà ⁽⁷⁾ gieo bụi trắng
 Ngũ Hành ⁽⁸⁾ ngắm mặt Hàn Giang ⁽⁹⁾ phẳng lặng
 Hải Vân ⁽¹⁰⁾ đài cao vút tuyệt đường chim
 Nửa khuya chuông Thiên Mục ⁽¹¹⁾ vọng êm đêm
 Cả Hương Ngự ⁽¹²⁾ la đà theo nhịp trúc
 Cầu Hiền Lương ⁽¹³⁾... sẽ nổi tình Nam Bắc
 Xóa nhòa đi dòng phân cách thương đau
 Từ Nam Quan ⁽¹⁴⁾ cho đến mũi Cà Mau
 Liền một dải...
 (... và chuyển đi lại tiếp)
 Men theo bóng dãy Trường Sơn trùng điệp
 Sóng Thái Bình reo đón bước phiêu du
 Qua đèo Ngang ⁽¹⁵⁾ nghe nhạc gió vi vu
 Tới Thanh Hóa lúa vàng đùa trong nắng
 Dân hoan lạc nhờ được mùa Nông Cống ⁽¹⁶⁾
 Đem nén nhang vào lễ tạ Đền Sòng ⁽¹⁷⁾
 Cầu Hàm Rồng ⁽¹⁸⁾ chênh chếch bắc ngang sông
 Trên dòng Mã ⁽¹⁹⁾ nước in màu sông núi
 Dịu dịu lúa non bình nguyên Nhị Thái
 Tình ngọt ngào như nhãn trại Hưng Yên

Gió Đờ Sơn ⁽²⁰⁾ xua sóng bạc dịu hiền
 Cửa Nam Triệu ⁽²¹⁾ nước hai dòng mặn nhạt
 Chiều Hạ Long mây vương tình man mác
 Vội chân trời sắc nước lẫn màu xanh
 Sóng nhấp nhô vờn khe đá chông chênh
 Thuyền nhẹ lướt, phải đây miền nước nhược?
 Động Đầu Gỗ ⁽²²⁾ ánh chập chờn huyền hoặc
 Hang Hanh ⁽²³⁾ nghe khoan nhặt nhạc âm vang
 Đây Hòn Gai, đây Bái Tử, Hạ Long ⁽²⁴⁾
 Mà đâu bóng rồng thiêng sa hạ giới?
 Núi Truyên Đăng ⁽²⁵⁾ thơ đề còn in mãi
 Ngược sông Thương ⁽²⁶⁾ lên trẩy hội Tam Thanh ⁽²⁷⁾
 Chàng ra đi theo tiếng gọi quân hành
 Để thiếp phải thánng năm trong mòn mỏi
 Nàng Tô Thị ⁽²⁸⁾ đứng trông về biên ải
 Ngàn năm còn chờ đợi bóng chinh phu
 Chim Hà Giang buông nhịp hót "bắt cô" ^(28b)
 Trên bến nước sông Lô ⁽²⁹⁾ còn tiếng hát
 Nương bóng Hoàng Liên ⁽³⁰⁾ cây cao bóng mát
 Rồi xuôi về theo sóng nước sông Hồng
 Mây chịu tang Yên Bái có còn không?
 Và Yên Thế còn tấm gương Đề Thám?
 Bắc Ninh đẹp nhờ cảnh chùa Long Giáng
 Sơn Tây buồn vì mây quyện Ba Vì
 Đền Hùng mờ sương khói tỏa uy nghi
 Non sông Việt nhờ tay ai dựng lập?
 Sớm Hòa Bình, chợ Bờ vui vẻ họp
 Bến sông Đà dòng nước chảy cong cong
 Tháng hai về xem trẩy hội chùa Hương
 Hay trở bước lên thăm đền Thánh Gióng?

Về Hà Nội một ngày thu gió lộng
 Cảnh núi Nùng, sông Nhị dấu ngàn xưa
 Sóng Hồ Tây gợn bởi bước Hai Bà ⁽³¹⁾
 Hay là bởi trâu vàng xưa nhớ mẹ? ^(31b)
 Đồng Đa kia mờ chôn muôn vạn kẻ
 Hồ Gươm còn thức ngủ bóng rùa thiêng?
 Cầu Long Biên mấy nhịp bắc trường giang?
 Ô năm cửa mở đón chào lũ khách
 Đây cố đô bụi đường ta rũ sạch
 Sống với lòng đất Mẹ, với kiêu sa

...

Bàn tay vỗ nhịp ta ca
 Ca tình sông núi chan hòa lòng trai.

Tháng 7 và 8 năm 1960

TRẦN HUIỀN AN

TRẦN VĂN CHÁNH chú thích:

- (1) **Cái Sắn:** Kênh ở tỉnh An Giang.
- (2) **Cái Lớn:** Sông Nam Bộ chảy ra vịnh Thái Lan ở phía nam cửa Bảy Háp và phía bắc mũi Cà Mau.
- (3) **Tây Đô:** Thời trước chỉ tỉnh Cần Thơ, nay cũng quen gọi thành phố Cần Thơ là Tây Đô.
- (4) **núi Điện Bà:** Ở trên núi Bà Đen, thuộc tỉnh Tây Ninh.
- (5) **B' Lao:** Tức Bảo Lộc, thuộc tỉnh Lâm Đồng.
- (5b) **rừng Ban Mê:** Rừng Ban Mê Thuột.
- (6) **Đá Bia:** Núi cao 750m ở đèo Cả, giáp giới hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.
- (7) **sông Trà:** Sông Trà Khúc ở tỉnh Quảng Ngãi (phân biệt với

sông Trà là một con sông nhỏ chạy giữa hai tỉnh Long An và Tiền Giang).

- (8) **Ngũ Hành:** Còn gọi núi Non Nước, thuộc thành phố Đà Nẵng.
- (9) **Hàn Giang:** Sông Hàn, ở tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
- (10) **Hải Vân:** Núi và đèo ở gần bờ bắc giáp hai tỉnh Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam.
- (11) **Thiên Mục:** Chùa cổ nổi tiếng ở thành phố Huế.
- (12) **Hương Ngự:** Sông Hương và núi Ngự Bình, ở thành phố Huế.
- (13) **cầu Hiền Lương:** Cầu bắc qua sông Bến Hải, thuộc tỉnh Quảng Trị; từ năm 1954 đến năm 1975 là ranh giới chia cắt Việt Nam thành hai miền Nam, Bắc.
- (14) **Nam Quan:** Cửa ải ở biên giới Trung-Việt, cách tỉnh Lạng Sơn 18km.
- (15) **Đèo Ngang:** Đèo cao 256m, dài 6km ở dãy núi Hoàng Sơn, giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- (16) **Nông Cống:** Huyện Nông Cống thuộc tỉnh Thanh Hóa.
- (17) **Đền Sòng:** Ở huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, thờ bà Liễu Hạnh.
- (18) **cầu Hàm Rồng:** Cầu bắc qua sông Mã, trên đường Hà Nội-Vinh.
- (19) **Mã:** Sông Mã, một con sông lớn ở tỉnh Thanh Hóa.
- (20) **Đồ Sơn:** Huyện thuộc thành phố Hải Phòng.
- (21) **Nam Triệu:** Xã cũ thuộc thành phố Hải Phòng, có cửa Nam Triệu, sông Bạch Đằng chảy qua đó.
- (22) **động Đầu Gỗ:** Hang động ở phía bắc đảo Đầu Gỗ, trong vịnh Hạ Long, cách Hòn Gai 7km về phía nam.
- (23) **hang Hanh:** Hang dài gần 2km, cũng thuộc vịnh Hạ Long,

cách thị xã Cẩm Phả 9km về phía tây.

(24) **Bái Tử, Hạ Long:** Vịnh Bái Tử và vịnh Hạ Long.

(25) **núi Truyền Đăng:** Núi ở ven biển thuộc tỉnh Quảng Ninh.

(26) **sông Thương:** Sông dài 100km, bắt nguồn từ Bản Thi, châu Ôn, nay là huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

(27) **hội Tam Thanh:** Lễ hội chùa Tam Thanh ở tỉnh Lạng Sơn.

(28) **nàng Tô Thị:** Một nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam. Tương truyền nàng là một phụ nữ chung thủy đứng chờ chồng đi lính về, chờ mãi không thấy chồng về, nàng và con đã hóa thành đá. Thành phố Lạng Sơn có núi Tô Thị hay còn gọi là núi Vọng Phu.

(28b) **bắt cô:** Chim “bắt cô trói cột” ở Hà Giang. (Xem *Phụ Đính* cuối bài này.)

(29) **sông Lô:** Ở tỉnh Vĩnh Phú.

(30) **Hoàng Liên:** tức Hoàng Liên Sơn, dãy núi ở giữa sông Hồng và sông Đà từ biên giới Trung-Việt đến huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

(31) **Hai Bà:** Hai Bà Trưng.

(31b) **trâu vàng xưa nhớ mẹ:** (Xem *Phụ Đính* cuối bài này.)

Ghi chú: Ba chú thích (5b), (28b), và (31b), cũng như *Phụ Đính* sau đây, đều do Đạo Uyển thêm vào.

PHỤ ĐÍNH

1. Sự tích chim bắt cô trói cột

Ngày xưa ở Hà Giang có anh nông dân nghèo, thực thà, chăm chỉ, được phú ông giao cho nuôi đôi trâu (một đực, một cái). Khi đôi trâu sanh được ba con thì anh nông dân nuôi cả

thầy năm con. Lúc phú ông chết, tất cả gia sản do con gái thừa kế, và cô đích thân đi kiểm tra xem tài sản của mình thật sự gồm những gì. Đến nhà anh nông dân, cô hỏi anh nhận nuôi bao nhiêu trâu; anh đáp là năm. Vì thấy trong sân đóng sáu cây cột buộc trâu nên cô đề quyết anh ăn gian một con. Anh phân trần rằng có một cây cột muốn gãy nên anh đã đóng thêm cây cột mới mà chưa nhổ bỏ cột cũ. Không tin, cô nằng nặc đòi phải có đủ sáu con trâu. Cãi không lại, anh bức mình quát: “Bắt cô trói cột thì đủ sáu!” Oan ức, anh bỏ nhà đi vào rừng rồi đói khát mà chết, và biến thành chim, cứ cất tiếng kêu hờn oán mà âm thanh nghe giống như “bắt cô trói cột”. Vì thế dân gian đặt tên cho loài chim rừng này ở Hà Giang là “bắt cô trói cột”. Chim “bắt cô trói cột” (tên khoa học: *Cuculus micropterus*) là loài chim thuộc họ *cu cu*, thường sống trong rừng, ở độ cao trên 3.600m.

2. Sự tích trâu vàng Hồ Tây

Thiền sư Không Lộ (?-1119), họ Dương, người tỉnh Nam Định, đời nhà Lý. Ngài tu đắc đạo, có nhiều phép thần thông. Theo truyền thuyết, nhờ có công chữa bệnh cho con vua Tàu nên ngài được đền ơn; và ngài xin đồng đen quý hiếm mang về nước để đúc chuông. Do đó, nghề đúc đồng ở nước ta tôn ngài làm ông Tổ nghề.

Cũng theo truyền thuyết, ngài đưa cho vua Tàu thấy một cái túi be bé, và chỉ xin đồng đen đủ chứa trong đó. Thấy vậy, vua Tàu đồng ý, sai lính đưa ngài vào kho đồng để tùy chọn. Nào ngờ, ngài dùng phép thuật nên cái túi be bé lại “nuốt” gần hết cả kho, rồi ung dung quảy túi lên vai bước ra về.

Được tin cấp báo, vua Tàu sai quân binh truy đuổi để lấy

lại số đồng quý hiếm. Khi thiền sư đến bờ sông vắng, liền lật nón thả xuống nước, và bước lên đó; nó như chiếc thuyền buồm căng gió, vun vút chở ngài qua bờ bên kia, trước bao con mắt kinh ngạc của đội quân truy đuổi vừa kịp trời tới.

Ngài đem đồng đen đúc một cái chuông rất lớn. Lúc thử chuông, tiếng ngân vọng tới bên Tàu. Tượng con trâu đúc bằng vàng ròng của vua Tàu nghe thấy, tưởng là trâu mẹ gọi, bèn vùng chạy về nước Nam. Thiền sư sợ sự việc này sẽ khiến vua Tàu đem quân qua gây chiến, bèn ném chuông mới đúc xuống Hồ Tây. Con trâu vàng cũng lao thẳng xuống hồ.

Thiền sư Không Lộ còn lưu lại bài thơ tứ tuyệt *Ngôn Hoài* 言懷 tuyệt đẹp:

*Trạch đắc long xà địa khả cư
Dĩ tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.*

擇得龍蛇地可居
野情終日樂無餘
有時直上孤峰頂
長嘯一聲寒太虛。

Kiều Thu Hoạch dịch:

*Kiểu đất long xà chọn được nơi
Tình quê lai láng chẳng hề rời
Có khi xông thẳng lên đầu núi
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.⁽⁵⁾*

⁽⁵⁾ *Thơ Văn Lý-Trần*. Tập 1, Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1977, tr. 385.



Không cần hú gọi đồ ơi
Dòng sông trút cạn nước phơi lòng mình
Bước chân cát nứu luyễn quỳnh
Tôi qua sông hạn giữa thình rộ bờ

Giọt ngâu chưa bám đã khô
Trong veo trời tháng Bảy chờ đông mưa
Em còn quỳnh quáng chợ trưa
Rổ rau, bó cải cũng vừa héo hơn

Cái lu, cái ảng, cái chum
Gáo dừa rột roạt xót giùm nước nôi
Cộng rơm giòn giã lâu rồi
Trâu bò cúi gặm cái mùi bùn non

Lòng tôi bỗng hóa dòng sông
Lắng nghe đá cuội rộp phồng trên tay
Bờ tre tu hú gọi bầy
Con đồ giật thót tưởng ai hú mình.

29-7-2019

PHIẾM LUẬN VỀ CHỮ *PRINCE*

NGUYỄN MINH

Tôi là một người mê đọc và thích viết lách lăng nhăng. Thỉnh thoảng có nhà xuất bản thuê tôi dịch sách thì tôi cũng dịch, kiếm tí tiền còm.

Chẳng biết các “dịch giả”, “dịch thật” khác nghĩ sao, riêng với tôi, trong quá trình dịch thuật, tôi không ngán thuật ngữ phức tạp, mà chỉ ngán những chữ rất đơn giản, thông thường. Điển hình như cách xưng hô, trong tiếng Anh chỉ có *I* và *you*, còn tiếng Việt thì thiên biến vạn hóa, mỗi lần dịch là mỗi lần nhức óc.

Ví dụ, trong một cuốn sách tôi từng dịch, có đoạn như vầy:

“That you may know the state of the rest of my misfortune, there is nothing left to me but honour and my life, which is saved – François I, in a letter written after Pavia, 1525.”

Đây là lời vua Pháp François I viết trong một bức thư, sau trận Pavia, diễn ra vào năm 1525. Đâu có gì khó phải không các bạn?

Thế mà lại khó, vì sách không ghi thư gửi cho ai.

Nhưng cần gì phải biết thư gửi cho ai. Hễ đã là vua, tất tự xưng là *trẫm*, là *ta*, và gọi người đối thoại là *khanh*, là *ngươi* chứ gì?

Xin thưa: Không nhất thiết như thế. Sau khi lùng sục Google, truy cho ra nguyên văn bức thư, mới hay đây là thư François gửi bà Louise de Savoie, tức là... thái hậu. Nếu cầu thả dịch thành *ta – ngươi* ắt đã [bị] tổ trác!

Tương tự, mỗi lần gặp từ *brother* hoặc *sister*, tôi lại phải tra cứu mối quan hệ, xem nên dịch là *anh*, *chị*, hay *em*. Gặp *aunt* còn khổ hơn nữa, không biết là *bác*, *cô*, *dì*, *thím* hay *mợ*. Gặp *uncle* không biết là *bác*, *chú*, *dượng*, hay *cậu*, cần tra cứu luôn luôn. Mà đâu phải hể tra là ra!

Tuy nhiên, hơn tất cả những từ trên, nếu được chọn một từ tiếng Anh khó dịch sang tiếng Việt nhất, tôi sẽ không ngần ngại chọn từ *prince*.

Vì sao? *Prince* tức là *hoàng tử* thôi mà.

Nếu vậy thì cuốn *Il Principe* của Machiavelli dịch là “Hoàng Tử”, cũng như *Das Kapital* của Marx dịch là “Thủ Đô” à? ⁽¹⁾

(...)

Chính vì không chú trọng từ Hán Việt, tình trạng dùng từ mà không hiểu nghĩa đã trở nên rất phổ biến trong xã hội.

Nếu đều hiểu *hoàng* là *hoàng đế*, *tử* là *con*, *hoàng tử* là *con của hoàng đế*, thì người ta đã không nhất loạt dịch *prince* thành *hoàng tử*.

Các cháu trai của Nữ Hoàng Anh Elizabeth II hiện nay đều được báo giới Việt Nam gọi là hoàng tử. Đây là lỗi dịch rất ấu, rất... “loạn luân”.

Cha ông chúng ta ngày xưa không thế. Chẳng hạn, Nguyễn Phúc Cảnh, con trai của Thế Tổ Cao Hoàng Đế nhà Nguyễn (Gia Long), được gọi là Hoàng Tử Cảnh. Nguyễn Phúc Đảm (Minh Mạng), một con trai khác của Gia Long, gọi là Hoàng

⁽¹⁾ *Il Principe* thường được dịch là Quân Vương; *Das Kapital* thường được dịch là Tư Bản Luận. (Đạo Uyển chú)

Tử Đám. Cùng gọi hoàng tử, tức có quan hệ anh em. Nhưng Nguyễn Phúc Đán, con trai Hoàng Tử Cảnh, cháu đích tôn Gia Long, thì gọi là Hoàng Tôn Đán.

Hoàng tôn thấp hơn hoàng tử một đời, nhưng người đời nay quên mất chữ “hoàng tôn”, cứ gặp *prince* là nhè ngay hoàng tử mà phang. “*Prince William is a grandson of Queen Elizabeth II*” dịch thành “Hoàng Tử William là cháu của Nữ Hoàng Elizabeth II” thì vô nghĩa lý, khác nào bảo “con của hoàng đế là cháu của hoàng đế”! *Prince Charles* dịch là Hoàng Tử Charles, *Prince William* là Hoàng Tử William, thì chẳng hóa ra hai người này là anh em với nhau ư? Quan hệ cha con biến thành anh em, tức là “loạn luân”, đảo ngược luân thường! Dưới thời quân chủ ngày xưa, nhầm lẫn thế thứ hoàng gia là tội trọng, mất đầu chứ không chơi!

Tiếng Việt vô cùng chặt chẽ và nghiêm cẩn về thế thứ, nên trong cùng một cuốn sách, có khi chỉ một chữ *prince* mà phải dịch ra hàng chục chữ tiếng Việt khác nhau, chẳng hạn *hoàng tử*, *hoàng thân*, *hoàng tôn*, *trương tử*, *trương thân*, *trương tôn*, *tiểu vương*, *công tử*, v.v...

Sở dĩ phức tạp, là vì trước tiên, cần phân biệt giữa *đế* và *vương*. Đây không phải chuyện chữ nghĩa vớ vẩn, mà có khi là vấn đề tự hào dân tộc, thể diện quốc gia. Xưa kia, vua Tàu phong vua ta chức An Nam Quốc Vương, song vua ta vẫn tự xưng *hoàng đế*, ngụ ý mình đứng ngang hàng, không kém vua Tàu. Do đó, khi dịch sang tiếng Anh, danh hiệu của các vua Việt Nam phải là *emperor*, nếu dịch *king*, tức tự nhận mình hèn kém, là thần tử của Tàu vậy!

Con của *hoàng đế*, gọi là *hoàng tử*; con sẽ nối ngôi, gọi là *hoàng thái tử* (em/cháu được truyền ngôi gọi là *hoàng thái*

đệ/hoàng thái đệ); cháu nội là *hoàng tôn*; cháu là *hoàng tằng tôn*; cháu là *hoàng huyền tôn*... Khi vua cha qua đời, *hoàng tử* sẽ trở thành *hoàng thân*. Tùy theo quan hệ với vị vua mới, hoàng thân ấy có thể là *hoàng huynh* (anh vua), *hoàng đệ* (em vua), *hoàng thúc* (chú vua), *hoàng bá* (bác vua)... Ví dụ, Tuy Lý Vương dịch sang tiếng Anh chỉ là Prince Tuy Ly, nhưng trong tiếng Việt, ông là *hoàng tử* của Minh Mạng, *hoàng đệ* của Thiệu Trị, *hoàng thúc* của Tự Đức.

(Đoạn trên là nói về con trai, còn con gái hoàng đế gọi là *hoàng nữ*. Khi lớn lên, đi lấy chồng, hoàng nữ sẽ được phong *công chúa*. Danh xưng công chúa trong tương lai cũng sẽ thay đổi, tùy theo quan hệ với vị vua đang cai trị. Ví dụ: Công chúa có thể trở thành *trưởng công chúa* (chị/em của vua), *thái trưởng công chúa* (bác/cô của vua), *thái thái trưởng công chúa* (bác bà của vua)... Tuy nhiên, chủ đề bài này là về *prince*, nên về *princess*, chỉ xin nhắc sơ như vậy.)

Với bậc *vương*, con của *vương* gọi là *vương tử*; con sẽ nối ngôi, gọi là *vương thế tử* (thời Lê – Trịnh, vua Lê là *đế*, chúa Trịnh là *vương*, con kế vị của vua Lê là *hoàng thái tử*, con kế vị của chúa Trịnh là *vương thế tử*); cháu nội là *vương tôn*... Tóm lại cứ thay chữ *hoàng* bằng chữ *vương*.

(Đến đây, ta thấy lối viết thông thường “*quốc vương và hoàng hậu*” là không chính xác, vì vợ *quốc vương* phải là *vương hậu*; *hoàng hậu* là vợ *hoàng đế*.)

Nhiều người hẳn sẽ nói sao mà phức tạp thế! Vâng, quả có phức tạp, nhưng cái gì thuộc về vua chúa mà chẳng cầu kỳ, phức tạp. Vả lại, văn hóa Việt Nam minh định tôn ty, thứ bậc rất rõ ràng, tiếng Việt chỉ đơn giản phản ánh đặc tính đó. Con

phải là con, cháu phải là cháu, không thể đánh đồng *hoàng tôn* với *hoàng tử*, *hoàng tử* với *vương tử*.

Thêm nữa, vấn đề chưa dừng ở chỗ này, vì ngoài nghĩa là con cháu, họ hàng của *vương* hay *đế*, chính chữ *prince* cũng có thể là *vương*, hoặc *tiểu vương*, đây là nghĩa trong *Il Principe* (Quân Vương) của Machiavelli. Nước do một *prince* đứng đầu gọi là *principality*, một từ hay bị dịch sai trong tiếng Việt, chẳng hạn *Principality of Monaco* dịch là *Công Quốc Monaco*.

Vì sao sai? Vì *đế quốc* (empire) do một *hoàng đế* đứng đầu, *vương quốc* (kingdom) do một *quốc vương* đứng đầu, thì *công quốc* (duchy) phải do một *công* (duke) đứng đầu, chứ sao lại *prince*? Hiện nay trên thế giới chỉ còn một công quốc duy nhất là Đại Công Quốc Luxembourg (*Grand Duchy of Luxembourg*) mà thôi. *Principality* đứng giữa *duchy* và *kingdom*, nên có thể dịch là *tiểu vương quốc*.

Chưa hết, nói tới *công quốc*, con trai của vị *công tước/công quân* đứng đầu một *công quốc* cũng gọi là *prince*. *Prince* trong trường hợp ấy phải dịch là *công tử*, rồi con *công tử* là *công tôn*, v.v...

Chữ *prince* phức tạp là thế. Ngay khi chỉ về một người duy nhất, nó cũng có thể mang hai nghĩa khác nhau. Ví dụ, nghe *Prince Charles*, *Prince of Wales*, các bạn có nghĩ chữ *prince* đầu tiên khác với chữ *prince* thứ hai không? Có đấy, chữ *prince* đầu tiên chỉ địa vị hoàng tử, con trai nữ hoàng Elizabeth II, còn chữ thứ hai là vương hiệu. *Prince of Wales* nghĩa là *Wales Vương*. Nếu thấy chữ *Wales Vương* không xuôi tai, thì đổi thành *Thân Vương xứ Wales*, hoặc phiên Hán Việt thành *Uy Nhĩ Sĩ Vương* là xuôi ngay.

Tóm lại, nghề chơi nào cũng lắm công phu, dịch thuật không là ngoại lệ. Nếu dịch thế nào cũng được, thì gặp chữ *prince* cứ phang *hoàng tử* là xong, còn dịch có tâm một chút, ắt phải... lên bờ xuống ruộng!

NGUYỄN MINH

Adelaide (Úc), tháng 7-2019

Nguồn: *Viet-studies*, ngày 14-7-2019

GHI CHÚ CỦA ĐẠO UYỄN

1. Cambridge English-Chinese (Traditional) Dictionary giải thích **prince** ⁽²⁾ như sau:

* Nghĩa 1: *an important male member of a royal family, especially a son or grandson of the king or queen* (một thành viên phái nam quan trọng trong hoàng gia, đặc biệt là con trai hay cháu nội trai của vua hay hậu)

Chữ Nho là 王子 **vương tử**, 親王 **thân vương**, 王孫 **vương tôn**. Thí dụ:

– *Prince Edward* = 愛德華王子 [Ái Đức Hoa ⁽³⁾ *Vương Tử* / *Vương Tử Edward*].

– *Prince Juan Carlos of Spain became king in 1975.* = 胡安·

⁽²⁾ <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english-chinese-traditional/prince>

⁽³⁾ Ái Đức Hoa 愛德華: Edward.

卡洛斯王子于 1975 年成为西班牙国王. [Hồ An ⁽⁴⁾ Ca Lạc Tư ⁽⁵⁾ Vương Tử ư 1975 niên thành vi Tây Ban Nha quốc vương. / Vương Tử Juan Carlos của vương quốc Tây Ban Nha trở thành quốc vương vào năm 1975.]

* Nghĩa 2: *a male ruler of a country, usually a small country* (người đàn ông cai trị một nước, thường là nước nhỏ)

Chữ Nho là 国君 **quốc quân**. Thí dụ:

– *Prince Albert II is the ruling prince of Monaco.* = 阿爾伯特二世親王是摩納哥的君主. [Á Nhĩ Bá Đặc ⁽⁶⁾ nhị thế Thân Vương thị Ma Nạp Ca ⁽⁷⁾ đích quân chủ. / Thân Vương Albert II là quân chủ của Monaco.]

Lưu ý, trong thí dụ cho nghĩa 2, Cambridge English-Chinese (Traditional) Dictionary không đưa vào chữ **quốc quân** mà lại dùng chữ **quân chủ**, có nghĩa là *monarch* hay *sovereign*,⁽⁸⁾ đồng nghĩa với *king/queen*.

2. Ngoài cách dịch **công quốc**, từ điển English-Chinese Cambridge còn dịch **principality** ⁽⁹⁾ là: 侯国 **hầu quốc**, 封邑 **phong ấp**.

⁽⁴⁾ Hồ An 胡安: Juan.

⁽⁵⁾ Ca Lạc Tư 卡洛斯: Carlos.

⁽⁶⁾ Á Nhĩ Bá Đặc 阿爾伯特: Albert.

⁽⁷⁾ Ma Nạp Ca 摩納哥 (phồn thể): Monaco.

⁽⁸⁾ <https://www.mdbg.net/chinese/dictionary?page=worddict&wdrst=0&wdqb=%E5%90%9B%E4%B8%BB>

⁽⁹⁾ <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english-chinese-simplified/principality?q=Principality>

BẾN QUÊ

Thôi rồi, thuyền đã trôi xa
Lênh đênh biển cả biết là bến đâu
Sóng ơi, sao sóng bạc đầu
Phải chăng sóng nhớ quá lâu quê nhà
Kể từ lạc bước bên ba
Suối sông quyến rũ mà ra nổi chìm
Nắng mưa xuôi ngược kiếm tìm
Có - không một mối cũng im lặng rồi
Chơn kinh thấm lẳng lòng tôi
Quày đầu gặp bến có xa xôi gì
Voi voi trời nước hề chi
Thuyền từ luôn rước khách si mê về
Mẹ Cha thương ở cận kề
Đường xưa lối cũ, bến quê vẫn chờ
Nhanh lên! Thôi chớ thần thơ
Một đời vay mượn vu vơ, đủ rồi.

VÕ VĂN PHO

CÓ KHÔNG

Có không chìm nổi phận người
Từ không đến có, có rồi hoàn không
Một đời theo mãi có không
Xuôi tay còn lại chữ không bên mình.

KHA NGUYỆT

@ Hiền huynh **Nguyễn Văn Tiễn** (Thừa Thiên - Huế).
Điện thư ngày 04-7-2019:

Bài *Bổ Di Sơ Khảo Thuật*
Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao
Đài: Họ, Họ Đạo, đăng trên

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

Sống Đạo (Kỷ Hội 2019.3, tr. 72) có trích Tân Luật như sau:

Điều Thứ Hai Mươi Bốn: *Hội Công Đồng có Đầu Sư một phái làm đầu và hai chức sắc hai phái kia nghị sự phán đoán về **hình** trục xuất theo lời của người làm đầu trong họ xin.*

Tôi không biết tác giả có gõ sót chữ không, nên hỏi lại cho rõ: Ở đây **hình** có nghĩa là hình thức hay hình phạt?

Huệ Khải: Chào hiền huynh. Cảm ơn hiền huynh đọc bài viết rất kỹ và lưu ý một chi tiết mà lẽ ra tề đệ nên chú thích. Câu văn trích dẫn trên đây hoàn toàn đúng với Tân Luật, bản in đầu tiên (1927), tr. 12, cũng như bản in 1966 (tr. 13), hoặc bản điện tử tại: <https://www.daotam.info/booksv/tluat-02.htm#020024>.

Chữ **hình** này có lẽ các tiền khai dùng theo chữ Nho 刑 (*hình*), nghĩa là hình phạt (*punishment, penalty*). Tham khảo: <https://www.mdbg.net/chinese/dictionary?page=worddict&wdrst=0&wdqb=%E5%88%91>. Vậy, để dễ hiểu, sau này khi trích Điều Thứ Hai Mươi Bốn, chúng ta nên viết: . . . *hai chức sắc hai phái kia nghị sự phán đoán về hình [phạt] trục xuất . . .*

*

 Hiền muội **Huỳnh Thị Thúy Nguyên** (Trà Vinh). Tin nhắn FB ngày 12-3-2019:

Kính chào Ban Ấn Tống. Muội ở Trà Vinh và được ông Từ Ánh dẫn dắt vào Khổng Thánh Miếu (Trà Vinh) cùng Từ Mỹ Tường Khánh. Muội rất cảm ơn Ban Ấn Tống đã gửi kinh sách cho chúng muội để có thể biết, học hỏi thêm nhiều giáo lý của Ông Trên, nhiều tấm gương tốt đẹp của người xưa. Qua đó sẽ giúp ích rất nhiều cho muội nói riêng và tất cả đạo hữu nói chung trên con đường tìm về với cội nguồn. Cuối lời, muội kính chúc Ban Ấn Tống sức khỏe, an khang.

Ban Ấn Tống: Hiền muội Thúy Nguyên mến, chúng tôi cũng giống như những người làm bánh, lúc nào cũng rất cần có thêm nhiều bạn hàng (người phân phối) giúp mang bánh tới tận tay thực khách gần xa. Bây giờ đã có thêm hiền huynh Từ Ánh (ở Khổng Thánh Miếu, Trà Vinh), cô giáo Từ Mỹ Tường Khánh và hiền muội Thúy Nguyên nữa, lòng chúng tôi vui lắm, rất biết ơn tấm lòng mến Đạo, sốt sắng hoằng pháp của quý môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo.

Nhân tiện, chúng tôi mới nhận được điện thoại của bác Ngô Chập Dì (đã rất cao tuổi, môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo) ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Bác đọc kinh sách ấn tống rất kỹ, nhớ nhiều chi tiết. Bác nhắc vanh vách các chi tiết đó qua điện thoại khiến chúng tôi cảm kích. Tâm đạo của môn sanh Minh Đức Nho Giáo thật tỏ sáng vậy.

Cầu nguyện Ông Trên độ trì hiền muội Thúy Nguyên thăng tiến trên đường đạo.

*

@ Hiền huynh **Lễ Sanh Du Nguyên** (tambinh ... @gmail.com)
Điện thư ngày 05-8-2019:

Tôi là Lễ Sanh Du Nguyên, có con cháu ở Hoa Kỳ. Mỗi lần

cúng Thầy, tôi đọc kinh, chúng nó không biết nghĩa lý của câu kinh câu kệ, vì các âm Hán-Việt rất khó hiểu với chúng nó. Tôi muốn đọc kinh xưng tụng công đức Thầy và Tam Giáo cũng như các bài Dâng Tam Bửu, Ngũ Nguyên... bằng tiếng Anh, nhưng tôi không dám dịch ra vì sợ rằng không toát lên được áo nghĩa thâm sâu của các bài ấy. Vậy, qua thư này, tôi tâm thành thỉnh cầu Đạo Uyển dịch cho các bài Kinh Cúng Tứ Thời, Dâng Tam Bửu, Ngũ Nguyên, Kinh Cầu An (giờ Tý), Kinh Cầu Phước Thiện (giờ Ngọ), Kinh Mai (giờ Mẹo), và Kinh Hôm (giờ Dậu)... mà Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thường đọc tụng (vì tôi tu học theo pháp môn Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). Rất thành kính vậy.

Ban Ấn Tổng: Kính thưa hiền huynh Lễ Sanh Du Nguyên,

Chúng tề đệ rất cảm ơn hiền huynh có lòng tin cậy, gởi gắm một công quả quá lớn. Từ trước tới nay, Ban Ấn Tổng chưa dám nghĩ tới việc dịch các bài kinh cúng ra tiếng Anh, cũng vì e ngại giống như hiền huynh là *sợ rằng không toát lên được áo nghĩa thâm sâu của các bài ấy*. Tuy nhiên, thư đề nghị của hiền huynh là một nhắc nhở để chúng tề đệ lưu tâm.

Cầu nguyện Thầy Mẹ và Liệt Thánh Tông Đồ ban ơn phước đến hiền huynh và bửu quyến. Trân trọng.

*

 Hiền hữu **Trần Thanh Tạo** (Quầy Kinh Sách Cao Đài, Tam Kỳ, Quảng Nam). Tin nhắn ngày 24-9-2019:

Ngày 20-9-2019, Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Quảng Nam cùng với họ đạo Trung Hòa (Quảng Nam) trang trọng trao tặng Nhà Phước Thiện cho gia đình cố Phó Trị Sự Hồ Văn Tâm (dân tộc thiểu số) thuộc xã đạo Hòa Gia, họ

đạo Trung Hòa (xã Phước Gia, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam). Với diện tích 70m², Nhà Phước Thiện này có lập Thiên bàn thờ Thầy và bàn thờ cố Phó Trị Sự Hồ Văn Tâm. Tổng số tiền xây dựng là 115 triệu đồng, do đạo hữu gần xa công quả.

Cũng trong dịp này Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Quảng Nam đã tặng ba mươi phần quà (mỗi phần trị giá 400 ngàn đồng) và một số quần áo cho đồng bào dân tộc thiểu số trong xã.



Ban Ấn Tổng: Chúng tôi đăng lại đây tin tức và hình ảnh do hiền hữu Trần Thanh Tạo có nhã ý chuyển về, gọi là chia sẻ niềm vui công quả phước thiện với quý tín hữu Truyền Giáo ở Tam Kỳ. Chúng tôi được biết rằng gia đình cố Phó Trị Sự Hồ Văn Tâm rất đói nghèo khó. Khi đạo hữu đến giúp tang gia đã không cầm được nước mắt vì thấy di thể người quá cố phải đặt nằm dưới nền đất. Bởi vậy, các đạo hữu đã nhanh chóng chung tay, chung lòng xây dựng nên mái nhà khang trang trao tặng gia đình. Tên gọi “Nhà Phước Thiện” rất phù hợp với pháp môn Phước Thiện của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài vậy.



KINH SÁCH MỚI IN

“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện.” Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tổng quý Bốn năm 2019 liên kết Nxb Hồng Đức:

126-1. NHƯ HOA NỮ MUỘN (Huệ Khải, in 2.000 quyển) – Do công quả **20.000.000 VNĐ** của quý ân nhân là môn sanh Chiếu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho), phương danh như sau:

1. ĐT HỒNG LIÊN HƯƠNG công quả **10,000,000 VNĐ** (gởi đợt 91).
2. ĐT NGỌC TUYẾT HƯƠNG công quả **10,000,000 VNĐ** (gởi đợt 80).

ĐẠO UYẾN ĐÔNG 2019 (tập 32), in 1.800 quyển, do công quả **18.200.000 VNĐ** của quý ân nhân phương danh như sau:

A. Gồm 4,200,000 VNĐ của:

1. ĐH NGÔ VĂN HAI: TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà, HTCĐ Tiên Thiên. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Công quả **3,000,000 VNĐ**, gởi đợt 149, 150.

2. Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM: TTi Thanh Tịnh Đàn. Công quả **1,200,000 VNĐ**, đợt 150.

B. Gồm 10 phần công quả (mỗi phần 1,000,000 VNĐ), tổng cộng 10,000,000 VNĐ của:

3. Gia đình ĐTr BẢO TIÊN TÂM: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
4. ĐT BÙI THỊ CẢNH: TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 150.
5. ĐT HỒNG TRANG HƯƠNG: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
6. Đạo tử HUỲNH NGỌC DỐI: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
7. ĐH HUỲNH VĂN HẦU: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
8. Đạo hữu NGUYỄN HỒNG HIẾU: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
9. ĐT NGUYỄN THỊ CHÍN: TT Thuận Kiều, HTCĐ Ban Chính Đạo, Q 12, TpHCM. Gởi đợt 149.
10. ĐT NGUYỄN THỊ TÚ: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
11. Giác linh bé NGUYỄN THIÊN DU: TT An Thạnh, HTCĐ Ban Chính Đạo, Bến Lức. Gởi đợt 150.
12. ĐH NGUYỄN VĂN BÉ: HTCĐ Tây Ninh, TTr Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 150.

C. Gồm 8 phần công quả (mỗi phần 500,000 VNĐ), tổng cộng 4,000,000 VNĐ của:

13. Đạo hữu HUỲNH PHÚC HẬU: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
14. Gia đình ĐT LÊ THỊ KIỂU OANH: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
15. Gia đình ĐT NGỌC VÂN HƯƠNG: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.
16. ĐT NGUYỄN THANH HẰNG: TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 150.
17. ĐH NGUYỄN VĂN ĐẠO: TT Long Khánh, HTCĐ Tây Ninh, Đồng Nai. Gởi đợt 149.

18. ĐT PHẠM THỊ THANH LAN: TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Hồi hướng giác linh song thân (ĐH Phạm Văn Sáu và ĐT Đinh Thị Mùi). Gởi đợt 150.

19. ĐT THANH THẾ HƯƠNG (Vô Thị Thế): TTi Thanh Tịnh Đàn, Tiền Giang. Gởi đợt 150.

20. ĐH TRẦN ĐỨC: TT Trung Mỹ I, HT Truyền Giáo CĐ, Duy Xuyên, Quảng Nam. Hồi hướng giác linh song thân là Quyền Giáo Thiện truy phong Trần Khương, và Lễ Sanh hàm phong Văn Thị Lương. Gởi đợt 149.

PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỔNG

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Chín: Từ ngày 01-7-2019 đến ngày 31-7-2019

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

- | | | |
|---|---|-----------|
| 1 | Giác linh ĐT HUỲNH THỊ LỜI (84 tuổi, TT An Thạnh). Bến Lức, Long An. Gởi 26-7. | 700,000 |
| 2 | ĐT NGUYỄN THỊ CHÍN (TT Thuận Kiều). Q 12, TpHCM. Gởi 21-7. | 1,000,000 |
| 3 | ĐH NGUYỄN VĂN KIỂM (TT Thành Công). Ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Hết, thọ 82 tuổi) và mẹ (ĐT Lê Thị Kinh, thọ 79 tuổi). Gởi 21-7. | 5,000,000 |

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

- | | | |
|---|--|---------|
| 4 | ĐH NGUYỄN VĂN ĐẠO (TT Long Khánh). Long Khánh, Đồng Nai. Gởi 06-7. | 500,000 |
|---|--|---------|

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

- | | | |
|---|--|-----------|
| 5 | ĐT HUỲNH THỊ THÚY (TT Tứ Long Châu): An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi 03-7. | 2,000,000 |
| 6 | ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 26-7. | 2,000,000 |

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

- | | | |
|---|--|---------|
| 7 | ĐH TRẦN ĐỨC (TT Trung Mỹ I). Duy Xuyên, Quảng Nam. Hồi hướng giác linh song thân là Quyền Giáo Thiện truy phong Trần Khương, và Lễ Sanh hàm phong Văn Thị Lương. Gởi 09-7. | 500,000 |
| 8 | ĐH VÕ TRỌNG ĐIỂM (TT Trung Chính). Hòa Thuận, Cam Nghĩa, Cam Ranh, Khánh Hòa. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi 22-7. | 200,000 |

Tổng cộng: **11,900,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Năm Mươi: Từ ngày 01-8-2019 đến ngày 31-8-2019

Môn sanh, đạo tâm:

- | | | |
|----|---|-----------|
| 01 | ĐH HOÀNG & ĐT LAN BÙI (Calif., Mỹ). Gởi 100 USD ngày 15-8. | 2,315,000 |
| 02 | ĐT TRẦN NGỌC NỮ (đàn Minh Khai, Chiếu Minh, Mỹ). Gởi 200 USD ngày 15-8. | 4,630,000 |

THÁNH TỊNH THANH TỊNH ĐÀN (TIỀN GIANG)

- | | | |
|----|---------------------------------------|-----------|
| 03 | Gia đình ĐTr BẢO TIÊN TÂM. Gởi 10-8. | 1,000,000 |
| 04 | Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM. Gởi 10-8. | 1,200,000 |
| 05 | ĐT HỒNG TRANG HƯƠNG. Gởi 10-8. | 1,000,000 |
| 06 | ĐT HUỲNH NGỌC DỐI. Gởi 03-8. | 1,000,000 |

07	Đạo hữu HUỲNH PHÚC HẬU. Gởi 03-8.	500,000
08	ĐH HUỲNH VĂN HẬU. Gởi 03-8.	1,000,000
09	Gia đình ĐT LÊ THỊ KIẾU OANH. Gởi 03-8.	500,000
10	Gia đình ĐT NGỌC VĂN HƯƠNG. Gởi 03-8.	500,000
11	Đạo hữu NGUYỄN HỒNG HIẾU. Gởi 03-8.	1,000,000
12	ĐT NGUYỄN THỊ TƯ. Gởi 03-8.	1,000,000
13	ĐT PHẠM THỊ THANH LAN.	500,000

Hồi hướng giác linh song thân (ĐH Phạm Văn Sáu và ĐT Đinh Thị Mùi). Gởi 03-8.

14	ĐT THANH THẾ HƯƠNG (Võ Thị Thế). Gởi 10-8.	500,000
----	--	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

15	Giác linh bé NGUYỄN THIÊN DU (TT An Thạnh). Bến Lức. Gởi 14-8.	1,000,000
16	Giác linh ĐH NGUYỄN VĂN THÂN (TT An Thạnh). Bến Lức. Gởi 14-8.	2,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

17	ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 20-8.	600,000
18	ĐH NGUYỄN TRÍ THỨC (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 20-8.	200,000
19	ĐH TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý). Gởi 20-8.	200,000
20	ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 20-8.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

21	ĐH NGUYỄN VĂN BÉ. TTr Dương Minh Châu, Tây Ninh. ☎0373632xxx. Gởi 07-8.	1,000,000
----	---	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

22	ĐT BÙI THỊ CẢNH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi 21-8.	1,000,000
23	Gia đình ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi 28-8.	1,000,000
24	ĐT NGUYỄN THANH HẰNG (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi 21-8.	500,000

Tổng cộng: **24,345,000 VNĐ**

ĐÍNH CHÍNH

▷ **59.1. Quan Thánh Xưa Và Nay.** Trang 124, dòng 5, xin **sửa** là:

Chánh tà do bởi nơi tâm tạo

▷ **126.1. Như Hoa Nở Muộn.** Trang 6, dòng 7, xin **sửa** là:

Theo số liệu của *Encyclopædia Britannica Online*

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN ĐÔNG 2019

HUỆ KHẢI chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN, LÊ ANH MINH
Vẽ bìa & Trình bày: NGÔ BÁI THIÊN

In 1.800 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TP HCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 3797-2019/CXBIPH/62-59/HĐ

Số QĐXB của NXB: 628/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 30-9-2019.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-3105-6

Thư từ, bài viết... xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com